

NGƯỜI GÁNH NẶNG

Bút ký của Quách Giao

Nhà xuất bản: Hội Nhà Văn Hà Nội 2006

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 08-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Viết thay lời Tựa
Vào chuyện
Quê hương
Gia đình anh Sáu Sài Gòn
Cuộc đối thoại trên bãi biển.
Trên Hòn Đỏ
Trên đỉnh Đảo
Phát quang
Gánh nước lên đồi
Ăn rong trên Đảo
Gánh đất lên Đảo
Tư duy dưới trăng
Trồng tía trên Đảo
Trồng xoài trên Đảo
Trôi giữa biển khơi
Trên dốc đồi
Đào giếng trên Đảo
Mẹ
Lễ Vu Lan trên Đảo
Khóm mai
Thích nữ Nhất Chi Mai
Đêm ba mươi Tết
Nương chân trên Đảo
Về thăm chôn cũ
Trở lại thăm chốn ân tình
Người thứ ba trở lại
Thay lời kết

Phụ bản: Hòn Đỏ

*Kính tặng chùa Từ Tôn (Hòn Đỏ)
Thân tặng các bạn
Lê Triều Phương, Đoàn Thị Gái
Phan Hồng Châu, Lê Thị Mỹ Anh
Mến tặng hiền nội
Trần Thị Phong Hương*

---o0o---

Viết thay lời Tựa

Trong cuốn Xứ Trầm Hương, nhà thơ Quách Tấn khi viết về chùa chiền ở Khánh Hòa đã có những nhận xét là Khánh Hòa có lẽ là tỉnh nhiều chùa hơn tất cả các tỉnh Miền Nam Trung Việt và chùa có mặt hầu hết trên khắp xã phường trong tỉnh. Các tổ khai sơn đều là người Việt, phần nhiều có sự nghiệp để lại cho đời.

Như chùa Linh Sơn tại thôn Hiền Lương huyện Vạn Ninh có ngài Hòa thượng Đại Bửu, pháp hiệu là Kim Cang Đại lão Tổ sư, lập chùa năm Cảnh Hưng thứ 22 (1761) và để lại câu chuyện ngồi tu thiền dưới cây Kén bên cạnh có một con hổ đến tìm nơi sinh nở, tự nhiên.

Tại huyện Ninh Hòa có Hòa thượng Liễu Đức, pháp hiệu Huệ Giáo, tổ khai sơn chùa Thiên Đức. Người đương thời gọi ngài là Hòa thượng Đò vì ngài đã ra công làm một cây cầu để dân làng sử dụng tránh đi đò nhiều phiền phức. Đồng thời ngài cũng ra công đào một cái giếng nước trên đồi cho dân trong vùng Bình Tây vốn là vùng gần biển và ruộng muối nên thiếu nước ngọt để uống. Nước giếng rất ngọt và không bao giờ cạn. Để nhớ ơn, nhân dân gọi giếng là Giếng Thảo. Sống với ngài còn có đôi cọp mun rất hiền từ với muôn loài.

Cũng tại huyện Ninh Hòa có chùa Thiên Sơn, tổ khai sơn là ngài Trùng Nghệ, hiệu Nhơn Sơn. Hòa thượng thường đi vân du vài ba tháng mới về chùa một lần, có khi về mà không vào chùa chỉ ngồi thiền ở cổng tam quan rồi lại ra đi. Việc ăn uống rất đơn sơ: chỉ một vốc cơm khô, một nắm lá cây cũng đủ một bữa. Khi mẹ mất, nhà sư đến ngồi thiền định bên mộ, giữa đất

trời, suốt một năm tròn. Sau đó lại vào núi Chí Tôn ngồi kiết già rồi tịch trên tảng đá cao, người khô cứng như một gốc cây khô.

Tại Nha Trang, chùa Hải Đức có vị Đại sư Bích Không, pháp danh Trùng Đàm đậu Tú tại năm 1918, trải qua nhiều năm khó khăn cực nhọc mới khởi công xây dựng chùa trên Hòn Trại Thủy. Khởi công năm 1943 và hoàn tất năm 1945. Trước đó Đại sư phải bôn ba đi tìm khắp tỉnh để chọn địa điểm cho cảnh thiền môn vừa hợp với cảnh tu tâm dưỡng tánh của các bậc xuất gia, vừa tiện cho việc độ tha của hành nguyện đại thừa.

Tại Diên Khánh cũng có những ngôi chùa có rất nhiều kỳ tích đáng ghi, như chùa Vạn Thiện với câu chuyện của ngài Thiện Khoáng, chùa Thiên Lộc với sự tích Bà Sáu, chùa Linh Quang với chuyện ngài Nhơn Nguyễn, xuất gia lúc 9 tuổi, hơi tối dạ, trước tu ở chùa Kim Long (Ninh Hòa) sau vào trụ trì và trùng tu chùa Linh Quang. Ngài chỉ ăn rau muống sống và ớt đúng vào giờ Ngọ nên có tên gọi là Hòa thượng Rau.

Còn rất nhiều ngôi chùa có nhiều sự việc đáng cho khách tham quan lưu tâm mỗi khi đến thăm viếng.



Riêng tại Nha Trang, cận kề một danh thắng là Hòn Chông, có Hòn Đỏ là một hòn đảo hoang vu đầy cỏ gai và đá tảng, không có nước và bóng cây. Đây là một hòn đảo chết. Tuy nhiên vào năm 1960 lại có một nhà sư tìm lên khai thác đảo để lập chùa.

Trải qua nhiều năm tháng, cặm cụi lao động một mình nhà sư này đã gây dựng thành một hòn đảo có màu xanh và một ngôi chùa nhỏ nhói ẩn mình trong cây lá. Đó là chùa Từ Tôn và người xây dựng là nhà sư Thích Viên Mãn.

Khi in cuốn Xứ Trầm Hương (năm 1969) nhà thơ Quách Tấn chưa biết đến ngôi chùa này. Viết tiếp theo thân phụ, ông Quách Giao muốn ghi lại những công lao của một vị sư đã âm thầm tạo dựng một ngôi chùa trên một hoang đảo.

Những sự việc đã xảy ra, những tâm tư của người trong cuộc đều do nhà sư Thích Viên Mãn kể lại.



Hòn Đỏ hiện nay là một danh thắng của thành phố Nha Trang, trên đảo lại có thêm một ngôi chùa được một vị sư dày công xây dựng. Phải có những giờ phút đứng giữa nắng giữa khí nóng hùng hực của đá, chúng ta mới cảm nhận được nỗi kham khổ của những tháng ngày lao động trên đảo và những gì ông Quách Giao ghi lại chỉ là những đường nét mong manh trong bức tranh thiên nhiên khắc nghiệt giữa trời bê thăm xanh.

Cái nhan đề *Người Gánh Nặng* cũng chỉ đủ để gợi nên một chút trần ai, một niềm ý chí, trong cõi đời bao la bát ngát này.

Nha Trang, ngày 10 tháng 10 năm 2006
Lê Triều Phương

---o0o---

Vào chuyện



Sư Viên Mãn đưa khách xuống bến đò vào lúc mặt trời vừa khuất non Tây. Trên vòm trời phía đông, rặng mây hồng đã chìm sau đầu dãy núi, để lại trên vòm trời ánh hồng rực rỡ đỏ thắm. Dãy đá nơi bến đò đỏ hồng, soi mình trên sóng nước. Sư Viên Mãn ngược nhìn rặng hồng và quay lại nhìn Phương nói nhỏ:

- Cậu hãy nhìn các hòn đá trên bến đò để nhận rõ là bóng sắc rặng hồng của trời chiều dường như đã nhuộm thắm bức tường đá này. Đứng bên kia bờ chúng ta sẽ thấy khi sắc mây hồng đã nhạt, bầu trời trở lại trong xanh, rồi tím thắm thì vách đá nơi bến đò vẫn còn đượm sắc hồng thắm. Có lẽ vì thế nên người dân trên bờ ngày xưa gọi hòn đảo nhỏ này là Hòn Đỏ chăng?

Khách lặng nhìn mặt nước biển màu xanh thắm rồi nói cùng nhà sư:

- Kính thầy, theo như ý của con thì có lẽ Hòn Đỏ là tên xưa kia của các người đi biển làm nghề đánh cá, từ ngoài khơi đã lấy hòn đảo này làm mục tiêu để vào bến và vì đá trên hòn đảo có sắc đỏ nên họ gọi và luôn tiện đặt tên cho hòn đảo.

Sư Viên Mãn mỉm cười:

- Tôi cũng đã từng nghe như vậy. Nhưng đây là nói đến những người dân bên trong đất liền, không bao giờ bước chân lên thuyền ra biển. Họ hằng ngày ngắm nhìn hòn đảo này và trông vào sắc đá mà gọi tên.

Khách vui vẻ:

- Thế thì Hòn Đỏ là tên gọi của dân chúng nơi đất liền và ngoài biển khơi. Dù sao cũng là tên do người dân lao động nhìn cảnh thực tế mà gọi. Lâu thành tên chính thức trên giấy tờ.

Như vậy ta gồm cả hai lại thì hợp lý hơn. Người đi biển thì nhìn thấy sắc đỏ của đảo từ ngoài khơi như một ngọn hải đăng chỉ lối đường về. Người trong đất liền thì trông hòn đảo như kết tụ bóng rặng chiều hôm.

Sư Viên Mãn:

- Mô Phật, cậu có tâm hồn thi sĩ quá. Nếu như có người nhờ cậu đặt tên cho hòn đảo này theo ý thích của cậu thì cậu đặt như thế nào?

- Thưa thầy, con sẽ gọi đảo này là Đảo Ráng Chiều. Gọi như vậy là vì hòn đảo này khác với các hòn đảo khác trên vịnh Nha Trang. Các đảo khác khi về chiều có màu xanh thẫm phơ mình cùng với sóng nước thương man xanh lặc lìa của biển cả. Còn riêng hòn đảo này thì lại có sắc đỏ thật đặc biệt. Buổi sáng, nhìn từ phương đông, thấy sắc đỏ hồng tươi, buổi chiều nhìn từ phương tây thấy màu đỏ lại càng thêm hồng thắm.



Câu chuyện trao đổi chưa xong thì thuyền đưa đồ cũng vừa cập bến. Từ tạ nhà sư xuống đò, khách ngẩng nhìn thấy phương tây màu trời đã sẫm tối. Và khi ngồi im trên đò khách lại nhìn thấy hòn đá lớn nhất trên bến đỏ au lên như một ngọn đuốc. Bóng nước hồng rung rinh. Bóng nhà sư lặng chìm vào bóng xanh thẫm của cây lá.

Con đò lặng lẽ rời bến. Gió chiều thổi mạnh, sóng vỗ vào mạn thuyền làm nước bắn lên tung tóe.

Một mình đứng lặng trên bến, sư Viên Mãn bỗng nhớ đến những ngày đầu tiên sư bước chân lên đảo này.

Đó là vào năm 1960.

Sư vốn người ở Phú Yên.

---o0o---

Quê hương

Tôi được sinh ra trong một gia đình nghèo khó. Tôi mất cha từ thuở ấu thơ. Mẹ tôi ở vậy, sống trong lam lũ, lao động cực nhọc để nuôi tôi.

Làng tôi cũng nghèo như những làng quê nằm ven chân núi. Núi ở quê tôi trùng trùng chạy dài đến chân trời song không có nhiều cây cao cổ thụ, không có nhiều rừng xanh rậm rạp. Làng tôi ít ruộng lúa mà lại nhiều gò cùng với những ngọn đồi trơ trọi, ít cây cao mà nhiều đá tảng. Đất phân

nhiều là đất sỏi, thật là hợp với câu ca: “Quê hương tôi, đất cày lên sỏi đá”. Mỗi khi mưa đến thì đất lại nhão nhòe nhòe mà khi có nắng lên lại khô cứng như kết chặt cùng nhau. Người ta thường gọi đó là đất da bò.

Tôi lớn lên trong nghèo khó. Thiếu cơm ăn và vải mặc. Nhưng nhờ ở tấm lòng yêu thương của mẹ tôi mà tôi đã vui vẻ sống hòa đồng cùng với các bạn đồng trang, đồng hoàn cảnh trong làng.

Ngay từ sáng tinh mơ, mẹ tôi đã ra đồng làm thuê cho hàng xóm. Đầu vụ mùa thì đi cấy, làm cỏ lúa. Đến ngày mùa thì đi gặt lúa. Không đúng vụ mùa thì lại đi xay lúa, giã gạo thuê. Nhờ các công việc này mà gia đình tôi có được miếng ăn, tuy không đầy đủ song khỏi phải vay mượn, thiếu thốn. May nhờ mẹ tôi không ốm vặt nên công việc làm thuê ít khi gián đoạn.

Nhiều buổi sáng khi tôi tỉnh giấc thì mẹ tôi đã ra đồng. Rửa mặt xong, tôi ngồi nhai thong thả vài củ khoai lang mà mẹ tôi để sẵn trên bàn và chờ đợi tiếng hò reo kêu réo của bè bạn trong làng. Chúng tôi kết thành từng nhóm những bạn trẻ đồng tuổi và đồng tánh. Trẻ thơ thường đến với nhau khi có cùng chung một vài sở thích. Đá bóng, lội sông, chơi đá dế, thả diều là những thú chơi thường dễ dàng kết bạn thân với nhau. Chúng tôi đều là con nhà nghèo. Được sống cùng với thiên nhiên nên hòa hợp với nhau rất dễ. Buổi sáng hội cùng nhau tại sân đình làng để cùng chơi đánh bi, đánh đáo. Sân đình thường vắng vẻ nên rất thích hợp với tuổi thơ. Trẻ em trong làng chia làm nhiều nhóm: đi học, chăn bò, giữ em trông nhà. Nhóm bọn chúng tôi không được đi học, không có bò mà chăn, nhà lại trống trơn nên khỏi phải trông coi.

Nhóm đi học thuộc thành phần gia đình khá giả, cha mẹ có công ăn việc làm đủ sống nên cố gắng gửi con đến trường. Có đôi gia đình tuy hoàn cảnh khó khăn nhưng vẫn cố gắng cho con theo học.

Nhóm chăn bò, phần đông là chăn bò cho gia đình hoặc chăn thuê cho các gia đình khá giả đã cho cha mẹ chúng công ăn việc làm và giúp đỡ chúng khỏi phải đi chơi. Nhóm này thường tụ hội trên một gò mả rộng, có ngôi miếu nhỏ nép mình dưới một gốc đa cổ thụ, tỏa bóng mát một vùng. Bò thì được thả ăn tự do còn bọn trẻ thì quây quần dưới tàn cây đa rậm mát. Chúng ít khi đánh bi mà lại đánh đáo, đánh trống hoặc bịt mắt bắt dê,

Đánh đáo là cách đánh bằng các đồng xu thả vào một cái lỗ to gấp đôi đồng xu, đứng cách lỗ vài ba bước dài ngắn tùy theo khổ người chơi. Cao thì đứng hơi xa, thấp thì đứng hơi gần. Dưới lỗ đáo là một vạch ngang dùng để giới

hạn quyền ưu tiên sử dụng của người đang chơi. Thông thường chỉ có hai người chơi. Nếu nhiều người thì phải chia thành hai nhóm và lần lượt chơi theo thứ tự như chỉ có hai người. Trò chơi ban đầu hai bên dùng một đồng xu đứng cách xa lỗ đáo cùng ném vào lỗ. Khi đồng xu lọt được vào lỗ đáo thì được giành quyền ưu tiên, khi không ai ném vào được lỗ đáo thì phải đo xem đồng xu nào kề gần lỗ nhất thì được ưu tiên: khi cả hai cùng vào lỗ thì phải đi lại. Khi phân định ưu tiên xong thì các bên chơi đấu tiền lại, khi thì hai xu và có khi nhiều hơn tùy theo vốn của hai bên.

Cuộc chơi bắt đầu bằng người ưu tiên đứng xa ném tiền vào nơi lỗ đáo. Tiền xu nào chui vào lỗ thì được lấy ra thuộc về người chơi. Khi có tiền chui vào lỗ đáo thì người chơi được quyền lấy một đồng xu đặt bên mép lỗ đáo và dùng đồng chì (một mảnh chì hình tròn như đồng xu nặng nhẹ tùy theo người sử dụng) đánh văng đồng xu này mà không được chạm vào các đồng xu khác. Khi những đồng xu không vào được lỗ mà nằm chồng lên nhau thì được gọi là tang, khi có hai đồng chồng lên nhau thì gọi là tang hai, khi có ba thì gọi là tang ba v.v.. và người đang chơi được quyền dùng đồng chì riêng của mình ném cho những đồng xu chồng lên nhau rời nhau ra và không được chạm vào các đồng xu khác. Khi không có “tang” thì người đang chơi được đối thủ chỉ định: một là ném hòn chì vào lỗ, hoặc ném hòn chì trúng vào một đồng xu nào trên vạch ngang mà không được chạm vào các đồng xu khác.

Một đôi khi đối thủ bắt người chơi dùng hòn chì ném vào một đồng xu ở bên dưới vạch ngang để làm cho đồng xu này văng lên khỏi vạch. Những khi có nhiều đồng xu ở quanh miệng lỗ thì phần nhiều đối thủ đều bắt buộc người chơi ném chì vào lỗ mà không được chạm vào các đồng xu chung quanh. Khi thấy có nhiều đồng xu nằm khít vào nhau thì việc yêu cầu ném trúng một đồng nằm ở giữa sẽ nhất định xảy ra. Trong cuộc chơi nếu người đang chơi có sai phạm thì chỉ được hưởng những đồng tiền đã chui vào lỗ và phải nhường chỗ cho đối tượng cùng chơi. Khi chỉ còn có một đồng xu thì người chơi phải tìm cách ném đồng xu này vào được trong lỗ. Nếu không ném được thì phải theo lời đối phương làm theo một trong ba cách: một là dùng chì ném cho được vào lỗ, hai là ném cho trúng đồng xu còn lại, ba là phải ném cho văng lên đồng xu nằm dưới lằn vạch.

Trong cuộc chơi chia hai phe thì mỗi phe phải cử ra một “cao thủ” làm chủ và được đi đầu, tiếp đến là người của đối thủ và cứ thế lần lượt cho đến khi hết tiền. Các trận chơi phần nhiều tùy thuộc vào tay lạnh nghề và còn tùy thuộc vào hòn chì nữa. Hòn chì nặng thì thích hợp cho việc phá “tang”. Hòn

chì mỏng thì thích hợp cho việc ném chì vào lỗ hay đánh trúng mục tiêu giữa đám tiền bao quanh. Tuy nhiên hòn chì lại tùy thuộc vào tay người chơi nghề: sự quen tay là căn bản trong công việc sử dụng hòn chì.

Cách đúc hòn chì cũng rất công phu. Nung chảy và đổ chì vào một cái khuôn làm bằng đất sét có một cái lỗ do một đồng xu được in sâu vào. Độ dày tùy thuộc vào người thích sử dụng. Đem chì nấu chảy đổ vào khuôn rồi đợi cho nguội đem đập vỡ ra và đem hòn chì ra mài nơi thềm gạch để có một hòn chì cạnh sắc, mặt láng. Nhờ hòn chì do sự khéo tay đúc mà nổi danh trong đám đánh đáo. Những trẻ đánh đáo “chuyên nghiệp” đều thềm muốn có được một hòn chì vừa đẹp, vừa hợp với lối đánh của mình. Đôi lúc trên hòn chì lại còn ghi tên chủ và ngày tháng đúc. Một đôi khi chúng phải dành dụm tiền để mua lại cho được hòn chì “lý tưởng”. Có lúc chúng lại trao đổi bằng hiện vật hợp với sở thích của nhau. Như trao đổi một con sáo ra ràng, một con chim cu mới nở hoặc một con cò trắng mới vừa bẫy được. Trong hoàn cảnh nghèo khó của tuổi thơ vẫn có những sự trao đổi vừa là tình bạn, vừa hợp theo sở thích.

Sau trò chơi đánh đáo là trò đánh trống. Sân chơi trống cần thoáng rộng. Thường là sân đình hoặc là một nông gò rộng. Bộ trống gồm có hai thanh gỗ dài ngắn khác nhau có đường kính to bằng ngón tay cái người lớn, đôi khi lớn bằng đầu ngón chân cái. Thanh dài có tên là trống mẹ, dài độ 5 tấc, thanh ngắn gọi là trống con, dài khoảng 1 tấc (có khi ngắn bằng 0,50 tấc). Đa số trống đều làm bằng gỗ chà rang. Cây chà rang là một loại cây thân bao giờ cũng thẳng, thường hay mọc thành từng đám gần nơi suối nước. Gỗ chà rang được sắp vào hàng danh mộc. Vì có thân mọc thẳng và đầu đuôi bằng nhau nên được dùng làm cột kèo, rui mè cho những ngôi nhà tranh cao cấp. Một ngôi nhà có mái làm toàn bằng gỗ chà rang thì trông rất đẹp mắt vì thân thẳng và màu trắng ngà của thân cây đã bóc vỏ. Mối mọt cũng rất ít xâm phạm vì gỗ cứng. Màu gỗ đậm sặc theo thời gian. Thân cây tròn láng và đồng đều từ đầu đến cuối nên có người làm tượng là gỗ được thợ bào đẽo kỹ lưỡng. Không gì thích thú bằng buổi trưa hè cột võng nằm nơi hiên nhà trong cơn gió nồm hiu hiu thổi, tai nghe tiếng cu cườm gáy vọng từ bụi tre đầu vườn vắng lại, mắt đăm đăm nhìn lên mái tranh ngắm những cây rui, cây mè, màu vàng như ngà voi, sườn đuột đan xen nhau thẳng tắp trên mái hiên nhà.

Người đi rừng thường gặp chà rang mọc thành từng đám. Cây cao, mọc thẳng vút và có thân lớn đường kính gần 0,50 mét. Thân cao có đến 4, 5 mét. Ngọn và gốc gần như bằng nhau. Vỏ cây chà rang rất mỏng, dễ lột khi còn

tươi, dễ khô khó lột, màu gỗ luôn luôn có màu vàng ngà. Vì mọc thẳng nên chà rang ít có mắt nơi thân. Rừng chà rang trông giống như rừng bạch đàn, nhiều khi mọc rậm nhưng bao giờ cũng thoáng. Người đi chặt chà rang bao giờ cũng có hứng thú vì cây tuy cứng song lại dễ chặt và nhất là khi bó lại thành bó thì bó củi trông vô cùng thích mắt. Như là một bó lồ ô vậy. Tuy nhiên vì là gỗ quý nên chà rang rất nặng. Nhiều thợ rừng thường mất sức vì ham bó nhiều cây để vác về nhà. Vì là loại cây thẳng nên thường bị chặt ngay từ khi còn nhỏ nên rất ít khi có được các cây có thân lớn để làm cột nhà (hơn nữa là vì chỉ có màu trắng nên tuy là danh mộc song chà rang lại không được quý bằng gỗ trắc, gỗ lim v.v.) Cho nên đa số cây chà rang chỉ dùng để làm rui, mè cho đẹp mái nhà mà thôi.

Ở thôn quê nhà thường là nhà tranh. Mái nhà, ngoài kèo và đòn tay ra còn có rui mè làm căn bản. Sau khi dựng cột kèo xong người ta thường bỏ đòn tay để làm sườn nhà. Xong đòn tay thì phải bố trí rui mè để dùng làm sườn mái lợp tranh hoặc rạ. Cây rui thường lớn bằng cổ tay, được xếp dọc trên nóc mái chỗ cây đòn dông giống xuống, nằm gác trên các cây đòn tay được xếp nằm ngang. Cây mè thì nhỏ hơn nhiều, chỉ bằng ngón tay cái là lớn nhất đặt nằm song song với các cây đòn tay cách nhau chỉ độ một gang bàn tay tùy theo độ lợp mái dày hay thưa.

Ngoài việc làm mái nhà, chà rang còn rất thông dụng làm vật dụng trong gia đình. Trước tiên là làm đĩa bếp, đĩa con để ăn cơm. Sớ gỗ chà rang vừa cứng vừa thẳng nằm theo hàng dọc thân cây nên rất dẻo, rất khó gãy. Hơn nữa vì thân thẳng nên dễ dàng vót thành đĩa. Sớ chà rang gần giống như sớ của cây tre, cây cau (cũng thường dùng làm đĩa ăn) Đĩa chà rang màu vàng ngà ít bị đổi màu nên nếu biết gìn giữ thì có thể dùng đến 5, 10 năm mà vẫn còn tốt. Lựa một khúc gỗ chà rang có độ dài bằng chiếc đĩa rồi dùng rựa chẻ ra làm nhiều cây nhỏ. Vì sớ gỗ thẳng nên đa số cây đều bằng nhau và việc vót cho tròn rất dễ dàng.

Ngoài việc làm đĩa, gỗ chà rang còn dùng trong việc “khớp răng cối xay lúa”. Khi xưa, cối xay lúa là công cụ dùng hằng ngày của thôn quê. Cối xay lúa gồm hai tấm thớt chạy xoay trên nhau để làm hạt lúa được bóc vỏ. Hệ thống bóc vỏ gồm nhiều thanh gỗ nằm xuôi chiều. Thớt trên lưu động chung quanh một trục gọi là ngõng cối xay. Thớt dưới cố định. Khi thớt trên di động thì lúa trên lòng cối theo lỗ cối xuống đến các khe trống của thớt và được các răng gỗ này chạm vào nhau đủ làm cho vỏ lúa bóc ra khỏi hạt. Vì thế nên các thanh gỗ này thường hay mòn và xơ ra nên cần có độ cứng bền lâu. Xay lúa trong một thời gian thì “răng cối xay” mòn dần và lúa không

còn được bóc vỏ đều đặn nữa, khi đó gọi là lúa xay bị sống. (nghĩa là nhiều hạt lúa còn nguyên). Khi ấy cần phải thay răng cối xay. Và gỗ chà rang thường được đem ra sử dụng. Đất dùng trong lòng cối thường là loại đất sét lầy ở các đụn gò mồi (đất này có độ cứng cao). Dần dần theo năm tháng cối xay lúa đi vào quên lãng và chỉ còn nhìn thấy trong các dịp triển lãm nông cụ cổ của nền nông nghiệp Việt Nam.

Trong văn học sử có bài thơ Vịnh Cối Xay của vua Lê Thánh Tông:

*Thóc lúa kho trời vẫn sẵn đầy
Tạc thành cối để mà xay
Thâu tàng châu ngọc tư mùa đủ
Chuyển vận âm dương một máy xoay
Đất phẳng nổi đùng cơn sấm động
Vùng to vung tóa hạt mưa bay
Dem tài xoay xóa ra tay giỏi
Lợi dụng cho dân đủ tháng ngày.*

Nhà thơ Nguyễn Khuyến cũng có bài thơ Cối Xay :

*Khen con tạo hóa cũng tài thay
Khéo tạc nên hình cối xay
Tiếng nói âm âm như sấm động
Miệng cười răng rắc tựa mưa bay
Lưng đeo đai bạc trăm vành nặng
Dạ chứa lòng vàng một giếng ngay
Lại có hai tai thông sáng cả
Gác ngoài danh lợi lắc đầu quay.*

Chúng ta nhận thấy một nông cụ đã từng được một vị vua, một ông Nghè tam nguyên làm thơ ca tụng thì xứng đáng được người dân nhớ mãi dù tên tuổi đã bị thời gian vùi lấp.

Gỗ chà rang được dùng nhiều trong gia dụng và giới trẻ cũng đã dùng trong sinh hoạt vui chơi. Chúng thường lựa nơi các đồng củi của gia đình để tìm cho được một khúc củi chà rang, thân to độ chừng ngón tay cái. Loại này thường thẳng từ đầu đến ngọn và rất dễ dàng phân biệt trong đám củi khô. Chọn xong cây gỗ chúng dùng mảnh chai chuốt sạch vỏ mỏng bên ngoài rồi dùng gang tay phân độ dài trông mẹ và trông con. Mẹ thường dài gấp 4 lần con. Một mẹ thường có 4 con vị cần dự bị nhiều lúc đánh mạnh trông con có thể bay vào bụi rậm hoặc văng xuống ao, hồ. Chia như thế để khi nạo vỏ

xong thì chỉ cần chặt cây chọn ra làm hai, một để làm trống mẹ, một lại chặt ra làm 4 để làm trống con (chia cây làm đôi là một cách làm đơn giản).

Có con trống rồi thì cách chơi được tổ chức như sau:

Cách tại nơi đầu sân chơi một khoảng độ 1 mét khoét một lỗ dài khoảng độ 1 gang tay sâu 2 đốt ngón tay. Thường thì lấy độ dài của trống con làm ni tắc. Lỗ dài và rộng đủ để đặt trống con nằm vào gọn trong lỗ. Người chơi được chia làm hai. Một đứng cuối sân làm chủ, một đứng giữa sân chuẩn bị bắt trống con. Nhóm chủ lần lượt theo từng người đặt trống con nằm ngang miệng lỗ rồi dùng trống mẹ hất mạnh trống con ra bất cứ phía nào cốt để đối phương không đón bắt được trống con. Phe đối phương phân phối người đứng thế nào để có thể đón chặn bắt khi trống con được hất văng ra. Nếu không bắt được trống con thì đối phương phải đứng tại nơi trống con nằm yên dưới đất và ném mạnh trống con thế nào để trống con chạm đúng vào cây trống mẹ được đặt nằm ngang trên miệng lỗ. Mỗi khi ném trúng thì cuộc chơi thay đổi chủ. Nếu ném không trúng thì giai đoạn 2 của cuộc chơi được thực hiện.

Giai đoạn 2 là đặt trống con nằm xuôi theo trong miệng lỗ chỉ ló lên một phần đầu. Người chơi dùng trống mẹ khẽ đánh cho trống con văng lên khỏi miệng lỗ và dùng trống mẹ đánh văng trống con, càng xa càng tốt. Khi đó đối phương đã sẵn sàng phân tán ra khắp sân để đón bắt trống con. Đây là giai đoạn gay go và thích thú nhất của cuộc chơi. Bên chủ cố gắng đánh văng xa và khác hướng để đối phương không thể nào bắt được trống con. Đối thủ cố gắng bắt cho được trống con để ngăn không cho đối phương được thêm nhiều điểm. Có một điểm cần lưu ý trong giai đoạn chơi này: Một khi phe chủ đánh bật trống con lên khỏi miệng lỗ thì dùng trống mẹ nâng nhẹ trống con lên hai lần, một lần nâng, một lần đánh ra xa. Nếu làm được như vậy thì số điểm sẽ được tính bằng số đo trống con (chớ không phải trống mẹ) từ chỗ rơi đến miệng lỗ. Nếu khi nâng mà trống con rơi xuống ngay thì chỉ được coi như đã đánh một lần và chỉ dùng trống mẹ để đo. Đa số đều nằm gần miệng lỗ nên nếu không được một khoảng cách bằng trống mẹ thì thay đổi chủ chơi.

Phần nhiều các thành viên đều dùng cách đánh ngay không qua khâu nâng thêm một lần (cho nó chắc gạo). Theo đúng luật chơi thì bên cầm trống mẹ không được nhắc trống mẹ rời khỏi miệng lỗ đợi đối phương ném trống con về miệng lỗ và cố đánh văng trống con ra xa. Khi trống con chạm đất, khoảng cách tính theo số đo của trống mẹ. Các đối thủ phân chia người đứng

rải ra các hướng để đón bắt trống con, mỗi khi trống con bị đối phương đánh trúng văng ra xa. Khi bắt được trống con thì cuộc chơi được đổi chủ. Sự đón bắt kỳ này khó khăn hơn lúc ban đầu vì sức bay của trống con khi này rất nhanh và không thể định được hướng như lúc ban đầu. Người ném trống con cũng dùng đủ mưu mẹo để lừa phỉnh đối phương như nhá nhá để đối phương tưởng đã ném mà nhắc trống mẹ lên để đánh trống con, khi đó thì quan sát viên kịp thời hô hoán lên để xin thay đổi chủ chơi. Khi bị như vậy thì bên chủ phải thay ngay người chơi (đó là thủ đoạn để thay người đánh giỏi của đối phương) Tuy nhiên thủ đoạn này chỉ được chấp thuận có ba lần và đổi thủ cũng phải được thay người.

Tục ngữ có câu:

*Đánh trống mang u
Đánh cù lỗ óc.*

Câu tục ngữ này nói về sự tai hại của hai lối chơi. Mang u là bị u đầu vị cây trống con có thể văng vào đầu khiến đầu có cục u. Còn đánh cù (là một cách chơi dùng gậy đánh vào trái banh bằng trái bưởi hoặc bằng dây chuối quấn thành trái banh. Khi chơi gậy có thể đánh trúng nhâm đầu).

Chơi đánh trống là một trò chơi dân dã không tốn kém và thích hợp với tuổi thơ nơi nông thôn. Nó luyện cho trẻ thơ sự nhạy bén của đôi mắt, sự nhanh tay và nhanh chân. Chơi trống cũng cần đến sự chung sức chung lòng của tập thể. Sự phân công chiếm lĩnh các vị trí để đón bắt cây trống con và sự khôn lanh khi hát cây trống con thoát khỏi sự đón bắt của đối phương. Chơi đánh trống gần giống như trò chơi đánh khúc côn cầu của Tây phương.

---o0o---

Gia đình anh Sáu Sài Gòn

Dưới chân ngọn núi Cù Lao nơi mé biển có hai vợ chồng người dân chài sống lẻ loi một mình. Đó là vợ chồng anh Sáu Sài Gòn.

Anh Sáu quê ở Long An. Nhà nghèo phải đi làm thuê. Suốt năm tháng dầm mưa dãi nắng ngoài đồng mà vẫn không đủ miếng ăn. Muốn đổi đời nên anh lên Sài Gòn kiếm sống. Bươn chải giữa đô thị người khôn của khó, anh Sáu vẫn không có một công việc ổn định. Tình cờ anh quen biết với một cô gái người miền Trung vào Sài Gòn tìm việc làm sinh sống. Cuộc tình duyên của

những người nghèo khó xảy ra đơn giản như bao cuộc tình duyên khác. Cùng một cảnh ngộ, cùng một cuộc đời, hai người quen nhau nhanh chóng. Ban đầu, hỏi thăm gia cảnh, hẹn nhau gặp gỡ ở công viên. Chủ nhật hoặc ngày nghỉ, đi Sở thú, xem chiếu bóng, rồi trở thành thân nhau.

Sài Gòn có rất nhiều rạp chiếu bóng thường trực. Sáng bắt đầu chiếu từ 7 giờ. Trưa chỉ nghỉ có nửa giờ rồi tiếp tục cho đến 11 giờ khuya. Suốt cả ngày chỉ chiếu có một phim. Hết phim chỉ nghỉ có mười lăm phút rồi bắt đầu chiếu lại. Việc chiếu thường trực rất lợi cho người cần xem phim. Vào rạp lúc nào cũng được. Xem bao nhiêu lần trong một ngày cũng được. Có người ngồi luôn trong rạp từ sáng cho đến khuya. Nhất là ở những rạp có máy lạnh. Có thể vừa xem phim vừa ngủ trưa. Không muốn xem phim đứt đoạn thì vào ngồi ngủ đợi đến lúc bắt đầu chiếu lại coi luôn một thể. Rạp chiếu phim thường trực cũng là nơi tiện cho việc hẹn hò gặp nhau của đôi lứa trai gái cần một không gian tranh tối tranh sáng để được ngồi gần nhau. Đây là nơi tiện lợi cho những mối tình nghèo. Anh chị Sáu thân nhau nhờ những buổi xem phim thường trực ấy.

Cuộc sống gia đình tuy tạm yên ổn nhưng anh Sáu lại gặp phải một trở ngại lớn lao. Đó là anh đang ở vào tuổi thi hành quân dịch. Khi đó tuy thành phố Sài Gòn chưa có các cuộc truy quét rầm rộ để bắt lính nhưng có nhiều cuộc khám xét các cư dân trú ngụ bất hợp pháp thường xảy ra. Việc không có chỗ cư trú và ở vào tuổi quân dịch khiến vợ chồng anh Sáu sống thường trực trong sự lo âu. Cuối cùng vợ chồng anh Sáu quyết định ra Nha Trang sinh sống bằng nghề chài lưới. Cả ngày lênh đênh trên mặt biển thì việc bị bắt đi quân dịch có thể tránh khỏi. Nha Trang là quê hương của chị Sáu. Vợ chồng ban đầu tạm thời nương náu nơi nhà bà cô già góa bụa của chị Sáu. Bà Hai ở thôn Cù Lao. Thuở xưa bà có chồng làm nghề đi biển. Chồng theo thuyền ra khơi, vợ ở nhà đan lưới. Trong một ngày mưa bão, chồng bà mất tích giữa bể khơi. Tuy không con, bà vẫn ở một mình cho đến tuổi già. Khi gặp hai vợ chồng anh chị Sáu bà vui lòng nhận cho họ ở nhờ và coi như là con ruột. Bà bày cho chị Sáu nghề rưới cá. Đó là một nghề buôn bán cá tươi trực tiếp từ các ghe thuyền đi đánh cá từ bể Đông trở về. Từ sáng sớm “nội rưới” đã chờ sẵn nơi bến cá đợi thuyền về.

Chân trời vừa hửng sáng, mặt biển yên lành gợn đôi nét sóng lăn tăn. Nền trời màu xanh nhạt rồi ửng hồng. Mặt trời sắp nhô lên ở chân trời. Trên mặt biển đã xuất hiện một vài chiếc thuyền đánh cá trở về. Khi mặt trời nhô lên khỏi mặt sóng thì đã có một đôi chiếc thuyền cập bến. Thuyền về từ xa, người trên bờ đã nhận ra là thuyền của ai. Mỗi một con thuyền đều có một

nét riêng, một dáng riêng, một cách điều khiển khi thuyền chạy, đều được nhiều người đón chờ trên bến phân biệt ngay từ lúc thuyền còn ở xa. Nhìn thuyền chạy chậm hay nhanh, nhất là thấy mạn thuyền thấp hay cao là họ biết ngay trúng cá hay không. Khi thuyền cập bến, thuyền nào có bạn nấy. Bạn “rồi cá” đón lấy các mẻ cá từ dưới thuyền chuyển lên rồi sau khi được chủ cá hay chủ thuyền dặn dò giá cả họ nhanh chóng đem cá ra chợ. Ngày trước phương tiện chuyên chở chưa đầy đủ như bây giờ, bạn “rồi cá” phải gánh cá chạy từ bến cá ra chợ có khi đường dài đến 10 cây số. Nay thì có xe ngựa, xe lam. Đôi khi được người nhà chở bằng xe Honda. Những thuyền không có bạn rồi bao mua thì có nhiều bạn hàng tranh mua. Trong lúc này tiếng cãi nhau, tiếng trả giá, tiếng cười nói chen lẫn với tiếng chửi thề khiến cho không khí chợ cá ồn ào náo nhiệt. Cho nên tục ngữ có câu :

“Ồn ào hời hả như chợ rồi cá ban mai”.

Đặc biệt chỉ có nhiều tiếng cãi cọ tranh nhau mà ít khi xảy ra sự việc đánh nhau. To tiếng, cãi cọ, nói tục, nói cạnh nói khoé như là thói quen hơn là ác ý. Cho nên khi mua được cá rồi thì mạnh ai nấy chạy vội đi chợ mà không một ai còn nhớ đến những cuộc cãi cọ tranh giành trước đó. Buổi sáng hôm sau trong lúc ngồi đợi thuyền cá về họ lại vui vẻ đùa giỡn cùng nhau, vui vẻ thăm thiết như bà con trong nhà.

Chị Sáu nhờ bà Hai chỉ bảo để theo nghề rồi cá. Tuy nhiên vì ít vốn và bản tính hiền lành nên sau một thời gian chạy rồi chị đành phải giải nghệ ở nhà học bà Hai nghề đan lưới. Anh Sáu vóc người nhỏ nhắn, sức khỏe yếu nên sau vài chuyến đi bạn anh cũng thôi việc, trở về đánh bắt cá ven bờ. Anh nhờ vốn bà Hai cho mượn sắm được một chiếc thuyền con, vài ba tay lưới. Buổi chiều anh chèo thuyền đi thả lưới rồi về nhà nằm đợi đến nửa khuya lại chèo thuyền đi thu lưới. Công việc tuy vất vả nhưng được tự do. Mỗi khi trời động hay mùa mưa bão thì đành phải nằm nhà ăn cơm với nước mắm. Cuộc sống tuy không giàu có nhưng cũng không nghèo hèn. Chị Sáu mỗi buổi sáng đem cá chồng lưới được bán ở chợ Cù Lao, trưa về lại tiếp tục nghề đan lưới. Hai vợ chồng trẻ sống bồng bềnh theo sóng nước trong niềm vui tự nhiên của một ngư dân.

Rồi một hôm, vợ chồng anh Sáu sau khi bàn với nhau đồng thưa với bà Hai xin cho ra ở riêng. Có hai lý do rất giản đơn, một là vì nhà bà Hai ở hơi cách xa bến bãi nên việc neo thuyền vì thiếu người trông coi nên thường bị người lạ tạm mượn thuyền chèo đi trong một vài hôm rồi bỏ thuyền nơi bến khác

khiến anh Sáu phải đi tìm măt nhiều thời gian, hai là nhà bà Hai quá chật nên việc sinh hoạt trong nhà khó khăn.

Bà Hai vui vẻ chấp thuận và giúp thêm cho một ít vốn để hai vợ chồng ra bãi đá dưới chân núi Cù Lao, cận sát mé biển, cất một túp lều bằng tranh. Nơi đây khi ấy chưa có đường đi rộng mà chỉ có một lối mòn ven chân núi để người dân qua lại sinh hoạt. Vùng này lại thiếu nước ngọt nên không một ai thích sinh sống nơi đây. Chỉ có đôi mái tranh đơn sơ che tạm để các ngư dân tạm trú trong những ngày đánh cá trong vùng.

Tuy thưa vắng người ở song hai vợ chồng anh Sáu sau khi cất lều xong lòng rất vui mừng vì từ đây hai vợ chồng đã có được một ngôi nhà riêng, một mảnh đất riêng và nhất là một nơi ở rất thuận tiện cho công việc sinh sống hằng ngày.

Ngôi lều tranh, vách lá, cửa phen, bên trong chỉ kê vồn vện một cái giường tre nhỏ gọn và một cái bàn nhỏ bằng gỗ tạp cũ kỹ. Trên vách lá, chỉ có vồn vện một tấm gỗ dùng làm bàn thờ, trên để một bình hoa bằng đất và một đèn dầu. Vào ngày rằm, mùng một, bình hoa có cắm hoa điệp, hoa sống lâu. Đôi lúc cũng có một nải chuối, một quả bưởi tùy theo mùa trái cây. Cần thận sợ hỏa hoạn nên một căn bếp nhỏ được cất cách xa lều chính.

Về nước tiêu dùng, chị Sáu phải hằng ngày đi gánh ở tận xóm Cù Lao, mỗi ngày một đôi. Khi cần giặt áo quần thì chị phải đem vào tận trong giếng thôn Cù Lao. Anh Sáu thì phải tắm bằng nước biển, chỉ có chị Sáu mới được tắm bằng nước ngọt. Lâu ngày thành thói quen. Nhiều đêm trời nóng nực chị Sáu theo anh Sáu ra tắm biển.

Trời mùa nóng màu trời như xanh thắm hơn, lòng trời cao hơn và trong suốt hơn, muôn vì sao lấp lánh như nhiều hơn, biển bao la và dịu hiền hơn. Con sóng đêm nhẹ nhàng ve vuốt trên làn da trắng muốt của chị Sáu khiến anh Sáu chợt nhận thấy rằng vợ mình tươi trẻ hơn mọi ngày. Nước biển ấm áp, gió biển ngọt ngào. Hai vợ chồng như sống lại những giờ hạnh phúc lúc mới gần nhau.

Cuộc sống êm đềm trôi qua, rồi một hôm chị Sáu bỗng nhiên cảm thấy khó chịu trong người, thỉnh thoảng lại buồn nôn khi ăn phải cá lạ. Chị đến nhà bà Hai tỉ mỉ kể chuyện và được bà Hai vui mừng cho biết là chị đã có thai. Sau câu chuyện kể lại với chồng, chị Sáu thấy chồng chăm làm hơn trước, chèo thuyền đi thả lưới sớm hơn và niềm vui rõ ràng trên nét mặt. Anh lại giành làm những công việc nặng nhọc hơn như là gánh nước, chặt củi v.v. Lời nói

thường ngày có phần dụi dàng, âu yếm hơn. Chị Sáu ngày ngày vẫn ngồi đan lưới, bán cá, nấu cơm. Cuộc sống đơn giản, hồn nhiên như khí trời và gió biển.

---o0o---

Cuộc đối thoại trên bãi biển.

Một buổi chiều anh Sáu thấy một người trẻ tuổi vóc người nhỏ nhắn, đứng nơi bãi cát gần mép biển, mắt đăm đăm nhìn ra Hòn Đỏ. Ban đầu anh tưởng là một du khách đi qua dừng chân đứng ngắm cảnh trời, mây, nước. Nhưng sau khi quan sát kỹ anh thấy dường như đây là một vị sư vì bộ quần áo màu nâu và có dáng đứng như quan sát nhiều hơn là thưởng cảnh.

Anh Sáu từ từ lại gần và gật đầu mỉm cười với vị sư trẻ tuổi. Qua vài câu xã giao anh Sáu biết được danh tánh của nhà sư cùng với tâm nguyện của nhà sư mong muốn được ra thăm Hòn Đỏ để khai hoang và lập chùa tu hành trên hải đảo.

Ráng chiều đang xuống nhẹ nơi phương Tây, nhuộm thắm đỏ bầu trời rực rỡ. Anh Sáu ngược nhìn những cánh mây đọng dưới chân trời :

- Thưa chú, mấy hôm nay biển động. Muốn ra thăm đảo phải đi vào buổi sáng sớm. Buổi chiều sóng dâng cao khó vào được bến. Sáng mai chú cứ đến đây vào lúc rạng đông, tôi sẽ đưa chú ra thăm Hòn Đỏ.

- Mô Phật, xin cảm ơn lòng hiếu khách của thí chủ. Đã từ lâu tôi đã có tâm nguyện là sẽ ra viếng hòn đảo này và nếu có cơ duyên thì tôi dự trù sẽ khai phá đất đai để lập một ngôi chùa nhỏ tại đảo để tu hành.

- Thưa chú, từ trước đến nay Hòn Đỏ vẫn còn hoang vu. Không một người dân địa phương nào có ý định ra sinh sống hoặc trồng tía vì trên đảo có rất nhiều đá mà lại ít đất, ít cây. Phần nhiều chỉ toàn là các bụi gai cằn cỗi. Cái khổ nhất là thiếu nước. Vùng này lại ít mưa nên khô hạn vẫn luôn luôn là trở ngại cho người muốn khai hoang.

Hơn nữa, dân trong vùng Cù Lao chuyên sống bằng nghề đánh cá. Nếu có gia đình nào muốn sinh sống bằng nghề làm rẫy thì đa số lại đi vào sinh sống gần các ngọn núi hoặc đồi phía Bắc kề cận sông Cái. Vùng này đất đai màu mỡ và nhất là nước ngọt lại có sẵn.

Trên Hòn Đỏ chẳng những không có nước mà vấn đề lên xuống rất cơ cực và phương tiện đi lại từ đất liền ra đảo cũng khó khăn. Tôi, ngày ba bận bơi thuyền đi qua lại và vòng theo bờ đá mà chỉ nhìn nhiều hơn là đặt chân leo lên để chỉ được nhìn thấy mấy lùm gai góc và đá chồng lên nhau.

- Mô Phật, nếu trên đó gai cỏ mọc được thì con người có thể sinh sống được. Tôi vốn cư ngụ trên núi Sinh Trung. Hằng ngày tôi đều nhìn thấy Hòn Đỏ này. Sáng, trưa, chiều, tối, nhất là những đêm có trăng, tôi đã trông thấy sinh khí bốc lên từ Hòn Đỏ. Buổi bình minh, trong ánh hồng, trên hải đảo này có muôn vàn giọt sương mai lóng lánh, tôi nhận thức được rằng nơi nào có sương đọng thì nơi đó sinh vật có thể sinh sống và phát triển.

Buổi trưa, Hòn Đỏ như lảng mình trong vùng trời biển xanh bát ngát. Màu xanh của biển trời hứa hẹn rằng con người có thể yên lành sống trong màu hiền hòa đó. Với ánh nắng ban trưa Hòn Đỏ như một ngư dân trần mình đội nắng cùng với biển xanh.

Buổi chiều khi biển xôn xao trước muôn ngàn con sóng thì Hòn Đỏ vẫn yên lành đứng nhìn biến động của biển cả. Từ đỉnh Sinh Trung, nhìn Hòn Đỏ vào buổi chiều khi ánh dương đã dần khuất nơi chân trời mới thấy được sinh khí đã quy tụ về đây. Những dãy đá dưới chân đảo như lảng động sắc rắng đỏ của chiều tà, như những cánh hoa sen hồng nổi trên lòng biển thắm xanh.

Buổi tối trời Hòn Đỏ yên lặng dưới bầu trời đầy sao, đậm nét trên mặt đại dương. Trong những đêm trăng sáng, Hòn Đỏ phơi mình xanh tằm dưới ánh trăng vàng dịu dàng trong sáng.

- Thưa chú, như vậy Hòn Đỏ đối với chú là một địa linh song đối với dân làm nghề biển của chúng tôi thì nơi đây chúng tôi đã từng leo lên, đã từng quan sát, đã từng đi chặt cây lấy củi cho nên chúng tôi thấy nó khô cằn, gai góc, không có một chút hy vọng gì để lên đó lập nghiệp. Tại nơi đây, cá dưới biển có thể nuôi sống chúng tôi, nước ngọt trong làng có thể cung cấp đầy đủ cho cuộc sống của chúng tôi thì hà cớ gì chúng tôi phải lên một vùng thiếu nước thiếu đất để sinh sống.

Trong cộng đồng người làng Cù Lao này đều có chung một ý tưởng là vùng đất ở hải đảo Hòn Đỏ vẫn là một hải đảo đầy đá, đầy cơ cực dành cho con người khi muốn khai phá nó. Muốn khai khẩn đất đai thì lên non lên núi chớ ai lại lên hòn đảo đầy đá này.

- Mô Phật, tôi vẫn tin rằng bất cứ nơi nào có được con người góp sức vào thì nơi đó có thể sinh sống được. Nhìn từ xa, Hòn Đỏ là một hải đảo đầy sinh khí. Nhờ ở địa thế gần bờ nên việc thiếu nước có thể khắc phục được với quyết tâm của con người. Hòn Đỏ thiếu cây xanh thì chúng ta trồng cây xanh. Hòn Đỏ thiếu đất thì chúng ta bồi bổ thêm. Hòn Đỏ chỉ cần đến một tấm lòng yêu mến thiên nhiên, một ý chí cương quyết biến nơi này có thể sinh sống được. Khi cây cối mọc lên thì sẽ có con người lai vãng, sẽ là nơi đến để thanh thản tâm hồn.

Đã từ lâu tôi nguyện rằng cuộc đời tôi sẽ gắn liền với hải đảo này. Nó trợ trợ với mọi người nhưng không trợ trợ với tôi, Hôm nay gặp được anh, tôi tin rằng tôi đã gặp được duyên lành. Mỗi lương duyên của tôi với Hòn Đỏ sẽ nhờ có anh mà hợp thành. Sáng mai, tôi sẽ đợi anh ở đây. Mong anh giúp cho tôi được toại nguyện.

- Thưa chú, sáng mai tôi có thể giúp chú qua đảo và cùng chú lên đảo quan sát địa thế. Còn việc khai thác thì vị tôi bận kế sinh nhai nên chắc là không thể cùng chú khai hoang Hòn Đỏ được và lại tôi còn có gia đình. Chú cứ yên tâm ở lại trên đảo một vài hôm, tôi sẽ tiếp tế nước uống cho chú hằng ngày.

- Mô Phật, vạn sự khởi đầu nan, tôi chấp nhận cảnh gian nan lúc ban đầu. Được gặp anh ngày hôm nay tôi rất phấn khởi và tin tưởng rằng sự mong ước của tôi sẽ thành hiện thực.

Tôi không phải là nhà địa lý, nhưng tôi nhìn cảnh vật bằng tấm lòng, bằng đôi mắt của một nhà tu hành. Nơi nào tâm hồn mình đã chan hòa thì nơi đó sẽ là nơi mình trú ngụ.

Tôi không có tâm địa đi chiếm đất, vị đất là của trời, của chung của mọi chúng sinh không dành riêng cho ai. Đất chưa có duyên thì đất sẽ còn khô khan cằn cỗi. Khi đất gặp được duyên lành thì đất sẽ trở thành hữu dụng, sẽ trở thành cảnh quan tươi tốt để mọi người cùng chung hưởng. Tôi mong muốn nơi hiu quạnh, cằn tảo này sẽ có một ngôi chùa, một cảnh quan xanh mát để tất cả mọi người cùng đến tu tâm dưỡng tánh, học Phật, để giác ngộ trước cuộc sống phức tạp của cuộc đời. Hòn đảo này dù có khô cằn nhưng tâm hồn ta sẽ được thanh thản hơn trước biển cả bao la, trước thiên nhiên rộng lớn. Mọi ưu phiền trong lòng sẽ được vơi đi.

Tôi không có tài thuyết pháp. Tôi đã được sư phụ Thích Phước Ninh giảng dạy trong những ngày theo thầy đi đây đó. Sư phụ tôi thường nhân thấy cảnh

này đã chỉ dạy cho tôi đoạn kinh nọ; nhân sự việc ấy để nói đến lời kệ kia. Có nhiều vấn đề phức tạp mà thầy đã làm sáng mắt tôi bằng những ví dụ giản đơn và chứng nghiệm lời dạy của đức Phật thật thâm trầm. Nhiều câu nói tầm thường mà thầy đã gọi trong lòng tôi những suy tư cả tuần cả tháng tôi mới hiểu thấu đáo. Trong công việc hằng ngày tôi đã học được nơi thầy tôi nhiều điều bổ ích cho việc thấu hiểu kinh kệ. Tôi rất thích thú khi được nghe thầy kể các câu chuyện về các bậc đại giác đã đắc đạo trong khi lao động tầm thường như giã gạo, gánh nước, chẻ củi v.v..

Câu chuyện giữa hai người chấm dứt khi bóng tối đã tràn ngập khắp vùng Hòn Đỏ.

---o0o---

Trên Hòn Đỏ

Khi sư Viên Mãn gặp và làm quen với anh Sáu Sài Gòn thì chị Sáu đã có thai được 8 tháng. Cho nên anh Sáu chỉ đi đánh cá vào buổi chiều để có thể trở về vào giữa khuya với mục đích là để được săn sóc vợ trong lúc tắt lửa tối đèn. Bà Hai đi lại thường xuyên hơn cho nên anh Sáu có đủ thời gian giúp đỡ sư Viên Mãn qua lại hải đảo hằng ngày.

Nước trong vũng Hòn Đỏ lên xuống theo triều cường của biển. Mỗi ngày lên xuống ít nhất là một lần. Khi nước xuống lòng vũng nhô lên những rặng san hô, những vùng rong mắc cạn và những cồn cát mịn màng. Mực nước chỉ cao đến đầu gối. Người muốn qua đảo chỉ cần xắn quần là lội qua được. Tuy nhiên nước lại lên cao chỉ trong một vài giờ cho nên rất ít người dạn gan lội qua và leo lên đảo.



Buổi sáng đầu tiên qua đảo khi nước triều đã dâng cao. Anh Sáu và nhà sư đẩy nhẹ chiếc thuyền chở vật dụng gồm nước, gạo, cuốc xẻng, rựa v.v.. Anh Sáu một bên, nhà sư một bên hông ghe cùng đẩy ghe vượt qua cồn cát và các rặng đá ngầm. Xa bờ độ 50 mét thì leo lên thuyền bơi qua đảo. Sóng trong vũng không lớn, song vì phải tránh né các tảng đá nhấp nhô trong vũng nên

thuyền phải chèo quen tay mới mong khỏi phải va vào đá. Chung quanh đảo, đá dựng đứng rất hiểm trở. Sóng nơi đây đập mạnh khiến cho thuyền không thể cập vào bờ. Anh Sáu chọn được một nơi có vùng đá thấp và kín đáo để có mực nước yên lặng dễ ra vào. Đây là hướng gần bờ và dễ dàng leo lên Hòn Đỏ. Nơi đây tạm gọi là bến. Từ trên đất liền nhìn ra thì nơi đây có nhiều tảng đá to lớn đứng như một cổng chào chờ đón khách lên thăm đảo. Nơi bến khi nước dâng cao thì thuyền lại dễ cập bến, khi nước rút cạn thì để lộ một vùng đá bằng phẳng thuyền có thể đi an toàn trên đó. Khi biển dậy sóng thì nơi đây nhờ có đá to chắn sóng nên an toàn cho việc cập bến. Anh Sáu là người đầu tiên tìm ra bến này.

Đẩy ghe vào giữa hai tảng đá để tránh sóng, anh Sáu buộc ghe vào một tảng đá nhô cao và có hai đầu nhô lên như một cái yên ngựa. Đây là một cọc neo thuyền thiên nhiên.

Cuộc leo dốc bắt đầu sau khi đổ bộ lên đảo. Nhờ nhiều lần leo lên tìm củi nên anh Sáu đã phát giác ra một lối đi lên đỉnh do thiên nhiên tạo lập. Đó là lòng một con suối khô được tạo ra khi mùa mưa đổ xuống trên đảo. Nước trên cao chảy xuống tạo thành dòng lũ, bào thành lối mòn chạy ngoằn ngoèo qua các khe đá, nương gai. Lâu đời dòng suối tạm này trở thành lối mòn trèo lên đỉnh đảo. Lòng khe lối đi đầy gai góc và đá sạn lởm chởm. Tuy vậy đó là lối đi duy nhất thuận tiện cho việc lên đồi.

Anh Sáu cầm rựa đi trước phát quang các bụi cây gai cho lối đi được quang đãng. Nhà sư vai vác cuốc, vai mang bọc lương thực và nước uống. Mỗi người tay cầm một cây gậy. Vừa leo, anh Sáu vừa dẫn giải hình thế hòn đảo cùng với cách leo dốc: phải cẩn thận từng bước. Bước từng bước một, ngắn nhưng cần vững chắc. Cây gậy là một trợ cụ cần thiết nhất để ta nương vào đó mà bước lên cao hay xuống thấp. Nhiều lúc, chân lỡ vấp phải đá hay đập phải gai thì thân phải nương vào gậy để khỏi té nhào. Muốn nương chắc vào gậy thì phải đi chậm, dùng gậy để làm trụ vượt qua khe, leo qua đá.

Lên đến đỉnh đồi, hai người ngồi trên một hòn đá nằm nghiêng nghiêng trên bờ dốc nhìn xuống vũng nước giữa Hòn Đỏ với đất liền. Nước vũng nằm yên lặng trong màu xanh thẳm của biển khơi. Cảnh yên lặng, bao la chỉ ở trên tầm cao mới cảm nhận được. Trong ánh nắng vàng, màu xanh của biển cả dịu dàng biết bao.

Đợi khô mồ hôi, sư Viên Mãn bắt đầu bò qua các lùm gai để vào sâu trong chóp đảo. Không một bóng cây. Không một bụi rậm có lá xanh. Toàn vùng

chỉ toàn là đá lẫn vào các bụi gai. Nào là gai mắc mèo, gai cắc cu. Gai mắc cỡ nhiều hơn hết. Chỉ có loại gai này còn giữ được một màu xanh của cây cỏ. Cảnh quan khô khốc, cỏ gai xác xơ. Bộ mặt khắc nghiệt của cảnh thiếu nước lồ lộ khắp đảo. Nếu không có cảnh biển nước mênh mông bao quanh, con người chắc sẽ tưởng mình đang đứng nơi sa mạc hoang vắng.

Anh Sáu ngồi thản nhiên nhìn cảnh vật. Trong trí anh đang nghĩ đến sự so sánh khu đồi trơ trọi và hoang dã này với vùng biển mênh mông của anh đang sinh sống. Anh lặng lẽ nhìn bóng nhà sư Viên Mãn đang lần từng bước đi dạo khắp vùng đồi, giống như hình ảnh của anh đang chèo chiếc thuyền con nhỏ bé giữa vùng biển nước bao la. Cái thăm sâu của biển cả hiểm nguy chẳng khác gì cái khô khốc của núi đồi nơi đây. Thân phận của anh đối với trùng dương sẽ cũng như cuộc đời của nhà sư trên đồi Hòn Đỏ. Nếu không có sự kiên trì vững chí thì sẽ bị cảnh thiên nhiên tàn khốc nuốt chửng đi. Cuộc đời của anh trên chiếc thuyền câu nhỏ bé với đôi tay lưới cũ ngấn giữa biển cả bao la chẳng khác gì cuộc đời cô độc của nhà sư Viên Mãn kia sẽ sống giữa đá và gai góc trên đỉnh đồi. Tuy nhiên anh đã bắt được cá thì nhà sư kia sẽ khai phá được mảnh đồi này để trồng cho được cây xanh có bóng mát và ngôi chùa dù có bé nhỏ đi nữa cũng đủ làm ấm lòng khách thập phương. Sự cần lao của anh đã có kết quả thì sự cần cù lao khổ của nhà sư chắc chắn sẽ thành công.

Anh tự mỉm cười vì sự so sánh hoàn cảnh của anh với hoàn cảnh của nhà sư tuy không giống nhau nhưng có được sự tương tự nhau là làm việc tận lực với một quyết tâm bền vững để đạt đến sự mong muốn của lòng mình.

Nghĩ đến hoàn cảnh của mình, anh cảm thấy mình hạnh phúc hơn nhà sư kia vì anh đang có một gia đình đầm ấm, đầy đủ ấm êm.(anh sắp có con). Sau giờ phút lao động cực nhọc anh lại được hạnh phúc bên gia đình. Còn nhà sư, giờ đây sau những thời gian cực nhọc chỉ sống có một mình, tuy có mẹ song không được sống cùng mẹ, tuy có đồng môn song lại sống lẻ loi giữa nơi hoang đảo. Mỗi tuần chỉ gặp mẹ một lần, bằng hữu một lần. Rồi suốt đời sẽ sống nơi đây nếu tâm nguyện kia được thành tựu.

Đột nhiên anh Sáu có một quyết định cương quyết: phải tận tâm, tận lực giúp cho nhà sư Viên Mãn khai khẩn thành công trên hải đảo Hòn Đỏ. Anh nguyện giúp được phần nhỏ nào vào công việc khai hoang trên Hòn Đỏ thì phải thực hiện cho kỳ được.

Gió trên biển thổi vào khe đá từng hồi như cuộn lời tâm nguyện của anh Sáu đưa đi khắp mười phương.

Sau này anh cảm thấy thỏa nguyện khi nghe sư Viên Mãn tâm sự: Tôi hằng khẩn nguyện cùng đức Quán Thế Âm Bồ Tát rằng nếu suốt cuộc đời mà tôi chưa hoàn thành việc khai hoang để lập chùa trên hòn đảo khô cằn này thì kiếp sau nếu được hồi sinh tôi vẫn tiếp tục công việc khai hoang lập chùa. Tôi nguyện sẽ muôn đời kiếp kiếp thực hiện cho được tâm nguyện này.

---o0o---

Trên đỉnh Đảo



Hòn Đỏ là một hòn núi đá. Trước kia nối liền với dãy núi Cù Lao. Sau nhiều năm tháng bị biển xâm thực cắt đôi chia Hòn Đỏ ra khỏi đất liền. Nhìn những dãy đá đỏ au trên sườn núi Cù Lao không một ai có thể phủ nhận là Hòn Đỏ và núi Cù Lao là hai hòn núi có chung cội nguồn. Hòn Đỏ trở thành một hải đảo và chung quanh đảo nước triều lên xuống hằng ngày đã bào mòn tất cả những đất cát. Chung quanh chân đảo nhiều tảng đá to lớn chồng chất lên nhau. Nhiều nơi như có sự sắp đặt trớ trêu của tạo hóa là có hòn nhỏ nằm nâng đỡ hòn lớn. Mới trông, khó có ai tin được rằng những tảng đá này đã nằm như thế từ xưa đến nay. Toàn thể cấu trúc giống như những hải đảo khác. Đá dưới chân đều bị bào mòn và những hòn trên đỉnh chỉ bị nắng mưa mài nhẵn mà thôi. Theo vết tích còn để lại thì xưa kia mực nước biển đã dâng ngập đến nửa hòn đảo. Cho nên đa số mặt bằng trên chóp đảo còn xen lẫn giữa đá và đất. Mùa mưa ở Nha Trang không có nhiều cơn mưa dữ dội hoặc kéo dài suốt tháng nên vẫn còn lại một vùng rộng, đất chen lẫn với đá tảng.

Sư Viên Mãn là người dân Phú Yên, sư đã từng sống trên những ngọn đồi sỏi đá ở các huyện Tuy An, Sơn Hòa v.v.. nơi đã được dân cư địa phương khai phá bằng kinh nghiệm, biến các sườn đồi thành những vùng canh tác cây màu. Việc dùng đá xây thành cấp bậc để ngăn chặn đất để sản xuất đã là

một đặc thù của các đồi núi Phú Yên. Dùng kinh nghiệm này nhà sư đã thực hiện cách khai phá trên đỉnh Hòn Đỏ.

Trước tiên nhà sư lượm và chuyên những tảng đá nằm ngổn ngang trên mặt đất, trong các lùm bụi để sắp thành một bức tường đá chung quanh chỏm mặt đảo. Ban đầu là đi thu nhặt những hòn đá có thể tích nhỏ. Sau phải dùng xà ben hoặc cuốc có mỏ sắt nhọn như các phu đường sắt để trục các tảng đá có chân ăn sâu dưới mặt đất. Nhiều hòn đá trên mặt thì nhỏ nhắn song càng đào sâu xuống chân đá càng to lớn ra. Nhiều lúc phải đào sâu đến 2, 3, mét và mất cả hàng tuần. Khi đào xong được gốc thì còn phải dùng cây làm đòn đứng xeo đá lăn xuống chân đảo. Làm lui một mình, nhà sư đã đơn độc đối phó với thiên nhiên khắc nghiệt. Đất đào được nhà sư đem đổ vào một nơi bằng phẳng để dùng cho việc trồng tỉa.

Đôi lúc công việc lăn đá cần phải nhờ đến sự giúp sức của các bạn chài, bỏ lưới chung quanh đảo khi họ cập thuyền vào nghỉ trưa nơi các hốc đá dưới chân đảo. Nhiều lúc nhà sư phải đào thành những con mương lớn để di chuyển các hòn đá lớn bằng cách xeo lần lần, bằng cách trượt từ từ trên một mặt bằng có độ xiên cao.. Rất may mắn là độ nghiêng của sườn đồi lại khá thuận tiện cho việc lăn đá xuống chân đảo. Những cây xeo đá thì đi mua nơi các vựa cây nơi bờ đầm chợ Xương Huân. Vác được cây xeo lên núi cũng là một kỳ công..

Cây có độ dài từ 3 đến 4 mét cho nên đem được lên đến đỉnh núi thì thật là gian lao. Nhiều lúc phải luồn cây qua khe suối rồi leo lên dốc tìm cách kéo cây lên. Nhiều khi không thể nào đem cây lên hướng này được nên đành phải đưa cây xuống để tìm hướng khác đưa lên. Nhờ được cây cứng và dài nên nhà sư có được một trợ lực về sức đẩy nên nhiều tảng đá lớn mà chỉ có một mình nhà sư cũng đẩy được đá xuống chân núi. Nhiều lúc cần làm đường ray dẫn đường cho đá đi theo hướng cố định nhà sư phải tốn công sức nhiều ngày. Công việc dời đá cứ tuần tự mà tiến hành, không nôn nóng không chậm trễ như là công việc hằng ngày. Cho nên phải cần đến thời gian năm năm việc di dời đất đá để có mặt bằng mới thành tựu. Du khách hôm nay đi lại thông thả ung dung trên đỉnh hải đảo Hòn Đỏ đâu có biết rằng xưa kia nơi này đá mọc chập chùng, lối đi chật hẹp, gai góc mọc đầy mà con người cô độc này đã suốt nhiều năm dài cặm cụi khuân từng viên đá, xeo từng tảng đá để có được một mặt bằng rộng rãi đầy cây xanh bóng mát như hôm nay.

Công việc đòi đá song song với việc đắp nền cho khu dựng Phật đàn. Những viên đá nhỏ, khi đào được đều dùng trong việc làm nền cho khu Phật đàn.. Với diện tích độ 10 mét vuông thì khu nền Phật đàn được thành hình nhanh chóng. Chỉ trong vòng 3 tháng thì khu nền đã thành hình. Cứ một lớp đá là một lớp đất xen vào để có mặt bằng phẳng..Những đêm có trăng, đỉnh đồi tràn ngập ánh vàng, gió biển thổi về ngào ngạt mùi mặn nồng, nhà sư lặng lẽ khuôn đá đi đắp các kệ lên xuống trên các con đường lên xuống hoặc thành đá quanh sân.

Khi trăng lên đúng đỉnh đồi, bầu trời xanh thẳm, gió khơi đã thổi lạnh, trên các vách đá đã ướt đầm sương khuya. Nhà sư dừng tay ngồi nghỉ bên đồng đá, ngược nhìn bầu trời đầy sao, lòng thanh thản và yên tĩnh vô cùng. Những cụm đá, bờ đất như thì thầm cùng nhà sư, triu mến nhìn nhà sư như các trẻ thơ nhìn thương yêu người tạo thành ra nó. Cảnh vật trên đỉnh đảo trầm lặng, bất chợt từ đâu văng lại tiếng con dế mèn gáy. Nơi xa vắng này tiếng dế cất lên như gân gũ thân yêu. Kỷ niệm thời ấu thơ phút chốc lại tràn về trong lòng người tu hành. Sư nhớ đến tiếng dế gáy lẻ loi nơi cánh đồng vắng trong mùa cày phơi đất tháng ba. Trong thời thơ ấu, nhiều lúc sư không khỏi ngỡ ngàng tự hỏi là trong các vụ mùa, khi nước đồng lênh láng thì các con dế mèn này sống ở đâu để đến vụ cày phơi đất, lại râm ran gáy từ nơi này đến nơi khác.

Cứ mỗi buổi sáng tinh sương, sư cùng chúng bạn đi lật từng hòn đất trên các luống cày để bắt những chú dế than hoặc dế lửa. Lúc ban đầu sư không phân biệt được đâu là dế cò đâu là dế mái. Cứ thấy dế nhảy là vồ. Bắt được con nào cho vào hộp diêm bọc sẵn trong túi. Sau này được bè bạn chỉ cho: dế đực gọi là dế cò, cánh có vằn ngoằn ngoèo bóng láng như tóc các cậu có mái tóc quăn. Cuối thân con cò có ba cái lông nhỏ. Đầu dế đực to và bóng láng. Còn dế cái gọi là dế mái thì cánh không có vằn ngoằn ngoèo mà chỉ có các gân chạy xuôi từ trên xuống dưới và sau lưng có một cọng dài, cuối có một nụ nhỏ thường chổng lên trời. Khi biết được các điểm đặc biệt này thì nhìn là biết ngay dế cò hay dế mái. Dế cò còn phân biệt nhiều loại: dế cò than màu đen bóng, dế cò lửa màu vàng óng, đôi khi có pha màu nâu đậm. Dế than thường lớn con hơn dế lửa. Con dế nhỏ thường hay gọi là dế ốc tiêu. Loại này gáy rất lớn và đánh nhau rất hăng say. Do đó có danh từ ốc tiêu để dành cho các trẻ em nhỏ bé mà dám đánh cả những bạn lớn hơn mình. Đó là bé ốc tiêu.

Dế bắt về, được nhốt riêng mỗi con trong một hộp diêm. Trên nắp hộp thường có xoi một vài lỗ nhỏ để thông hơi. Dế thường được nuôi bằng giá

sống, cỏ màn trâu, cỏ ống hoặc đôi khi nuôi bằng cơm. Đẻ thường gáy vào ban đêm. Khi gặp địch thủ hoặc thắng trận thì đẻ gáy inh ỏi. Trái lại khi gặp đẻ mái thì sau khi gáy vài tiếng chào mừng, đẻ cò thường cọ cánh rè rè vài cái ngắn gọn mà bọn trẻ thường gọi là” tục mái” như các chú gà cò.

Đa số trẻ em đều thích chơi đẻ. Nhất là để được nghe tiếng đẻ gáy ngoài việc cho chúng đá với nhau. Từ “đá đẻ” thay cho việc hai con đẻ cắn nhau. Thật ra trong khi chúng cắn nhau chúng cũng có đôi phen dùng hai chân sau (càng) để hất đối thủ phải lăn nhào. Khi đẻ gáy thì chúng dùng đôi cánh cọ vào nhau gây thành một loạt âm thanh giòn giã, đôi khi lạnh lói và trầm bổng khác nhau. Trẻ chuyên môn có thể nghe tiếng gáy của đẻ mà biết được con nào là đẻ than, con nào là đẻ lửa và con nào là đẻ cụ, con nào là đẻ ốc tiêu. Thường thì đẻ cò than có cánh dày và lớn nên có tiếng dài và trầm. Đẻ ốc tiêu có cánh mỏng nên âm thanh lạnh lói, tiếng nghe ròn rảng và bay xa, như tiếng cười của trẻ con, đôi khi như tiếng cười của các cô thôn nữ trên cánh đồng lúa lúc sang mùa gặt.

Nhiều trẻ em nơi thôn dã sống cùng với thiên nhiên nên rất thông thuộc việc bắt đẻ. Ban đêm khi nghe một tiếng đẻ gáy thì sáng hôm sau lập tức chạy ra nơi đã được định hướng tìm thấy một viên đá, một đống cây khô hoặc một mô đất cày, là lật lên túm lấy chú đẻ gáy khi hôm. Đặc tính của loài đẻ là ít khi di chuyển chỗ ở, tối gáy nơi nào là sáng trú tại nơi đó,

Ngoài việc bắt đẻ để cho chúng đá nhau (ở ngoài Bắc gọi là chọi) trẻ em còn có một sở thích là nghe đẻ gáy. Mỗi hộp diêm nuôi một con đẻ. Ban đêm chúng thi nhau gáy suốt đêm, khi một con gáy thì lần lượt các con khác cùng gáy theo như một dàn hợp xướng, đầy âm điệu nhịp nhàng. Thời hậu chiến đã có một nhà thơ sáng tác một tác phẩm có tên là Nhạc Đẻ. Tuy thơ không tả nhạc của con đẻ mà chỉ nói lên một thế giới âm nhạc thiên nhiên.

Ngoài việc nghe đẻ gáy, các trẻ em còn say mê trong việc đá đẻ. Thật ra là cho đẻ cắn nhau. Hai chú đẻ đá nhau (còn gọi là chọi nhau) được bỏ vào một cái hộp không chật lắm mà cũng không rộng lắm. Thường có tên gọi là sân đá đẻ. Trước khi đẻ được đưa vào sân đá, chủ nhân thường dùng một que nhỏ (đôi khi là một chân nhang) cắm nhẹ vào sau vòng cổ của đẻ và thổi nhẹ cho chú đẻ phình rộng đôi cánh và khi được thả vào sân thì đẻ khuỳnh cánh ra gáy re re. Khi nhìn thấy đối thủ cũng được làm như mình, vừa xong nhịp gáy thì đôi bên xông vào nhau. Trước tiên là đọ càng. Gọi là trương càng đọ sức vì hai chú đẻ trước tiên giương rộng hai càng cọ với nhau như để đo sự rộng hẹp của cặp càng nhiều khi trông giống như hai võ sĩ thượng đài cụng

găng chào nhau. Hai chú đế ít khi nhân nhượng nhau tuy đôi lúc càng hai bên chênh lệch một to một nhỏ.

Cái dũng khí của đế là phải cắn nhau trước khi chịu thua. Chỉ khi nào thua một vài độ chú đế mới chịu chạy dài khi đụng râu cùng đối thủ mạnh hơn. Cặp râu của đế rất quan trọng. Thường con đế nào bị mất râu hay bị cụt râu thì khả năng chiến đấu có phần giảm sút. Trẻ em rất thích thú khi nhìn thấy con đế nào trước khi lâm trận, vừa gáy xong thì đưa chân trước ra vuốt hai cái râu trông giống như vị nguyên soái trong tuồng hát bội đưa hai tay cuốn cong hai lá cờ lệnh cắm sau lưng trước khi xung tên họ để giao chiến. Một đôi khi sau khi bị thổi gió và được đặt xuống sân đá, đế vẫn không xù cánh gáy râm rang thì chú chủ sẽ dùng một que con trên đầu có một cục sáp nhỏ gắn vài sợi tóc vo qua lại cặp râu để kích thích. Lập tức chú đế giương cao rộng đôi càng xông lên chiến đấu. Lúc so càng đôi khi hai chú đế cũng so nhau tiếng gáy. Tiếng gáy như reo vui, như khiêu khích, như thách đố trước khi xung trận. So càng, gáy thi xong, chúng dùng đôi càng cắn chặt lấy nhau. Nhiều khi trận chiến âm thầm chịu đựng cho đến lúc một trong hai chú đế vùng ra bỏ chạy. Một đôi khi chúng vừa cắn nhau vừa dùng chân, đá, búng và chồm lên nhau để làm đối phương hoảng sợ bỏ chạy.

Cuộc chiến đấu có khi còn dữ dội đến nỗi có kẻ bị cắn gãy chân, lòi ruột. Thường thì cuộc giao đấu kết thúc từ ban đầu vị khi thấy đối phương càng to, tiếng gáy hùng dũng và thái độ chiến đấu hăng say nên đối thủ bỏ chạy khỏi phải giao đấu. Sau nhiều lần thổi gió, nhiều lúc chú đế bị nắm râu mép thổi vài hơi, đôi khi lại được chủ cho ném một ít nước bọt để gọi là “tăng lực” song khi thả xuống thì chỉ kịp giờ càng đọ sức rồi lạnh chân chạy trốn. Kẻ chiến thắng bao giờ cũng giương cánh gáy, vuốt râu và đôi lúc lại “túc túc gọi mái”.

Cái thú chơi đế ngoài việc xem đế đá, bọn trẻ còn được dịp hò reo cổ vũ cho đế “phe ta”. Có lúc sau trận đá đế lại có trận đánh nhau vị ganh tức. Phe thắng thì hân hoan, phe thua thì đổ lỗi cho nhau và cuối cùng thì xảy ra trận ẩu đả. Rồi ai về nhà nấy cùng hẹn nhau vào sáng hôm sau. Chiều và tối hôm ấy bọn trẻ lại đi sùng lục khắp nơi để tìm ra tiếng gáy của những chú đế có tiếng gáy lãnh lói và âm vang.

Phát quang

Sáng hôm nay là ngày đầu tiên trong việc phát quang. Trước tiên là chọn ngay khoảnh đất chính giữa đỉnh đồi. Việc phát quang cây cối không có gì khó khăn vì cây chỉ toàn là gai mắt mèo mọc um tùm trên các kẽ đá. Bên trên là gai mắt mèo bên dưới là gai mắc cỡ. Dẹp gai bên trên trước rồi dùng cuốc dọn ngay cây bên dưới. Suốt cả buổi sáng mà chỉ mới xong có một khoảnh nhỏ. Càng về trưa công việc càng nặng nhọc. Đôi bàn tay đã rướm máu vì gai cào. Miệng đã khô vì khát nước và nhất là lưng đau rát vì nắng xối. Khi trời đứng bóng thì công việc dọn sạch lùm gai mắt mèo đã hoàn tất. Nhà sư ngừng tay, đi nấu cơm trưa. Bữa cơm trên đảo đầu tiên chỉ có muối đậu mà thơm ngon vô cùng. Nhai thật chậm rãi, hương vị ngọt ngào của cơm trắng lẫn với vị đậm đà của đậu phộng rang vừa cháy vàng. Phần thức ăn do mẹ làm từ đầu hôm và gói vào lá chuối để sư đem lên đảo.

Sư vừa ăn vừa đưa mắt nhìn khoảnh đất mới được dọn dẹp chỉ còn có đá. Đá lớn nhỏ, đá trải dài, đá nằm phơi mình dưới nắng. Ban đêm đá thu lấy khí lạnh, cô đọng giọt sương để thấm vào lòng đất nuôi sống cây cỏ chung quanh. Ban ngày đá thu nhận ánh mặt trời, hấp thụ nhiệt, nung nóng Hòn Đỏ đến không còn sự sống. Nhà sư bỗng nghĩ đến một phương pháp làm triệt tiêu cái nóng hùng hực trên đảo. Đó là phải trồng cây để lấy bóng mát, để tàng cây che kín không cho ánh nắng lọt xuống mình đá. Như vậy ban ngày sẽ không còn nóng nữa và ban đêm tàng cây sẽ cho những giọt sương rơi rưng và đá vẫn tiếp tục hội tụ hơi lạnh để tạo thành những giọt nước tuy ít oi song vẫn đều đều cung cấp nguồn sống cho thực vật dưới chân đá. Tuy nhiên muốn trồng cây cho có hiệu quả thì phải có đất, muốn có đất thì phải moi đá và lăn đá đi xa.

Đến xế chiều thì khu đất rộng hơn 25 mét vuông đã dọn sạch cây cỏ gai góc và chỉ còn lại đá to, đá con lổm chổm.

Nắng hoàng hôn nhuộm thắm bầu trời phương Tây. Gió trên biển thổi về ào ạt. Cơn nóng bức ban trưa đã theo gió đi xa như thấm vào màu đỏ của trời Tây. Do chỉ ăn một ngày một bữa cơm (ăn đúng vào giữa trưa) nên nhà sư khỏi phải lo nấu cơm chiều. Thời gian còn lại sư che lại tấm bạt và làm nệm cỏ để nằm. Gom nhặt tất cả các cây cỏ đã cuốc, chặt ban ngày để làm thành một nệm cỏ khá dày rồi trải lên trên một chiếc chiếu cũ. Chiếc giường đơn giản này đã giúp đỡ nhà sư suốt khoảng thời gian khai phá Hòn Đỏ. Độ vài hôm thì loạt cỏ gai mới được thay và cỏ cây cũ lại được chôn kỹ xuống hố để chuẩn bị cho việc trồng cây có bóng mát.

Chuẩn bị cho việc an giấc xong thì bóng hoàng hôn đã tràn ngập khắp bầu trời hải đảo. Bóng tối vẫn còn trong sáng dưới ánh sao. Biển khơi vẫn dịu dàng vỗ sóng. Gió khơi hiu hiu thổi. Tiếng côn trùng râm rang khắp đảo. Mây trời bay từ biển khơi vào đất liền, bay ngang qua đảo mây như hạ xuống thấp hơn. Nhìn mây, nhìn trời, sư có cảm giác như mình đang ngồi trên một chiếc thuyền lớn trôi trên biển cả. Không một chút bênh bồng, không một giây chao đảo. Đảo vẫn trôi yên bình dưới mây trời, các vị sao nhấp nháy nhiều hơn, trong sáng hơn, thỉnh thoảng ẩn mình vào làn mây trắng nhẹ dịu dàng trôi trong lòng trời xanh thẳm.

Tuy ngồi một mình trên đảo mà nhà sư không cảm thấy cô đơn. Lòng sư như ấm lại, sư nghĩ đến niềm vui sướng và hạnh phúc vì lần đầu tiên được nằm ngủ trên hải đảo mà sau này sẽ gắn bó với cuộc đời mình. Ngọn đồi này xưa nay chưa ấm bóng người, từ nay sẽ không còn cô đơn heo hút nữa. Đêm kỷ niệm đầu tiên sẽ là nguồn an vui trong những tháng ngày lao khổ trên mảnh đất này. Tự nhiên sư ràn rụa nước mắt... Đêm đó nhà sư đã đọc trọn hồi kinh Bát Nhã, đã nguyện khấn cùng Quán Thế Âm Bồ Tát phù trợ cho mình đạt được ý nguyện khai hoang, lập chùa trên hòn đảo hoang sơ này. Và sư thiếp vào giấc ngủ lúc nửa khuya.

Trong giấc ngủ, nhà sư đã trông thấy cảnh xanh tươi trên hải đảo cùng với ngôi thiền tự xinh xắn tắm mình trong nắng sớm giữa trời biển bao la. Bỗng nhiên cảnh mưa gió hải hùng lại ập đến, những đợt sóng to, hung dữ ào ào nô lên đổ ập xuống ngọn đồi. Lũ sâu bọ hùa hơi tràn đến ăn hết cỏ cây xanh tươi trên đảo. Chúng ăn cả đất đá.

Giật mình thức tỉnh, nhà sư thấy trời gần sáng. Chiếc mền đã thấm ướt sương khuya. Sư ngồi lên và bắt đầu đọc kinh sáng.

Lâu nay quen với không gian ấm áp của chùa khi đọc kinh, có khói nhang, có mõ, có chuông, dưới ánh nến chập chờn, tiếng tụng kinh vang trong gian phòng ấm cúng, nên hôm nay sư dường như không nghe được tiếng tụng kinh của mình mà chỉ nghe tiếng trầm trầm của sóng vỗ hòa cùng tiếng gió vi vu. Các vị sao còn sót lại trên bầu trời, sáng lóng lánh. Vòm trời cao rộng, thanh thoát và vô cùng an lành.

Hôm nay chính thật là một buổi tụng kinh sáng đầu tiên khởi sự một hành trình khổ cực gian lao trên con đường xây dựng một môi trường, một cảnh sắc, một ngôi chùa trên một hoang đảo vắng người.

Một tuần sau thì mặt bằng nền chùa đã xong.

Mặt bằng dự trù lập chùa chỉ vón vẹn có 25 mét vuông. Mỗi chiều dài chỉ độ 5 mét. Nền chỉ toàn bằng đá núi đập nhỏ trộn lẫn với đá cuội cùng với cát đem từ đất liền sang. Mặt trên của nền phủ một lớp đá cuội lượm nơi bãi biển khi nước thủy triều xuống thấp. Nhìn mặt nền người ngắm có cảm tưởng nhìn một mặt bằng được thiên nhiên tạo thành bởi các hòn đá cuội bằng cỡ nhau. Công việc này nhờ công chị Sáu đã nhiều ngày dành thì giờ rảnh rỗi đi lượm đá để dành. Anh Sáu có bốn phận sắp đá vào bao cát và hằng ngày chở qua đảo tập trung tại bến đá để cho nhà sư vác lên đỉnh đồi.. Đá xây nền móng được tạo dựng tại chỗ, được chẻ ra từng phiến vuông vức và sắp chồng lên nhau rất sát sao khỏi cần phải dùng đến vôi hồ. Thẩm thoát hơn một tuần trôi qua nền chùa đã ổn định và 8 cột trụ được trồng vững vàng chuẩn bị cho việc cất tạm ngôi lều dùng để làm ngôi chùa nhỏ.

Ngày dựng lều có anh Sáu lên phụ giúp. Và túp lều có mái lợp vải lều của nhà binh đã hoàn tất trong ngày. Vách chung quanh chỉ được che bằng những tấm giấy cát tông lấy từ các thùng giấy bán ở chợ Đầm. Túp lều thờ Phật trên đảo Hòn Đỏ được hoàn tất. Sư Viên Mãn dời chiếc nệm cỏ lên nền lều và bắt đầu sống chính thức tại túp lều đầu tiên trên hải đảo.

Nơi chính diện, một chiếc bàn gỗ tạp cũ được kê vững vàng làm án thờ Phật. Duy nhất chỉ có một tấm hình Phật tổ được lồng kính trang nghiêm, một lu hương bằng đất nung, một cây đèn dầu và một cái chuông, một chiếc mõ nhỏ nhắn. Gia tài của nhà sư chỉ có chừng đó. Hằng tuần nhờ ở sự tiếp tế của mẹ nên nhà sư yên tâm tiếp tục khai phá Hòn Đỏ.

---o0o---

Gánh nước lên đồi

Khi bầu trời phía đông hừng sáng thì chiếc thuyền thúng đã được chắt đầy các thùng chứa nước. Trên bầu trời xanh nhạt nhấp nháy đôi vị sao thưa thớt. Mặt biển yên lặng bao la.

Lặng lẽ đẩy chiếc thuyền thúng ra xa bờ, sư Viên Mãn ngược nhìn Hòn Đỏ in hình trên nền bầu trời bình minh. Một dải mây trắng nhẹ mỏng nằm lơ lửng giữa lòng trời nối liền với đảo. Không gian vắng lặng. Nhà sư im lặng đẩy nhẹ chiếc thuyền thúng. Bóng nước xao động rung rinh, bước chân nhẹ nhàng nương theo chiều trôi của chiếc thuyền thúng. Lòng vững đầy đá và san hô. Bước chân lại càng khua nhẹ. Hai tay vin chặt vào miệng thúng, nhà sư vừa đẩy vừa nương mình theo trớn trôi của thuyền. Nhờ bám vào thuyền

nên trọng lượng của thân mình nhẹ đi và bàn chân chỉ khẽ chạm nhẹ trên rặng đá san hô. Bàn chân đã có một vài mảnh san hô cắt phải, cảm giác đau rát cứ tăng dần cho đến lúc thuyền ra chỗ sâu. Vừa bơi hai chân, vừa đẩy thuyền tiến về phía đảo. Từ bờ ra đến đảo chỉ độ 800 mét mà phải gần đến nửa giờ đồng hồ mới tiếp cận được với rặng đá nhấp nhô quanh đảo.

Mặt trời đỏ hồng đã nhô cao trên mặt bể. Mây trắng từ xa lần lượt kéo về. Mặt biển đã nhấp nhô con sóng. Ven bờ đá, sóng đã vỗ cao. Chiếc thuyền thúng đã được đưa vào neo giữa hai tảng đá nằm sàng sàng gần mép nước. Thuyền được buộc vào một tảng đá có hình một chiếc yên ngựa nằm nép trong bờ.

Trước khi xuống nước đẩy thuyền, nhà sư đã bọc kỹ bộ quần áo nâu vào trong một tấm nhựa ni lông và chỉ bận vồn vện có chiếc quần đùi.

Giấu cẩn thận chiếc bọc ni lông vào một hốc đá cao, sư Viên Mãn bắt đầu chuẩn bị cho việc gánh nước lên đồi. Đường đi từ bên nước lên đến đỉnh đồi là một con đường thiên nhiên nương theo một khe suối nước đã cạn giữa hai dãy đá chạy quanh co. Mùa mưa, đây là một khe suối. Mùa khô là lối đi thiên nhiên đầy đá và sạn. Một đôi đoạn bằng phẳng, mặt đất đầy những lùm gai khô cằn lá nhỏ li ti trông như những chiếc vảy cá dính vào các cành khẳng khiu. Lá lưa thưa và lác đác có một vài nụ hoa trắng. Hoa nở trông cô đơn và lẻ loi giữa hai vách đá. Tuy nhiên trong khung cảnh hoang sơ, những nụ hoa nhỏ bé rung rinh trước gió cũng đủ trang điểm cho buổi bình minh trên khe suối cạn của Hòn Đỏ đẹp đẽ vô cùng.

Cuộc chuyển vận nước bắt đầu. Hai đầu gánh là hai chiếc thùng dầu lửa đặt gọn vào hai chiếc gióng bằng mây, cao khoảng nửa mét. Đòn gánh là một thanh tre già hai đầu có móc và có dây buộc chặt vào đầu gióng. Khi đặt đòn gánh lên vai thì đáy hai thùng cách xa mặt đất, gọn gàng để dễ bề xoay trở theo thế đi lên theo triền dốc. Nước đựng trong thùng chỉ vào khoảng hai phần ba thùng để tránh nước tạt ra ngoài. Gánh nước đặt trên vai phải, tay trái chống một chiếc gậy tre vừa nhẹ vừa bền. Cuộc leo dốc bắt đầu.

Đường dốc nhiều đá và sạn. Hòn lớn, hòn bé, nhiều hòn có cạnh sắc bén đâm tua tua buộc bước chân người đi phải cẩn thận, rón rén. Nhiều lúc cần phải bước dài như nhảy để qua các mỏm đá nhọn khó đặt chân lên. Nhiều khi phải rụt rè, nhẹ đặt bàn chân lên các khe đá để có thể lấy đó làm điểm tựa mà bước lên thêm một bước nữa. Có nhiều lùm gai lúc ban đầu phải

dùng chân giẫm lên, cắn răng chịu sự đau đớn do gai chân để rồi sau đó nơi lùm gai này sẽ trở thành một vùng êm mát cho con nóng của đá lúc trời trưa,

Đau chân, nhọc nhằn vị nắng gắt không làm nhà sư nản lòng, mà nhà sư chỉ sợ nước trong thùng rơi vãi ra ngoài. Vị thế cho nên tuy mỗi khi đạp nhằm một cây gai hay viên đá sắc cạnh nhà sư cố nén cơn đau mà không chồm lên hay nhảy vọt lên để tránh mà phải cắn răng chịu đựng để gánh nước khỏi phải chòng chành khiến cho nước tóe ra ngoài.

Nắng mai đã bắt đầu nóng bỏng. Mây trắng trên bầu trời đã trôi về tận cuối chân trời. Vách đá bắt đầu hừng hực nóng. Gió biển vẫn im lìm và chỉ hiu hắt trên đỉnh đồi. Đường dốc như một đường hầm lộ thiên. Sư Viên Mãn bước từng bước cẩn thận, nặng nề. Mồ hôi đã bắt đầu rướm trên chiếc lưng trần. Đầu đội một chiếc mũ ni màu nâu che kín chòm đầu không tóc, nhà sư lạng lẽ chịu đựng sức nóng càng ngày càng gay gắt.

Tấm thân nhỏ bé, gầy còm như đang “đánh vật” cùng đôi thùng nước. Đường luôn luôn dốc, không có một đoạn phẳng nào để dừng lại, đứng nghỉ lấy sức. Nhất là không có được một nơi bằng phẳng để tạm đặt gánh xuống đứng nghỉ ngơi. Nhiều lúc quá mệt, nhà sư chỉ còn có thể dừng bước, chống gậy, để nguyên đòn gánh trên vai mà đứng nghỉ. Lúc ấy nhà sư mới biết được mồ hôi đang chảy ròng ròng trên mặt, trên chiếc lưng trần. Bỗng một cơn gió dịu dàng thoảng đến. Con mệt nhọc như tan biến đi và cuộc hành hương lên dốc lại tiếp tục. Hai lần đứng nghỉ là hai lần được thay vai. Cái nặng và cái nhọc sau mỗi lần thay vai dường như được vơi bớt, nhưng nó lại nhanh chóng trở về trên đôi vai đang gánh, mà không hề vơi đi sự nặng nhọc.

Hai bàn chân không còn mang nặng cảm giác đau rát vị đá nhọn, sạn và gai. Sự mệt nhọc đã trung hòa sự đau rát. Chỉ một đôi khi, chân lỡ bước nhàm lên trên một mảnh đá nhọn thì sự đau nhói lại tràn về, bước chân đi chậm lại và cơn mệt như chợt tan đi, nhường chỗ cho cảm giác đau nhức hoành hành trong đôi chân. Rồi sự mệt nhọc lại trở về và cơn đau nơi bàn chân lại vơi bớt. Cứ như vậy liên tiếp, tiếp diễn cho đến khi lên được đến đỉnh đồi.

Vừa đặt đôi thùng xuống khỏi vai, nhà sư đã nhận thấy thân hình mình nhẹ nhõm. Mệt nhọc và đau nhức như tan biến. Gió từ biển khơi thoáng thoảng thổi về. Cảm giác khoan khoái nhẹ nhàng đến thật nhanh. Giờ đây nhà sư mới thấu hiểu được hạnh phúc trong cõi trần là ở tại đây, trong lúc này. Chân có giẫm trên gai, đá nhọn, vai phải quần dưới gánh nặng, mồ hôi phải

chảy giọt trên thân mình giữa một không gian cơ cực: nắng nung đến rát da mặt, cháy da lưng, thì khi lên được đến đỉnh dốc ta mới nhận ra được hạnh phúc của cần lao khi được ngồi nghỉ là quý đến dường nào.

Nghỉ chân được vài phút nhà sư lại xuống đồi để tiếp tục gánh nước. Máy bận sau như đã quen với gian lao nên việc leo dốc thuận tiện, không vất vả như ban đầu. Ban đầu vì chưa quen với địa thế, nhưng sau khi đã quen với con đường, với gai, đá nhọn thì nhà sư lại còn nhận thêm cái nóng bức, cái nắng chói chang của ban trưa.

Nắng và nóng ở biển được phân chia theo từng vùng. Trên trùng dương, giữa biển khơi nắng dường như được chan hòa cùng với sắc xanh của biển nên sức nóng dịu dàng. Bao bọc lấy sức nóng như có một làn hơi nước che chắn. Cho nên cái nắng giữa trùng dương chỉ gặm mòn cơ thể một cách nhẹ nhàng và từ từ. Nếu con người đủ nước cho cơ thể thì việc chống chọi với sức nắng còn có thể chịu đựng dài lâu.

Cái nắng trên bãi tắm lại làm tăng sự mát lạnh của làn nước biển. Sau vài phút nằm tắm nắng rồi lao mình vào lòng biển, con người sẽ nhận được sự mát mẻ của biển khơi tăng gấp bội phần.

Còn cái nắng và nóng trên sườn đồi Hòn Đỏ thì khác hẳn với mọi nơi. Đường lên dốc trong lòng khe nhỏ hẹp, giữa những tảng đá phơi mình dưới nắng trưa. Khí nóng hùng hực tràn lan, tỏa rộng khắp nơi. Đá hấp thụ nhiệt khá nhanh và cũng tỏa nhiệt rất chóng. Đường như chúng thu nhiệt thì ít mà tỏa ra lại nhiều. Không khí trên mặt đá rung rinh, linh động như đang bốc hơi. Đá nằm trải dài nên không cho bóng mát. Đá uốn mình như chờ đón nắng trời. Gió không về nên sức nóng đọng lại trên từng phiến đá. Trong lòng khe nhỏ hẹp, nóng và nắng đang cuộn mình giao nhau. Thuở xưa nơi trận Xích Bích, Chu Du đã đốt thuyền quân Tào Tháo nóng cháy đến độ đỏ cả vách đá. Trong lòng khe, nhìn sắc đỏ của đá chói chang và hùng hực nóng, sư Viên Mãn cũng có cảm tưởng như mình đang bị vây hãm vào cuộc chiến tàn khốc này.

Có những tảng đá nằm trải bằng phẳng giữa đường, song nhà sư không dám bước lên vì thân đá như đang nung lửa. Bên cạnh đá trải dài một đám cỏ gai. Đành phải bước lên gai để tránh cái nóng đến cháy bàn chân người. Chấp nhận cái đau nhức còn hơn giẫm lên cái nóng thiêu đốt. Trong cái đau nhức, bàn chân còn hy vọng được chạm đến sự mát lạnh của đất, của lá cỏ xanh. Mặc dù đó chỉ là cảm giác thoáng qua nhưng sự lựa chọn vẫn là cần thiết.

Cho nên nhiều khi dừng chân đứng nghỉ, sư Viên Mãn đã đứng giữa một lùm gai để nghỉ chân tạm bợ.

Dưới chân thì đá đang đong lửa, còn bên trên thì nắng chói chang như suối nóng đang rót xuống chiếc lưng trần. Những giọt mồ hôi chảy dài trên mặt trên lưng như xoa dịu ít nhiều cơn nóng bức. Trời càng nóng thân thể càng đổ mồ hôi. Thế quân bình của phản ứng con người giúp cho nhà sư thích nghỉ với khắc nghiệt của thiên nhiên. Với lòng kiên nhẫn, với chiếc lưng trần, sư Viên Mãn lặng lẽ bước từng bước một như người đang gánh nặng đi hành hương. Trên chiếc lưng trần những giọt mồ hôi long lanh ánh nắng, nối tiếp nhau chảy dọc xuống ướt đẫm cả chiếc quần đùi màu nâu. Có nhiều giọt mồ hôi trên mặt, trên cổ chưa kịp chảy xuống đến thắt lưng đã khô đi dưới sức nóng hùng hực giữa ban trưa để nhường chỗ cho những giọt mồ hôi lớn hơn, nặng hơn nối tiếp nhau chảy xuống.

Trên đôi vai chật hẹp, xương xẩu, thịt da đỏ au lên vì chiếc đòn gánh đè nặng dù đã được sang vai nhiều lần. Càng lên cao sự trĩu nặng mỗi lúc một oằn thêm. Trong nắng nóng ban trưa trên lưng dốc Hòn Đỏ, sư Viên Mãn cặm cụi gánh nặng, cô đơn giữa bầu trời chói chang, làm lụi giữa đá nóng lẫn cùng gai góc. Hai thùng nước chứa chan sắc nắng, sóng sánh theo bước chân đi chậm chạp. Trời cao lồng lộng như đang ngắm nhìn nhà sư gánh hai thùng nắng đọng lại thành nước, trong cái chói chang, oi bức, như cười cợt với tấm lưng trần thấm đẫm mồ hôi.

Trong công việc cần lao cực khổ, nét mặt của nhà sư vô cùng tĩnh lặng. Đôi mắt mở to nhìn thẳng về phía trước, không một nét băn khoăn, lo nghĩ. Lặng lẽ mà đi như một vị sư hành hương đi trong sa mạc vắng người. Sự cực khổ dường như chỉ tập trung trên đôi vai gầy đỏ au lên vì nắng, vì nặng. Đôi mắt lặng lẽ, cam chịu khác với những đôi mắt của các vị sư đang yên lặng quét sân chùa, lau bàn thờ hay gánh nước tưới rau, tưới cây kiểng của chùa. Đôi mắt sáng ngời trên khuôn mặt khắc khổ, gầy guộc đen đui. Đôi mắt sâu thẳm như chỉ nhìn vào hư không, yên tĩnh của sự sống an lành. Có những vị sư trẻ ngồi bên bếp lửa nấu cơm với gương mặt bình thản, đôi mắt linh động thấp thoáng ánh lửa hồng. Có những vị sư già buổi sáng ngồi tụng kinh, ánh bình minh đã bừng trong đôi mắt. Trong đôi mắt của nhà sư lúc này đã hàm chứa tất cả ánh mắt của biết bao nhiêu vị sư đã từng chịu khổ hạnh trong việc tu hành. Vui có, khổ có song không hề có một chút gợn của sự thất vọng, của sự chán nản, của sự thiếu đi niềm hy vọng. Đôi mắt đã làm cho nét mặt của nhà sư Viên Mãn bình thản và an nhiên.

Trong khung cảnh nắng nóng, đường dốc cheo leo, gập ghềnh gai góc mà sự mệt nhọc chỉ hiển hiện trên từng giọt mồ hôi, trên bước chân chậm chạp và trong hơi thở dồn dập nặng nề, còn nét mặt của nhà sư vẫn an nhiên bình thản. Nét mặt lúc bấy giờ giống tựa như nét mặt của các vị cha, mẹ đang cần cù lao động vì bầy con nhỏ. Những nét cơ cực như lắng xuống, tan biến đi vì tình thương con vô bờ bến của mẹ cha. Cuộc đời nếu vì một mục đích cao cả thì dù có cam khổ đến đâu nét mặt của những người cha mẹ vẫn an vui khi phải lao động cho con mình được hạnh phúc. Sự so sánh giữa nhà sư gánh nước lên trên đồi với cha mẹ lao động để nuôi con gần như chính xác. Tính chất vị tha vẫn luôn luôn trong sáng. Gánh nước lên xây dựng chùa cũng gian khổ như cha mẹ lao động nuôi con. Giọt mồ hôi nào chảy xuống trong lao động cũng là giọt mồ hôi vì ta, vì người, vì một mục đích cần thiết, cao cả.

Khi gánh được đôi nước lên đến đỉnh đồi, sư Viên Mãn ngồi trên một túm cỏ khô nhìn xuống mặt biển xanh bao la để thấy rằng lòng mình thênh thang nhẹ, tâm thân mình khoan khoái trước trời biển mênh mông. Những sự nhọc nhằn như thoát ra ngoài thân thể, hòa tan vào sắc biếc của trời biển. Con gió hiu hiu đã mang đi những giọt mồ hôi, làm dịu cái nóng nung giữa trưa nóng. Lòng nhà sư đầm thắm như sắc nắng dịu dàng không còn gay gắt nữa và thân thương triu mến với người biết bao nhiêu. Nắng bây giờ không như nắng lúc gánh nước khi leo đồi. Cũng là cùng một luồng nắng nhưng tùy tâm con người, khi thì nắng nóng rát da khi thì nắng dịu dàng ấm áp.

Sau khi đem đôi nước đổ vào ba cái chum lớn kê trong một hốc đá là nơi an toàn cho việc trữ nước, nhà sư lại quảy đôi thùng tiếp tục xuống núi gánh nước. Khi lên có cái khó của người gánh nặng, khi xuống có cái khó của người xuống dốc mà phải gánh đôi thùng tuy nhẹ nhưng công kèn. Nương vào cây gậy để giữ được thế thăng bằng và làm điểm tựa khi bước xuống dốc cao thẳng đứng. Lên cẩn thận thì khi xuống lại càng cẩn thận hơn. Lên dốc ít khi bị té song khi xuống dốc thì thường hay có lắm lúc lăn nhào.

Công việc gánh nước cứ tiếp tục mỗi lúc chậm dần. Khi đưa hai thùng nước cuối cùng lên đến đỉnh thì trời vừa đứng bóng. Ngồi nghỉ được một chốc thì buổi ăn trưa bắt đầu. Món ăn chỉ là một gói bắp nấu mà mẹ sư Viên Mãn đã nấu lúc ban chiều. Nhai chậm rãi từng hạt bắp, nhà sư cảm nhận được chất ngọt và vị bùi trộn lẫn vào nhau thâm dần vào vòm miệng. Đây là một phương thức ăn để cảm nhận được sự đầy đủ trong sinh hoạt ăn uống của người tu hành. Nhớ lại có một thời, sư đã được bốn sư giảng dạy về cách ăn uống trong việc tu hành và việc một nhà sư chỉ ăn mỗi ngày có một hột mè

mà vẫn sống trong thời gian tu tập. Một vị sư chỉ ăn rau (ăn mỗi ngày một cọng rau) mà sống. Việc ăn rong biển để sống qua cơn thiếu thốn nhà sư đã thực nghiệm trên Hòn Đỏ trong những ngày bão tố khi không thể liên lạc được với đất liền. Anh Sáu Sài Gòn (người đã giúp nhà sư đi qua hải đảo) đã dạy nhà sư ăn món rong biển này.

Miệng nhai bắp, mắt nhìn ra biển khơi lồng lộng màu xanh thẳm, lòng nhà sư thật thanh thản. Trong giây phút này nhà sư cảm nhận được tất cả hạnh phúc của riêng mình và tin tưởng nơi công việc mình đang làm sẽ không phí phạm (và nhất là sẽ) không vô nghĩa. Gánh được nước lên đồi là giải quyết được một phần cơ bản nhất cho công việc khai phá hoang đảo này. Mặc dù rất gian khổ song nhà sư vẫn tin rằng sức mình có thể thực hiện được.

Nước sinh hoạt cho mỗi ngày là một đôi, gồm để ăn uống và tưới cây. Như vậy mỗi tuần sẽ chỉ phải gánh nước có một lần và những ngày còn lại sẽ dồn hết cho lao động khai phá và trồng tỉa. Ngoài ra mỗi khi lên đảo thì nhà sư lại mang theo một phần nước cho việc sinh hoạt trong ngày đó. Thời gian lao động trên đảo rất cần nên mỗi tuần sư chỉ về đất liền một lần để lấy lương thực và tiếp tế nước.

Suốt 10 năm liền công việc gánh nước vẫn tiến hành đều đặn nhờ vào ý chí và tâm nguyện của nhà sư .

---o0o---

Ăn rong trên Đảo

Ăn uống xong sư Viên Mãn chú tâm vào việc chuẩn bị tân tạo chỗ tạm trú của mình trong thời gian khai thác, khẩn hoang ở trên đồi. Đó là một cái hốc ăn sâu vào một tảng đá nhô cao có nhiều bụi tầm xuân leo mọc tạo thành một chỗ ẩn náu lý tưởng: nắng thì có bóng mát và mưa thì có chỗ tạm nương. Muốn cho an toàn khi mưa đến nhà sư đã che phía dưới lùm cây một tấm vải bạt ni lông như một cái lều ẩn trong lùm tầm xuân. Mặt đất bên dưới là một tảng đá bằng phẳng như một tấm phản rộng. Tuy không được hoàn toàn bằng phẳng nhưng cũng đủ để đặt lưng nằm ngơi nghỉ trong những giờ sau lao động. Vách đá là chỗ tựa để tránh gió mưa.

Trời đang trong xanh bỗng nhiên mây ở chân trời ùn ùn kéo nhau che kín bầu trời. Rồi cơn mưa bắt chợt ào ào đổ xuống. Mưa giăng màn che kín không gian biển rộng.. Hòn Tre, Hòn Mun và các đảo khác mờ đi trong làn

mưa để rồi quanh đảo chỉ còn có màn mưa trắng giăng giăng. Mưa vây quanh đảo nhỏ như hợp sức với những cơn sóng ào ạt quanh chân đảo. Giữa cơn mưa Hòn Đỏ như cô đơn song vẫn an nhiên trước sóng gió bão bùng. Gió mưa làm tấm bạt ni lông run lên bần bật khiến sư Viên Mãn phải ngồi nép mình bên vách đá, lặng nhìn dòng nước chảy trên tấm bạt ni lông và cùng tuôn chảy vào chiếc thùng hứng bên dưới. Niềm vui của nhà sư là được có thêm nước dự trữ cho những ngày khai phá trên đảo. Ít nhất là có được một tuần khỏi phải gánh nước.

Nha Trang không có mưa dầm, chỉ có những cơn mưa chợt đến rồi chợt đi. Nhiều lúc cơn mưa kéo dài chỉ trong vòng đôi ba ngày là cùng. Những lúc đó đảo Hòn Đỏ bị cô lập giữa biển động. Sóng vỗ ầm ầm quanh chân đảo nên không có một chiếc thuyền nào có thể cập vào. Đảo như bị cô lập, như trôi ra xa giữa sóng gió trùng dương.

Mỗi khi cơn mưa kéo dài, đảo bị cô lập với đất liền sư Viên Mãn phải chấp nhận tình trạng thiếu lương thực trên đảo. Hàng tuần sư ra đảo chỉ mang theo một ít gạo và một ít tương chao và xì dầu. Sư chỉ ăn mỗi ngày một bữa, đúng vào giờ Ngọ. Nhiều lúc bị cô lập trên đảo, sư phải ăn những lá rong xanh mọc nơi mép đá ven biển. Sóng lớn đánh tạt rong lên các mỏm đá cao, nhà sư đã lựa những mảnh rong còn non xếp từng chồng trên một đĩa nhựa rồi mỗi lúc dùng bữa sư ngồi nhai chậm rãi như ăn bắp nấu. Từng lá rong xanh được nhai chậm rãi, nhai thông thả như để tận hưởng hương vị thơm ngon của rong biển. Thật ra nhà sư nhai chậm rãi là vị thói quen hơn là muốn tận hưởng hương vị của rong vì hương vị này nhạt pha lẫn vị đắng và chát. Nhìn vị sư ngồi nhai rong biển, ta có cảm tưởng là mình đang bắt chợt thấy được hình ảnh một vị chơn tu thuở trước, trong câu chuyện một vị sư ngồi nhai một hột mè mà đủ sống trong một ngày.

Trong các câu chuyện được dân gian kể lại như câu chuyện ngài Trùng Nghệ, hiệu Nhơn Sơn tu tập tại chùa Thiên Sơn (còn có tên là chùa Lỗ Mây) thuộc xã Ninh Hưng huyện Ninh Hòa, Khánh Hòa. Việc ăn uống của Hòa thượng rất giản dị. Chỉ một nắm cơm khô, một nắm gạo rang, hoặc một nắm lá cây, bất cứ lá cây gì, cũng đủ nuôi sống. Ngoài ra còn một vị sư tu ở chùa Linh Quang thuộc thôn Đại Điền Trung, hiệu là Nhơn Nguyên. Ngài xuất gia từ lúc 9 tuổi. Khi tu có hơi tối dạ, thường bị phạt mỗi khi không thuộc kinh. Sau một tuần ngồi tịnh thiền dưới cây ké tại núi Phú Nhơn ngài đã ngộ đạo và vào tu ở chùa Linh Quang và ngài nhập thất trong thời gian là ba năm. Suốt thời gian này ngài chỉ ăn rau muống sống và ớt vào đúng Ngọ. Do đó ngài có tên là Hòa thượng Rau.

Ăn rong thay cơm, nhà sư không bị đau bụng hay khó chịu vì ban đầu nhà sư ăn rất ít, nhai rất kỹ và có lẽ nhờ bộ máy tiêu hóa tốt. Ban đầu chỉ ăn chút ít, sau lần lần thay cho bữa ăn chính. Cuối cùng cơ thể quen dần với loại lương thực mới lạ này.

Lần ăn rong ban đầu vào lúc trời mưa dầm vì không có lao động nên việc ăn rong thay cơm rất dễ thực hiện. Sau đó cần có sức khỏe để khai phá hoang đảo nên việc ăn rong chỉ để giảm vào những ngày nghỉ làm hoặc trong ngày gió mưa. Tuy nhiên trong suốt mười năm lao động trên đảo Hòn Đỏ sư Viên Mãn vẫn duy trì chế độ ăn rong mỗi tuần hai lần để giảm thiểu việc tốn hao lương thực vì sư phải tự túc trong vấn đề này khi chùa chưa có bồn đảo. Anh Sáu Sài Gòn chỉ dạy nhà sư ăn rong với mục đích thay rong làm rau xanh trong các bữa ăn còn sư khi thực hành lại lấy rong thay cho lương thực. Nhà sư đã thực hiện cách ăn này cho nhiều loại rong biển từ rong rau câu, rong đồng mứt, rong chân vịt v.v.. và đã nhận chân ra là: mỗi loại rong đều có một mùi vị riêng giống như các hoa quả, các rễ củ v.v.. Hạp miệng với loại nào thì thích ứng với loại này. Ban đầu khó chịu sau dần dần quen và sau đó làm lương thực để mà sống.. Trong lúc ăn, nếu lòng ta không nghĩ đến chất ngon vị ngọt thì miệng nhai nhánh rong đắng cũng giống như nhai một cọng rau muống vậy.

Trong hoàn cảnh cực cực nhất, con người có thể sẵn sàng chấp nhận những điều khổ cực nhất, vui với những điều mình có thể có và giữ được niềm vui trong những cái tầm thường nhất mà mình có được. Nếu giữ được nếp sống này ta luôn luôn có hạnh phúc và ta sẽ được vui đi những đau khổ mà trần gian này đã đem đến cho ta. Khi ta chấp nhận sự đau khổ thì đau khổ sẽ vui đi, khi ta không nhớ đến sự đau khổ thì đau khổ sẽ biến mất giữa lòng ta.

Có một đôi khi anh Sáu Sài Gòn đem rong biển nấu thật chín và mời sư Viên Mãn ăn và nhà sư đã thốt lên:

- Không có mùi vị gì khác. Tuy nhiên ăn chín khó ăn hơn ăn sống.

Theo ý nghĩ của nhà sư thì cọng rong kia dù có thay đổi cách thức nấu xào, hay cách thức chế biến thì bản chất của rong biển vẫn là bản chất của rong biển. Vị ăn trong miệng vẫn tùy thuộc vào cảm nhận của con người. Tuy nhiên khi cần sức khỏe để lao động thì việc ăn cơm rau vẫn cần thiết.

Hằng năm cứ vào mùa nắng, dân cư trong đất liền đợi khi nước triều xuống, lội ra vớt rong biển về phơi khô đem bán cho bạn hàng chế biến hải sản. Nhiều lúc họ vớt lên phơi ngay trên bãi đá và đợi khi nào rong khô họ mới

đem giỏ ra hốt đem về. Nhiều lúc thấy các bãi rong lòng mứt hoặc rau câu chân vịt bị hái sạch, sư Viên Mãn đã suy nghĩ Trời có sinh thì có hoại, tuy nhiên lòng ta vẫn mong muốn là tất cả các loài chim muông, cây cỏ đều được tự sinh sôi nảy nở yên lành chung quanh đảo này.

---o0o---

Gánh đất lên Đảo

Một tuần, nhà sư chở nước lên đảo một lần và chở đất lên đảo một lần. Chở nước thì vận chuyển từ đất liền ra đến chân đảo dễ dàng thuận tiện song việc gánh nước lên đến đỉnh đồi lại khó khăn. Còn chở đất thì nghịch lại.

Muốn có đất thì thuyền phải ngược lên tận các bãi đất hoang gần chiếc cầu sắt Ngọc Hội chạy qua sông Cái. Tại đây có những bãi đất hoang mọc đầy gai mắc cỡ và cỏ mần trầu. Đất ở đây là đất sét pha lẫn đất cát dọc hai bờ sông. Vì vậy nên đất rất xốp.

Từ chiều hôm trước, nhà sư đã nhờ anh Sáu cho mượn chiếc ghe và chuẩn bị 50 chiếc bao cát cùng với cuốc và xuống. Khi trời vừa hừng đông ghe đã vượt qua khỏi cửa sông Cái, qua cầu xóm Bống, rồi ngược giòng sông. Nơi cửa sông, gió biển hiu hiu thổi. Thuyền đánh cá từ biển xa trở về. Âm thanh của máy thuyền vang vọng trên sóng nước. Tiếng máy có âm thanh trầm nặng là tiếng máy của chiếc thuyền có cá nặng đầy khoang. Tiếng máy có âm thanh nhẹ và bổng là tiếng máy của thuyền đánh cá ít gặp may mắn, cá nhẹ lòng khoang. Bầu trời bình minh căng lòng tươi mát đón đoàn ghe thân yêu trở về. Bến cá Cù Lao vui nhộn vì vợ con các ngư dân ra đón cha, chồng và những người “rời cá” chen nhau trong chờ đợi.

Để lại sau lưng tiếng reo hò vui vẻ, chiếc ghe của nhà sư vẫn im lìm tiến thẳng về eo đất nằm giữa dòng sông. Đây là một cồn đất nhỏ hoang vắng. Lau sậy và cỏ lát mọc đầy. Đất phù sa của dòng sông Cái tích tụ nhiều năm. Lầy đất ở đây không ai ngăn trở. Neo thuyền cặp sát bờ, nhà sư đi sâu vào bên trong tìm vùng đất tốt. Nơi nào có cây to và cỏ nhiều, nơi ấy có đất tốt cho trồng trọt. Đất được cho vào bao cát, cột chặt miệng. Bao cát này làm bằng một loại vải lâu mục của nhà binh thường dùng để làm hầm trú ẩn hoặc hầm chiến đấu. Khi di chuyển đi nơi khác, các hầm này được bỏ hoang, dân chúng thường đến đào bới đổ cát đi và đem về bán để dùng vào nhiều công việc

Đến gần trưa thì ghe đã được chắt đầy bao cát đựng đất và ghe được xuôi về Hòn Đỏ. Ghé nhà anh Sáu, bữa cơm trưa đã chờ sẵn. Tuy đạm bạc song nhờ lao động nên bữa cơm với rau dền chấm xì dầu vẫn được xem là bữa cơm đầy đủ. Ăn xong thì nước triều vừa lên, ghe nhờ thêm một tay chèo là anh Sáu nên ghe cặp bến Hòn Đỏ rất nhanh. Các bao đất được chuyền lên bến mau lẹ và anh Sáu lo trở về nhà chuẩn bị cho chuyền đi thả lưới ban chiều. Còn lại một mình, sư Viên Mãn, mỗi vai vác một bao đất, bắt đầu leo dốc.

Vác đất không nhọc công bằng gánh nước vì gánh nước thì hai đầu gánh thường bị vướng các móm đá trên đường lên dốc và nhất là phải chú tâm sợ nước vương vãi ra đất. Vác đất tuy nặng hơn song lại gọn gàng khi di chuyền, khi bước chân lên gộp đá và nhất là khi di chuyền qua các khe đá chật hẹp. Hai bao đất cũng che được hai vai và một phần lưng dưới ánh nắng gay gắt xé trưa. Trong không khí hùng hực, bóng nhà sư lặng lẽ di chuyền, âm thầm, kiên nhẫn, Cảnh mênh mông vắng vẻ của hoang đảo không hề làm chùn bước của con người đã có quyết tâm thực hiện cho được ước nguyện của mình.

Lên đến đỉnh đồi, nhà sư đặt hai bao đất xuống đúng vào vị trí đã dự định rồi lẳng lẳng xuống đồi. Gió từ biển khơi đã lồng lộng thổi về. Trên bầu trời trong xanh, lênh đênh đôi dải mây trắng mỏng. Con nắng như hun vẫn đổ xuống hòn đảo nhỏ nhoi này. Bên dưới là biển nước mênh mông, trên này là không gian đầy nắng lửa. Trên đỉnh đồi thì có gió thoáng song ở nơi các khe đá, đường mòn ẩn khuất trong đá, không khí vẫn hùng hực khí nóng, lưng của đá vẫn tỏa khí nóng. Khi vác đất qua những vùng này, chân tự nhiên bước mau, lòng mong cho chóng đến vùng có gió biển thổi qua. Nơi đây chân tự nhiên dừng lại, gió như một nguồn nước mát xối xuống toàn thân. Mọi sự mệt nhọc như tan biến, hai bao cát không còn đè nặng trên hai vai. Bóng người trải dài trên vách đá, nhà sư trong thế đứng nghỉ hơi, mắt hướng về bề khơi, lòng ngực hít đầy gió biển. Rồi lại tiếp tục cất bước lên đồi.

Chuyền cuối cùng vừa xong thì mặt trời đã khuất dưới chân trời. Phương Tây rực rỡ ánh vàng. Biển ào ào con sóng. Hơi mát đã tràn về. Nhà sư lại tiếp tục đem các bao đất đổ vào các khe đá, lấp mặt các tảng đá tạo thành một khoảnh đất bằng phẳng vuông vức. Xong việc thì trời đã tối hẳn. Nhìn qua một lượt những công thành của một ngày lao động, nhà sư xuống bên tầm gôi những vết đất đã gắn chặt trên lưng, trên tay chân. Dầm mình trong một vũng nhỏ kín gió nhà sư cảm thấy sóng biển ấm áp đã âu yếm vỗ nhẹ lưng mình. Con mệt mỏi như tan vào lòng biển. Nhà sư lặng lẽ trở về túp lều nhỏ trên đồi. Trong bầu trời chạng vạng tối, giữa không gian xa vắng của

đảo khơi, tiếng tụng kinh tối vang lên rõ mồn một. Tiếng mõ nhịp nhàng đều đặn. Thỉnh thoảng một tiếng chuông buông rơi nhẹ nhàng nhưng trầm lắng. Mùi hương lan xa, tỏa lững lờ trong bóng tối buông dày. Đêm đã phủ đầy trên hải đảo.

---o0o---

Tư duy dưới trăng

Nằm gối đầu trên đá, nhà sư mơ màng lắng nghe tiếng dế vọng xa xa, khi mơ hồ, khi như rõ bên tai. Những kỷ niệm xa xưa của những ngày thơ ấu chợt thoáng về như đọng dưới ánh trăng vàng. Lòng nhà sư nhẹ nhàng mở rộng đón lấy sự thanh thản dưới trời khuya.

Sự êm đẹp của thiên nhiên luôn luôn kề cận, quán quít chung quanh ta nhưng vì quá bận rộn với công việc hằng ngày nên lòng ta quên đi cái đẹp của thiên nhiên, của cây cỏ chung quanh ta.

Ngước nhìn lên bầu trời trong xanh vắng vặc trong suốt như pha lê. Ánh trăng dịu mát như cơn trớn, như xoa dịu cái nóng ban ngày như vẫn còn phảng phất trên da thịt. Bù lại nóng bức ban ngày, đêm trăng như rải sữa mát dịu trên toàn cảnh Hòn Đỏ. Ánh trăng như mặt phải của cuộc đời mà sức nóng ban trưa là mặt trái. Nhờ có nó ta mới hưởng được những giờ phút thoải mái hoàn toàn hạnh phúc.

Giữa trời biển bao la, giữa khó khăn cực nhọc ban ngày, sư Viên Mãn lòng vui sướng ngộ ra một điều là con người không cô đơn trước thiên nhiên. Thiên nhiên vô tình khi con người không lưu ý đến song rất hữu tình với con người hằng để tâm đến thiên nhiên. Lao động là môi trường để con người gần gũi và yêu mến thiên nhiên. Nhờ lao động con người mới thấy rõ ý nghĩa của cuộc đời, mới yêu mến cuộc sống. Khi nội tâm ta hòa đồng cùng vũ trụ thì thiên nhiên dù khắc nghiệt đến đâu cũng là bạn đồng hành với ta trên cõi đời này. Khai phá hòn đảo này, sư Viên Mãn chỉ muốn góp một phần nhỏ vào công việc lập một ngôi chùa nhỏ trên đảo cùng với cảnh quan có cuộc sống như trên đất liền với cỏ cây xanh tươi. Ngôi thiên viện sẽ là nơi tu tâm dưỡng tánh cho tất cả ai ai mong muốn giữa trời biển bao la có một nơi để tu niệm.

Trong sạn đá, trong khô héo, hoang vu, chỉ có nắng và gai góc, tuy gần đất liền mà không một dấu chân người. Hằng ngày có thuyền câu quanh đảo

nhưng không người đến thăm vì thiếu nước, thiếu phương tiện tới lui và nhất là thiếu nguồn sinh sống. Từ khi bước chân lên hải đảo không một giây phút nào nhà sư chạnh lòng chán nản. Niềm hy vọng cất được một ngôi chùa trên hoang đảo đã giúp nhà sư vượt qua tất cả mọi gian khổ. Sư không bao giờ nghĩ đến một ngôi chùa nguy nga đồ sộ mà chỉ mong có một ngôi chùa lợp tranh thanh tịnh với một vài đệ tử mến cảnh mến thầy. Sư nhớ lại những tháng ngày theo học nơi trường Bồ Đề, trong giờ giảng văn, sư thích nhất là bài thơ Thú Hương Sơn của Chu Mạnh Trinh có những câu :

*Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lững lơ khe đá cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng...*

Và ở Nha Trang này không biết tìm đâu ra một động Hương Tích vừa trần vừa tiên, cảnh, tình hòa quyện lấy nhau, để cùng nép mình trước hiên Phật. Vì vậy nên khi đứng trên đỉnh núi Sinh Trung, nhìn thấy Hòn Đỏ cô đơn trên sóng nước, nhà sư đã có tâm nguyện ra đảo lập chùa. Với một tình yêu thiên nhiên, với lòng khát vọng tìm ra một nơi tu hành theo sở nguyện cho nên dù gian khổ đến bậc nào nhà sư cũng quyết tâm thực hiện cho bằng được. Tự mình khai phá, tự mình xây dựng là chính, còn nhờ ở người khác là tùy duyên, tùy hoàn cảnh.

---o0o---

Trồng tỉa trên Đảo

Sau nhiều ngày dọn dẹp phát quang và làm nền, che chùa, khu đồi trên đỉnh Hòn Đỏ tạm thời đã được dọn sạch. Gai góc được chặt nhỏ phơi khô rồi đốt cháy bỏ vào các hố đào sẵn để chuẩn bị cho việc trồng cây lưu niên. Đất đưa từ đất liền lên đảo được chia thành khu vực để chuẩn bị trồng rau.

Tháng tám thời tiết thường hay thay đổi đột ngột. Trời đang nắng chang chang bỗng nhiên phương Tây mây kéo về đen đặc cả một bầu trời. Và mưa bắt đầu tuôn xuống. Nước mưa ào ạt chảy theo các triền dốc cuốn theo những hạt đất, hạt sỏi cùng các cọng cỏ khô. Mặt đất như bị bào mòn dần dần để trơ lại những tảng đá lớn cùng với những tảng đá nhỏ lơ nhô chung quanh. Đã mấy trăm năm nay chỉ có sự bào mòn mà chưa có một sự bù đắp nào để làm cho đất trên đảo được thêm phì nhiêu màu mỡ. Cây to trên đảo không có, chỉ có các bụi gai góc mà sự rụng lá không thể bù vào sự mất mát

xói mòn của các cơn mưa lũ. Bởi vậy cho nên cần đến sự hướng dẫn dòng chảy chậm để giảm bớt sự chảy ào ạt cuốn đi tất cả đất đai trên mặt đảo. Cho nên đá nhỏ được xây thành tường thấp chung quanh và các khe ngoằn ngoèo làm chảy chậm bớt dòng nước mưa trên đảo. Sau cơn mưa dông trời lại ửng nắng. Thời gian này rất thuận tiện cho việc trồng tía.

Những hạt giống được xin từ quê hương Phú Yên như: sắn nước, hạt é, và những hạt rau cải, tần ô... Những luống đất không thẳng hàng vì địa hình của mặt đất, được trộn xới nhiều lần với những bọc phân ủ, đang thấm dẫm nước mưa và ẩm dần trong nắng. Các hốc trồng sắn nước, nằm rải rác khắp nơi theo các thế đất và đá. Đất đưa từ đất liền lên được dùng để trồng rau, trồng khoai lang, khoai mì, đu đủ, cà, ớt v.v..

Sau cơn mưa rào và một ngày nắng ấm, các hạt giống đã được gieo trồng. Các hạt sắn nước có sắc vàng nhạt được trộn với một ít tro để chống kiến được gieo vào các hốc đất cạnh các tảng đá. Những hạt cải ly ti màu nâu sẫm cũng được trộn với tro và rải đều trên các luống đất mịn bằng phẳng. Hom mì cũng được chặt ra thành từng đoạn ngắn và được vùi trong các hốc đất ít đá. Rút kinh nghiệm ở những vùng tự do khi kháng chiến chống Pháp, sư đã dồn các lá cây, cỏ dại vào các hốc đá to có trộn thêm đất ruộng để trồng các củ khoai sọ, khoai mỡ, khoai tím v.v... Riêng về việc trồng khoai lang thì sư chia ra hai cách trồng:

Loại ăn lá thì được trồng trên những luống đắp thành vòng có rãnh chung quanh để tụ nước. Loại lang ăn lá có những phiến lá tròn dùng để luộc ăn thay cơm hoặc dùng làm món ăn hằng ngày.

Loại ăn củ thì lá có khía răng cưa, lá ít phát triển nhìn lúc ban đầu trông không đẹp mắt bằng lang ăn lá song lại cho củ rất nhiều. Các vòng lang củ thường được vun to, giữa các thân vòng luôn luôn có độn thân lá của các giống cây mọc hoang trên đảo để làm phân cho củ và để làm cho đất xốp. Vòng lang đầu tiên trên Hòn Đỏ chỉ vón vện có một vòng dài khoảng 10 mét. Khoai lang chỉ trồng thích hợp ở các vùng đất xốp. Nhiều nơi chỉ trồng lang trên đất cát mà củ lại rất nhiều và tinh bột cũng rất nhiều. Đặc biệt là khoai trồng trên đất thịt thì củ lớn song thường bị sùng và nhiều lúc lại bị sượng vị ngập nước. Riêng khoai trồng đất cát thì tuy có củ nhỏ song ăn rất bùi và thu hoạch rất thuận tiện. Có nhiều vùng đất cát song nhờ kinh nghiệm lót phân xanh (cành lá cây xanh) trong thân vòng nên củ khoai lớn mà bao giờ cũng tràn đầy tinh bột tuy khi nhìn trên mặt vòng ta chỉ thấy thưa thớt các lá khoai .

Vốn biết rằng đất nơi đảo không thích hợp với việc trồng khoai ăn củ song khi nhớ đến những chiếc giỏ bằng tre trồng khoai lang trong thời gian chống Pháp ở những vùng thiếu đất, nhà sư đã áp dụng cách trồng này trong các giỏ có lỗ thưa chung quanh, rộng 1 mét, cao nửa mét, dưới đáy có lót lá dày và đổ đất dày khoảng một gang tay, trên mặt xếp các dây khoai lang dài có hai đầu để thò ra ngoài giỏ. Trên các cọng dây khoai phủ một lớp lá xanh dày và đè lên trên là một lớp đất, rồi tiếp tục rải dây khoai. Cứ thế mà trồng độ 4, 5 tầng. Giỏ khoai được đặt trên một tảng đá, hằng ngày tưới nước như tưới một vòng khoai. Tuy nhiên mỗi khi lang đã mọc nhiều thì việc tưới nước có nhiều khi khỏi cần đến vì khi gặp trời mưa thì giỏ lang không khi nào bị úng nước và khi trời nắng thì trong lòng giỏ vẫn còn chứa nhiều độ ẩm. Khi lá khoai mọc đầy bò dài xuống đất, giỏ khoai trông giống như một ụ khoai lang trồng trên tảng đá, đôi khi trông giống như một khóm lang mọc tự đá, bò lên đá. Cách trồng lang này rất thích hợp nơi thiếu đất, thiếu nước.

Đến mùa thu hoạch, sau khi cắt các ngọn lang bao quanh giỏ, sư chỉ cần dùng lưỡi liềm cắt đứt các thanh tre đã ẩm mục rồi dùng cuốc nhỏ đào xới đất trong giỏ ra. Khi xới tầng đất trên cùng, các củ khoai lang hiện ra nằm chen chúc cạnh nhau như một bầy heo con màu đỏ hồng, màu trắng vàng trông thật dễ thương. Kết quả thu hoạch tùy theo cách trồng và cách bón phân lá. Nếu các dây khoai đặt quá sát nhau thì củ nhiều song lại có thân nhỏ. Nếu đặt thưa dây lang thì củ lớn song lại ít củ. Lại còn việc đất và phân lá tốt hay xấu, thích hợp với khoai hay không thích hợp. Phần nhiều đều do kinh nghiệm của người trồng mà ra. Đôi lúc không cần đào xới mà khi các nang tre đan được cắt, đất trong giỏ vì phần nhiều là đất cát trộn với lá, cành cây nên tự động bung ra và củ lang rơi nằm đầy trên mặt đá.

Trên Hòn Đỏ chỉ có thiếu đất chứ không thiếu nơi trồng. Mỗi tuần chỉ một chuyến vận chuyển đất lên đảo cũng đủ để trồng một vòng khoai.

Song song với việc trồng lang, việc trồng sản nước cũng dễ dàng thành công hơn các loại giống khoai khác như khoai sọ, khoai tím, khoai mỡ. Củ sản nước dễ trồng song không có lợi về kinh tế vì giá trị không cao, không thể thay thế cho thực phẩm như khoai, mì. Tuy nhiên đó là một thức ăn tạm thời vừa no, vừa đỡ khát nước. Củ sản nước đã giúp cho nhà sư trong khi nắng hạn, khi các lu nước đã voi đi mà chưa kịp vào bờ để lấy nước thì các củ sản nước này đã làm dịu cơn khát, voi cơn đói, trong khi chờ thuyền của anh Sáu chở thêm nước từ đất liền ra đảo mỗi khi nhà sư vì nhiều công việc cần làm nên không thể về đất liền mang gạo và chở nước ra đảo. Những lúc này nhà sư chỉ còn nhờ vào sự tiếp tế của anh Sáu Sài Gòn. Không có anh

Sáu không có ghe thuyền ra đảo, không có phương tiện chở nước, chở đất. Nhiều lúc chờ không được vì một lẽ gì đó anh Sáu không ra đảo thì nhà sư lại phải đợi nước thủy triều xuống, lội vào bờ.

Một hôm khi lội vào bờ nhà sư mới hay anh Sáu Sài Gòn không ra được đảo vì bạn đưa chị Sáu đi nhà thương sinh sản.

Việc lấy nước, gánh nước một mình trên đảo vắng vẫn âm thầm trong quạnh vắng, trong hiu quạnh giữa trời đất bao la nắng gió trùng trùng. Nhưng hạnh phúc đang lớn dần vì công việc càng ngày càng tiến triển. Kết quả đã trông thấy từng ngày. Vòng lang đã xanh lá, khoai mì đã xòe cánh nõn. Trên luống cải đã đậm màu xanh tươi sống. Mầm sòng đã hiện diện. Niềm vui và hi vọng đã theo gió sớm tràn về..,

---o0o---

Trồng xoài trên Đảo

*Gió đưa mùi tám lá xoài
Mùi hai lá mít lạc loài về đây.*

Câu ca dao này tuy không hiểu được cặn kẽ nguồn gốc và ý nghĩa song cứ mỗi lần nghĩ đến, sư Viên Mãn vẫn thấy băng khuâng trong lòng. Lá mít, lá xoài của quê hương vẫn bàng bạc trong hồn. Hình ảnh này thân thương như khi có người nhắc đến bờ tre, con sông đầu làng. Hơn nữa hai tiếng lạc loài đã nói lên thân phận của kẻ không nhà như cây mít cây xoài xa vườn, xa nơi lớn lên. Nhà sư chợt nhớ đến những cây xoài, cây mít trên chùa Linh Quang nơi núi Xuân Đài tỉnh Phú Yên. Chùa Linh Quang nổi tiếng là một ngôi danh lam có thắng cảnh đẹp. Núi Xuân Đài nằm ở phía Nam huyện Đồng Xuân, nối tiếp từ Thạch Lãnh chạy xuống, núi gò liên tục, làng xóm nối dài, ruộng vườn xen trộn. Chùa Linh Quang còn có danh là chùa Đá Trắng, vì đá trên núi phần nhiều mang sắc trắng. Trong sân chùa và quanh chùa có giống xoài tượng rất ngon. Vỏ mỏng, thịt dẻ và hương thơm. Đặc điểm là để được lâu, hương không phai và vị vẫn thắm.

Trước đây giống xoài này hằng năm phải đem về Huế cống vua. Cho nên xoài trên chùa bị chức sắc trong làng quản lý. Khi mùa xoài có trái, các phu dân phải túc trực tại chùa để canh gác. Họ phải đếm từng nụ xoài lúc mới tượng trái và chăm nom cho đến khi xoài già mới làm lễ hái trái và dùng ngựa chở xoài trong các giỏ tre ủ xoài cùng với lá sấu đông để đến khi về tới

Huế thì xoài vừa chín vàng da. Do được bảo vệ nghiêm ngặt cho nên tuy chùa có danh là có xoài quý song nhà chùa không bao giờ được hái trái cúng dâng Phật trong các mùa xoài. Tuy nhiên năm nào chùa cũng có trái xoài để cúng. Đó là không rõ nguyên nhân nào khi mùa xoài được hái sạch để dâng vua thì trên cây xoài luôn luôn còn sót lại những trái chín vàng mắt thường không bao giờ được thấy. Đêm trước đó, sư cụ nhà chùa sau tuần kinh đêm ra đứng nơi hiên chùa. Bỗng một mùi hương xoài chín dịu dịu thoảng đến. Sao trên trời như sáng tỏ thêm, gió hiu hiu thổi nhẹ.



Sáng hôm sau, thức dậy sớm, sư cụ ra đứng dưới gốc xoài đưa mắt nhìn lên cành cao, thì bỗng nhiên thấy thấp thoáng trong cành lá tươi xanh nhấp nháy ánh vàng dao động. Nhìn lên cây thì sư cụ trông thấy một chùm xoài chín đang đong đưa trước gió. Và từ đây hằng năm sau ngày hái xoài hiến vua, chư đệ tử trên chùa lại đua nhau quan sát cành xoài và nhất là đêm đêm quanh quẩn bên gốc xoài để chờ đợi hương xoài thoảng đến. Những người có tấm lòng mộ đạo thì cho đó là tấm lòng che chở vật quý của đất để dâng cho Phật. Kẻ có tấm lòng thực tế thì bảo rằng đó là tấm lòng thành kính của những người canh giữ đã cố ý khi hái trái đã để sót lại trong đám lá xanh rậm cho chùa và phải đợi đến khi xoài chín, màu vàng mới lộ ra và hương thơm của xoài mới báo thức cho nhà chùa tìm hái để dâng Phật. Nhờ có những trái xoài còn sót lại mà giống xoài trên chùa Đá Trắng mới được nhân rộng ra khắp vùng núi Xuân Đài. Tuy đã xa chùa, song tiếng ngon của xoài Đá Trắng vẫn lưu truyền trong nhân gian mãi mãi.

Sau khi ổn định chỗ ăn ở trên Hòn Đỏ, sư Viên Mãn nhớ đến giống xoài nơi chùa Đá Trắng nên có một ước nguyện là sẽ trồng đầu tiên trên hải đảo này giống xoài quý của quê hương. Nhân một chuyến về thăm quê nhà, bằng cách thắp từng một ghe thuyền buôn thương phẩm, đi từ bên Cù Lao về Sông Cầu, nhà sư đã thoã ước nguyện.

Thuyền rời bến vào buổi chiều tháng ba âm lịch. Gió nồm đã thổi hiu hiu, thuyền ra khơi trong trời quang mây tạnh. Trên thuyền chỉ có vị sư và ông thương gia có tiệm buôn ngay dưới chân núi Sinh Trung. Tình cờ mẹ nhà sư

khi đi làm, biết được vị thương gia có chuyến ghe về Phú Yên nên tin cho sư Viên Mãn biết và nhà sư đến xin được tháp tùng.

Thuyền căng buồm ra khơi, xuôi theo chiều gió đi thẳng một mạch đến sáng thì cập bến Sông Cầu. Trong thời gian thuyền cất hàng và mua hàng, nhà sư đã lên đường về thăm chùa Bảo Sơn rồi ghé chùa Linh Quang để xin mua hạt xoài giống. Nhà chùa biếu tặng được 14 hạt và một cây rựa dày bản để dùng trong việc phát hoang. Thành công trong việc có được giống xoài đặc biệt, và nhất là được sự cổ võ nồng nhiệt của chư tăng nơi chùa Linh Quang về ý định khai hoang lập tự trên hải đảo Hòn Đỏ, sư Viên Mãn hăm hở trở lại Sông Cầu theo thuyền về Nha Trang. Đi và về chỉ có 5 ngày đêm. Mọi việc êm xuôi như con thuyền thuận gió.

Sư Viên Mãn đem mười bốn hạt xoài ủ vào trong một bồn đất nơi ang nước tại chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa. Tại nơi đây sẽ đầy đủ nước tưới, bóng mát và được sự chăm sóc của mẹ già của sư mỗi khi sư bận trên hải đảo. Kết quả rất khả quan là cả mười hạt đều nảy mười mầm non xanh tốt. Và nhà sư đã đem hạt xoài nảy mầm lên Hòn Đỏ.

Sáng hôm nay, khi đem nước tưới đến khu ươm hạt xoài thì nhà sư phát hiện ra 14 hạt xoài đã đâm rễ. Mỗi hạt xoài đều có một rễ dài, trắng muốt to bằng mút dũa, cắm sâu vào lòng đất. Hôm qua sự kiện này chưa có. Thế mà chỉ trong một đêm mọi việc đã xảy ra. Thiên nhiên thật là kỳ lạ. Khi ta chú tâm thì không nhận thấy, mà khi ta lơ đãng thì hiện tượng lại hiện ra. Trong vườn hoa đôi lúc ta bận việc không chú ý đến thì bỗng một hôm ta thấy cả khóm hoa đã đầy nụ hoa. Cũng như có nhiều khóm hoa ta chưa kịp thấy nụ thì hoa nở đã đầy cành.

Những rễ xoài đã đâm xuống đất song mãi đến mười hôm sau hai lá xoài mới thoát ra khỏi cái vỏ cứng khô. Cây xoài con đã thành hình tròn vẹn. Mỗi cây xoài con lại được đem trồng vào một chiếc giỏ mồm bò. Chiếc giỏ này được đan bằng tre có nhiều lỗ dùng để đeo vào mồm con bò mỗi khi đi ra đồng để tránh việc bò ăn lúa khi đi đường. Đôi khi giỏ được đan bằng dây mây để có được độ bền cao. Độ lớn của thân giỏ chỉ vừa khít với chiếc mồm của con bò và được đeo vào mồm bằng một sợi dây mây quấn ngang qua giữa hai sừng bò.

Ở thôn quê khi ươm cây giống, người ta thường dùng giỏ này để tiện việc di chuyển và nhất là để tiện dụng khi cây đã lớn thì có thể đem trồng luôn với

cây khời phải bứng cây và nhờ ở giỏ có nhiều lỗ nên rễ cây thoải mái mọc tự nhiên. Và vì làm bằng tre nên rất chóng mục mỗi khi được chôn xuống đất.

Hố trồng xoài đã được chuẩn bị từ lâu. Đó là những cái hố được đào tại những vị trí thích hợp: nhiều đất ít đá và gần các tảng đá to. Như vậy để tránh các cơn gió mưa dữ dội trên đảo mỗi khi mùa đông bão tháng chín tháng mười. Mỗi hố rộng hơn một mét đường kính và sâu đến nửa mét. Một đôi chỗ bên dưới là một tảng đá lớn, khi đó lại phải di chuyển vị trí trồng đến một chỗ khác. Khó khăn như thế cho nên mỗi ngày chỉ đào có một hố mà thôi.

Ba tháng sau thì 14 cây xoài đã được trồng trong những hố xoài khắp vùng trên đảo. Phải cần đến sự chăm sóc hằng ngày kéo dài đến hai năm, 14 cây xoài mới chắc chắn được sống trên Hòn Đỏ. Tuy nhiên trong khoảng thời gian này vì thiếu nước nên xoài chỉ phát triển theo mùa mưa và vì bên dưới đá tảng nhiều nên sau một thời gian cho trái được vài năm thì đa số cây xoài đã chết dần. Hiện còn lại duy nhất là cây xoài nằm trên khu đất gần nền chùa. Tàn xoài tỏa rộng tươi mát xum xuê. Hằng ngày nhà sư kê ghé bố nằm dưới gốc cây mắt nhìn ra bể để lòng nhớ về quê hương Phú Yên, nơi có vườn xoài Đá Trắng (mặc dù nay không còn nữa). Nằm dưới tàn xoài, nhìn những cành lá lao xao trong nền trời xanh cao rộng, lòng nhà sư được ấm êm sống lại những tháng năm có những buổi trưa hè nằm dưới bóng xoài nơi chùa Linh Quang ở Đá Trắng.

Cây xoài trên Hòn Đỏ này mỗi năm ra một lần trái, hương vị trái chín vẫn còn đọng chất thanh ngọt của chùa xưa mặc dù trái nhỏ hơn, ít sai hơn song vẫn còn hình dáng của những trái xoài đã được đem về Huế dâng lên vua ngự thiện. Đa số trái của cây xoài này đều được dâng lên cúng Phật và đem về các chùa lớn như Long Sơn, Hải Đức, Kỳ Viên v.v.. các nơi này đã từng cuu mang nhà sư Viên Mãn.

Khi các cây xoài gốc Đá Trắng Phú Yên chết, nhà chùa được các Phật tử miền Nam cung cấp cho hạt giống xoài cát Hòa Lộc để trồng thay thế. Tuy nhiên khí hậu và thổ nhưỡng ở đây không được thích hợp cho nên giống xoài Hòa Lộc chỉ có tàn chớ ít trái. Đây là sự trùng hợp với sở nguyện của nhà chùa. Trồng cây cho bóng mát. Những cây xoài phương Nam tuy trái không thơm ngọt như xoài Đá Trắng song vẫn tỏa tàn che mát đạo chúng. Trồng xoài trên hải đảo sư Viên Mãn chỉ có một ao ước là có bóng mát trên hoang đảo này và nếu có được mùa trái thì trước là để cúng Phật sau là để chia cho chúng sinh. Du khách mỗi lần thăm viếng đảo đều có được một

cảm giác lâng lâng khi đặt mình đong đưa trên chiếc võng cột tòn ten dưới gốc xoài. Nỗi nhớ quê hương Phú Yên được ru yên dưới bóng xoài trên hoang đảo và làm dịu đi lòng thương nhớ quê nhà của nhà sư sống một mình.

Những cây xoài trước đây chỉ mọc chung quanh chùa mà bây giờ đã được trồng lan xa ven dọc theo các con đường trên đảo.

---o0o---

Trôi giữa biển khơi

Tháng bảy năm nay, mùa thu sớm về cùng nhiều mây trên vòm trời. Chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa chuẩn bị lễ Vu Lan sớm hơn mọi năm. Các vị chư tăng, ni đều được phân công chuẩn bị tăng lễ. Sư Viên Mãn tuy có chùa Từ Tôn song vẫn hằng về phục vụ tăng lễ như mọi năm. Buổi họp hôm nay có phần chi tiết nên giờ vẫn buổi họp có phần trễ hơn mọi chiều.

Trời đã tối mịt, nhà sư mới đến được gian lều nhỏ của gia đình anh Sáu Sài Gòn trên bờ vịnh Hòn Đỏ. Anh Sáu đã chèo thuyền đi thả lưới. Nước triều đã dâng cao. Không còn người đưa qua đảo, sư Viên Mãn đành phải tự túc dùng một chiếc thùng xốp bơi sang. Đó là một chiếc thùng lớn đựng đồ điện tử của quân đội phế thải đem ra bán ở chợ Đầm Nha Trang. Thùng vuông vức một mét vuông, có bờ cao 5 tấc. Thường ngày sư Viên Mãn gởi tấm xốp nơi lều của vợ chồng anh Sáu. Mỗi khi qua đảo không có đồ thì sư lại dùng tấm xốp này thay cho thuyền chở vật liệu gia dụng như gạo, rau, v.v..Không bao giờ sư dám leo lên ngồi trên tấm xốp vì sợ hư hao. Sư luôn luôn lội dưới nước và đẩy tấm xốp trôi đi.

Hôm nay trên tấm xốp có chở thêm một cái “can” đựng nước 20 lít và hai nhánh chuối, quà của chùa Sinh Trung. Sau khi cẩn thận chất đồ vào tấm xốp cùng với quần áo sư Viên Mãn đẩy thuyền ra xa bờ. Mùa này biển thường có những cơn gió lốc từ bờ thổi ra. Biển không có sóng cao song mặt biển đầy con sóng. Nương theo con gió, nhà sư đẩy tấm xốp thuận dòng trôi mau ra Hòn Đỏ. Bỗng nhiên một cơn gió lốc từ bờ thổi mạnh cuốn theo chiếc thuyền xốp ra hướng biển khơi. Không thể nào chống chọi được với cơn lốc nhà sư đành bấu chặt lấy tấm xốp để mặc cho cơn lốc thổi người và vật trôi theo luồng gió. Ban đầu nhà sư tưởng mình và thuyền chỉ bị cuốn đi xa bờ trong chốc lát rồi sẽ tìm cách bơi vào Hòn Đỏ, nhưng sau một giờ vật

lộn với cơn lốc nhà sư phát hiện ra mình đã quá xa bờ. Bóng đèn điện đường nơi bờ biển Nha Trang không còn lờ mờ trong đêm .



Bồn mặt, biển mênh mông. Trên trời mây giăng mù mịt. Biển và trời mù mịt tối tăm. Không biết tự bao giờ nhà sư đã leo được lên chiếc thuyền xộp, ngòi co ro ôm lấy cái “can” nước ngọt. Trời biển đen tối bao la không biết được phương hướng đâu là bờ, đâu là chân trời. Mặt biển yên lặng, không gian tối đen, không một tiếng sóng, không một hơi gió. Nhà sư có cảm tưởng như mình đang ở trong một vực thẳm. Để được yên lòng nhà sư bắt đầu tụng kinh. Và trong đêm tăm tối những lời kinh trong kinh Từ Bi bỗng nhiên sáng chói như một dòng sông tràn đầy ánh sao. Hoàn toàn đắm mình trong câu kinh nhà sư bỗng nhiên thoát ra ngoài cảnh tượng đen tối của đêm đen và lòng được an nhiên như đang ngồi đọc kinh khuya trên hải đảo Hòn Đỏ. Lòng không một chút lo sợ, nhà sư tin tưởng ở sự cứu giúp của đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Trên bầu trời mây đã tan và muôn vị sao lấp lánh. Nơi chân trời hừng đông đã ửng sáng. Nhà sư đã định hướng được phương trời. Nhìn về hướng đất liền vẫn thấy mờ mịt không một bóng núi, chỉ nhìn thấy một màu xanh bát ngát. Vị không nhìn thấy bên bờ nên nhà sư biết rằng mình đã trôi giạt cách bờ khá xa và bây giờ chỉ còn hy vọng được một chiếc thuyền đánh cá nào đi ngang qua trông thấy và cứu vớt lên.

Tin tưởng vào sự phù trì của đức từ bi Quán Thế Âm Bồ Tát, sư Viên Mãn lo chuẩn bị cho cuộc đợi chờ được cứu vớt giữa biển khơi. Trước tiên, sư kiểm soát lại chiếc can đựng nước. Nước vẫn còn đầy nguyên vẹn. Thứ đến là hai nải chuối mốc đã vàng da. Vốn sống khắc khổ và kiệm ước trên hải đảo nên với lượng nước và thức ăn này sư có thể sống trên mười ngày giữa trùng dương bao la. Nắng giữa biển khơi dịu dàng hơn nắng trên hoang đảo Hòn Đỏ. Nơi đó nắng của trời hợp cùng nóng của đất, của đá nung đốt con người. Khí nóng hừng hực đổ từ trên trời xuống, hắt từ dưới đất lên và như đọng trên mặt đá. Giữa trùng dương chỉ có nắng nóng của mặt trời, cái nóng như được màu biển xanh bao phủ, được gió biển xua đuổi dịu dàng. Cho nên, nhà sư yên chí là mình có thể chịu đựng được trong một khoảng thời gian dài. Cái sợ duy nhất là bão tố, phong ba. Giữa trùng dương trong sóng gió thân con người như bèo bọt, như mỏng manh. Tuy nhiên niềm tin nơi số

phận, nơi sự hằng cứu giúp của đấng từ bi Quán Thế Âm Bồ Tát làm cho tâm nhà sư được an như.

Công việc chống nắng được bắt đầu bằng việc cởi lấy tấm áo để dùng làm tấm che đầu, che mặt. Che lưng thì dùng chiếc quần. Như vậy, sư có thể ngồi hăng giờ trên chiếc thuyền bé tí để mặc cho gió thổi thuyền trôi đi. Khi đã mỏi chân thì sư nhẹ nhàng tháo bỏ quần áo quần quanh người rồi nhẹ nhàng chuối mình xuống nước. Một cảm giác khoan khoái dâng tràn trong cơ thể, cảm giác sung sướng, mát mẻ như đưa con người từ nơi cơ cực đến chốn hạnh phúc trên cõi trần gian. Sự mát mẻ của biển xanh ôm ấp lấy toàn thân, khiến cho nhà sư không còn thấy mình đang trôi giạt giữa cảnh mênh mông của trời đất của nắng nóng giữa trùng dương. Nhà sư yên lặng tận hưởng cái cảm giác hạnh phúc này và người đã thâm đọc kinh cảm tạ Bồ Tát Quán Thế Âm.

Sự sợ hãi giữa cô đơn không còn nữa mặc dù chỉ có một mình giữa trời biển bao la. Hạnh phúc mát mẻ chỉ kéo dài trong vài tiếng đồng hồ thì vị sự càng lúc càng thêm cảm thấy cái lạnh từ trong ruột tràn ra cơ thể. Nước biển bây giờ không còn mát nữa mà lạnh, lạnh đến không thể chịu được. Cố gắng lắm nhà sư mới trèo được lên chiếc thuyền bé tí và choàng vội lấy áo quần ôm chặt vào lòng. Ánh nắng ban trưa hừng hực chiếu khắp cơ thể làm vơi đi cơn lạnh. Chỉ một lát sau cảm giác nóng ấm lại trở về với cơ thể. Hiện giờ mặt trời đã chiếu thẳng trên đỉnh đầu. Cơn đói còn cào và cơn khát sôi sục bỗng nhiên ào ào kéo đến. Tuy đã quen với những cơn đói khát trên Hòn Đỏ nhiều tháng năm rồi mà hôm nay lòng nhà sư vẫn không tìm được sự thèm một hớp nước lạnh và một trái chuối chín. Sau khi ăn chuối và uống nước, nhà sư đã trở lại trạng thái bình thường và việc ngồi nhập định dưới ánh nắng mặt trời gay gắt lại tiếp tục.

Giờ khắc trôi qua mau chóng. Mặt biển tuy không ào ạt sóng như ở gần bờ song mặt biển vẫn lộ nhô những con sóng cao. Sóng ở ngoài khơi khác với sóng nơi bờ biển. Sóng ngoài khơi chỉ nhô lên và sụp xuống, sóng chỉ đứng một chỗ chớ không chạy từ ngoài khơi vào bờ. Giữa trùng dương bao la biết đâu là bờ để cho sóng có hướng mà chạy. Sư Viên Mãn đã suy tư như vậy khi nhìn thấy thuyền của mình chỉ nhô lên sụp xuống tại một chỗ mà thôi. Sóng không đưa thuyền đi mà chỉ có gió là đẩy thuyền trôi theo chiều gió. Nhưng gió lại thổi không có hướng nhất định, khi thì bên phải, khi thì bên trái mạn thuyền.

Buổi trưa trên mặt đại dương bát ngát một màu xanh thắm nối tiếp với sắc trời cũng xanh thắm. Tầm mắt người nhìn vô cùng bát ngát mênh mông. Con người vô cùng bé nhỏ, vô cùng cô đơn giữa không gian vô tận. Trong đất liền giữa đồi núi và đồng bằng ta không có được cảm giác một mình đứng giữa vô biên. Ngoài biển khơi, ta mới cảm nhận được rằng kiếp người vốn đã ngắn ngủi mà đối với trùng dương lại càng nhỏ bé vô ngần. Trong cái ngút ngàn xanh thắm kia, ta chỉ chực tan đi, chỉ chực hòa đồng vào màu xanh thắm kia vậy.

Buổi chiều, mặt sóng trùng dương có sự thay đổi rõ rệt. Muôn sóng nhấp nhô (thật đúng với từ nhấp nhô) và lòng người thêm phần kinh hãi. Mọi sợ hãi như thu hẹp lại, cái bát ngát giữa ban trưa không còn nữa mà chỉ còn có nỗi lo âu như sánh đặc lại theo cùng thời gian. Bầu trời xanh dịu mát lóng lánh muôn ngàn vị sao như vờ về lòng người trước cảnh. Càng về đêm lòng đại dương càng thêm đậm đặc màu đen thẫm. Tầm mắt không nhìn được ra xa mà chỉ nhấp nhô trên muôn ngàn con sóng. Sóng không trôi ra xa mà chỉ ở quanh quần bên ta nhô lên hụp xuống nhịp nhàng. Ngôi thiên đình trên chiếc thuyền con và thềm đọc kinh Từ Bi cứu độ. Nhà sư chìm đắm trong giấc ngủ mê say.

Khi mở mắt, sư Viên Mãn đã trông thấy được chân trời. Giữa màu xanh bao la của biển và của trời có một lần ánh sáng rộng lớn màu hồng nhạt. Ban đầu là màu trắng trong có pha lẫn ánh hồng. Càng ngày ánh hồng càng đậm và tỏa sáng khắp chân trời. Nơi chân trời phoi phới các dải mây trắng xốp trôi lờ lững. Ngắm nhìn cảnh quan, nhà sư không còn cảm thấy mình cô đơn nữa. Qua một đêm tăm tối, ánh sáng lại hiện lên, màu biển lại xanh hiền hòa, màu mây lại thay màu đổi sắc và lòng biển lại dịu hiền xanh trong vắt. Trước cảnh bình minh rực rỡ lòng nhà sư bỗng nhiên an tịnh vô cùng. Cảm giác cô đơn trên biển cả không còn nữa mà chỉ còn tấm lòng thênh thang trước bao la. Khi tâm đã hòa đồng cùng trời biển thì trí không còn gợn chút lo âu vị sự sống còn. Thiên nhiên đã no đầy trong cuộc sống hiện tại cho nên nếu ta có chết đi trong giờ phút này thì cuộc đời ta đã hoàn toàn mãn nguyện. Cho nên lòng nhà sư hoàn toàn yên tĩnh và chỉ lo chuẩn bị áo quần chống nắng và gìn giữ cái can nước như một vật quý thiêng liêng.

Một ngày nắng cũng nhanh chóng trôi qua và kế tiếp một đêm đen êm ả trên biển cả. Khi còn trên Hòn Đỏ, sư Viên Mãn tuy có nhiều đêm ngồi ngắm sao trời song không hề có được một đêm yên tĩnh nào mà sư nhìn thấy bầu trời to rộng mà hạ thấp gần gũi với con người đến thế. Bầu trời như sát xuống hơn. Các vị sao trong sáng hơn, long lanh hơn và nhất là hiện rõ hơn. Ánh

sao lấp lánh như đang muốn trò chuyện cùng người cô đơn trên biển cả, như thì thầm khuyên nhủ, an ủi hãy tin tưởng, cố gắng đợi chờ một sự cứu vớt đang tiến đến gần. Bỗng nhiên nhà sư đắm đắm nhìn một vị sao gần nhất sáng nhất và tưởng như đó là mẹ của mình đang dõi nhìn mình và như âu yếm khuyên nhủ mình hãy yên tâm và tin tưởng nơi đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Thốt nhiên câu niệm Phật Quán Thế Âm bật phát từ nơi cửa miệng nhà sư. Và từ đó nhà sư không đọc kinh nữa mà miệng luôn luôn niệm chú Quán Thế Âm rồi để tâm hồn mình trôi dần vào yên tĩnh của đêm đen biển lặng.

Sáng sớm hôm sau khi vầng hồng thái dương vừa ló dạng thì nhà sư đã thấy rõ ở chân trời một chiếc tàu to lớn đang tiến về phía mình. Niềm sung sướng vô biên như ánh hồng rực rỡ tràn ngập trong lòng, nhà sư tưởng như đức Mẹ Từ Bi đã hiện ra trong ánh hào quang lộng lẫy. Và sau đó nhà sư được chiếc tàu viễn dương của Nhật Bản cứu vớt. Hai ngày sau chiếc tàu gởi nhà sư cho một chiếc thuyền đánh cá đưa về Nha Trang. Nhà sư cảm ơn vị thuyền trưởng và các thủy thủ đã cứu sống mình và tuyệt đối không nhận một món quà gì của chiếc tàu đã cứu vớt mình và chỉ xin được đem về cùng với mình chiếc thuyền xóp và chiếc “can” cũ để làm vật kỷ niệm cho cuộc trôi giạt ra biển khơi.

---o0o---

Trên dốc đồi

Con suối cạn làm đường lên đảo nay đã thành lối mòn. Đá nhọn được thay thế hoặc bị san bằng. Đám cỏ gai đã chịu nép mình dưới bước chân đi. Tuy nắng trên hải đảo vẫn nung đốt chiếc lưng trần; những giọt mồ hôi vẫn lăn dài trên mặt trên lưng song cái nóng dường như dịu đi, cái hùng hực của khí đá như phai đi. Nhà sư đã quen với nắng nóng, cơ thể như chịu đựng được gian khổ. Con đường quanh co lên đồi trở nên thân thương quen thuộc. Khoảng cách dừng lại để nghỉ chân như định sẵn: lên, nghỉ 3 lần; xuống, thì đi thẳng một hơi. Những nơi vịn vào vách đá đều đã trở nên trơn tru bóng láng lưu lại vết tích thân thương.

Bây giờ mỗi lần lên xuống tuy không còn cần phải vịn vào đá như trước song nhà sư vẫn theo thói quen hơn là cần thiết, đưa tay vịn vào đá như một cái bắt tay chào. Câu thơ của bà Huyện Thanh Quan chợt hiện về:

*Đá vẫn bền gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương*

Đã trở thành:

*Đá và ta sẽ bền gan cùng tuế nguyệt
Biển và ta không cau mặt với tang thương*

Con đường lên dốc ban đầu là con đường đầy gian khổ, hôm nay trở nên quen thuộc thân yêu. Ngồi nhìn con đường dốc nhà sư để lòng mình nao nức nhớ đến những lối mòn nơi quê hương. Nhất là những lối mòn xuyên rừng lên núi chặt củi. Những con đường quanh co vị phải tránh cây, lách đá, men theo bờ suối, băng vượt sườn non. Dấu chân con người đã làm mòn mép đá, đã vệt thành lối đi. Lối chân người theo năm tháng để lại trên mảnh đất núi rừng những con đường ngoằn ngoèo, tránh cây, tránh đá, tránh cả những mô đất gò mồi không cần đến sức khai phá của con người. Đi trên đường mòn cũng bởi do thói quen, cũng bởi do có sẵn cho nên người dân quê không bao giờ có ý định làm lại một con đường bằng phẳng, phát quang bụi rậm, bắc cầu qua nương. Thời gian ở thôn dã dường như có thể co giãn để thích hợp với nếp sống. Gặp một tảng đá thì họ lại đi vòng để tránh, gặp một khúc sông cạn thì họ sẵn sàng lội qua.

Nhìn lối mòn lên dốc đảo, sư Viên Mãn nhớ đến thời ấu thơ, nhớ đến những buổi sáng cùng bạn bè đi chặt củi. Gà vừa gáy sáng, tiếng hú gọi nhau đi củi đã vang lên từ đầu xóm. Không rửa mặt, không ăn sáng (đâu có gì mà ăn) cả bọn đã hội nhau hồ hởi đi vào núi. Trên đường đi, tiếng nói vang lên chen lẫn tiếng cười dòn dã. Tuổi thanh niên thật tràn đầy vui vẻ. Thôn quê tràn đầy kỷ niệm. Kỷ niệm đầy vui thú nhất là kỷ niệm của những con đường.

Có những con đường băng qua đồng lúa, “sương mai ướt đầm cỏ đường”. Những hạt sương long lanh dưới nắng ban mai như những hạt ngọc treo lơ lửng trên các cọng cỏ chỉ, cỏ màn trâu, cỏ may v.v.. Trên lòng đường bao giờ cũng đầy những chướng ngại vật tùy theo vụ mùa. Mùa cấy thì cỏ và đất phát bờ được dồn chứa tạo thành những mô lồi lõm. Mùa làm cỏ lúa, lòng đường lại được bồi thêm một lớp cỏ. Chỉ có mùa gặt thì nhờ người qua lại tấp nập cho nên lòng đường được phẳng phiu. Thời gian này lại có những con đường mới tạo, băng qua những đám ruộng mới gặt, do đoàn người gánh lúa đi tắt, băng ngang.

Rồi mùa cày đến và trên lòng đường người lại đi, dưới ruộng những con đường mòn trên gốc rạ biến mất nhường cho những luống cày đất phơi dưới nắng vàng.

Bọn trẻ đã thuộc nằm lòng những con đường ruộng đi vào núi nên chúng vừa đi vừa trò chuyện vui vẻ lòng không chút ngập ngừng. Sương mai mát lạnh đôi chân trần. Gió mai thổi phơ phới tâm hồn. Con người nơi thôn dã như sống chan hòa cùng thiên nhiên cho nên họ cảm nhận được những sự thay đổi trên cánh đồng theo từng vụ mùa. Mùa cày, hương đất nồng dưới ánh nắng pha lẫn mùi gốc rạ phơ khô. Mùa cấy cánh đồng có màu xanh chen lẫn với màu vàng đất sét của những khoảnh ruộng mới cấy, nước ruộng đục ngầu. Cây lúa chưa bén rễ, có nhiều lá úa vàng gãy cúp xác xơ trên mặt nước. Thế mà chỉ độ mười ngày, ruộng lúa đã xanh tươi rập rờn trước gió, buổi sáng lóng lánh giọt sương mai. Đến mùa lúa trổ đòng đòng, các bông lúa ngẩng cao đầu phơ phất theo gợn gió. Trên bông lúa những hạt nhụy trắng rung rinh đón mừng ánh nắng ban mai. Chỉ trong một thời gian ngắn gié lúa đòng đòng đã ngậm sữa và trĩu mình đong đưa trước gió. Màu xanh trên cánh đồng phơn phớt chuyển sang màu vàng.

Rồi bất chợt vào một buổi trưa, màu vàng hiện rõ dưới ánh nắng. Mùa lúa chín bắt đầu. Những gié lúa vàng óng quăn trĩu hạt đong đưa rập rờn. Một biển đầy sóng vàng chạy dập dờn đến tận cuối chân trời. Lúc bảy giờ lòng người nông dân cũng tràn ngập nỗi vui mừng vì vụ mùa đã thành đạt. Mùa gặt lại bắt đầu. Mọi công việc hằng ngày tạm thời ngưng lại và tất cả nhân lực dồn vào công việc gặt lúa mùa. Rồi vụ gặt qua và công việc đi rừng lấy củi lại tiếp tục. Cánh đồng chỉ còn trơ gốc rạ nên trên cánh đồng lại xuất hiện nhiều con đường đi tắt, băng qua các thửa ruộng. Chỉ trong một vài ngày là con đường tắt đã được hình thành. Rồi đến mùa cày vỡ những con đường mòn băng ruộng lại bị xóa đi. Con đường mòn trên bờ ruộng lại nhộn nhịp bước chân người.

Mùa cày, cánh đồng có một màu xám chen màu vàng của đất. Cảnh sắc trông đơn điệu nhưng âm thanh lại vui vẻ. Trong buổi ban mai còn nặng sương sớm, trên ven lối cỏ đường đi, tiếng dế gáy rộn ràng trong những luống cày. Mùa này là mùa của tuổi thơ. Mùa của bắt dế và đá dế. Trên các dãy ruộng khô cao, trong mỗi luống cày đều có dế. Nơi nào có tiếng dế gáy thì nơi đó có ít nhất là hai chú dế cò đang rung cánh thách đố nhau. Chúng vừa thách đố nhau vừa tranh gọi bạn tình. Cho nên khi lật một tảng đất lớn, nếu khi bắt gặp một cô dế mái thì cứ kiên nhẫn lật tiếp các tảng đất kế bên thì chắc chắn sẽ gặp ngay ít nhất là một chú dế cò đang xù cánh tục mái hoặc gáy vang vang. Dế khác người ở chỗ dế gáy có mục đích là gáy để kêu gọi bạn tình hay để so tiếng cùng đối thủ. Còn người thì đôi khi chỉ hát nghêu ngao riêng cho mình, hát để nhớ nhung, nhất là hát vì cảnh sinh tình. Còn hát để khiêu khích tình địch thì rất hiếm khi xảy ra.

Thời gian đi băng ngang qua cánh đồng thường mau chóng. Đến ven rừng, con đàng bao giờ cũng quanh co. Khi thì lượn qua các mảnh rừng thưa, các đồi thấp cây cối cằn cỗi chỉ mọc lưa thưa một vài bụi chà là rừng, một đôi chòm sim đại luôn luôn nở hoa màu tím. Nhìn xa thì hoa sim có màu tím đẹp song khi nhìn gần thì chỉ có màu tím đẹp còn cánh hoa, nhụy hoa đều có hình dáng đơn sơ, cứng cáp không dịu dàng bằng hoa hồng, hoa mai v.v.. Hơn nữa hoa sim lại không có hương. Cho nên hoa sim chỉ đẹp nhờ ở sắc tím màu phơn phớt, nhờ ở cây sim nở trên sườn đồi, nơi hoang vắng. Tuy không hương nhưng hoa sim được màu của hoa đã thay cho hương.

Trước cảnh hoang sơ, trời cao đất rộng, màu tím gợi nhớ đến một môi tình dang dở, một nỗi buồn nhớ nhung xa vắng, cho nên hoa không cần phải có hương. Hoa mọc đúng chỗ, hoa nở đúng giờ là đủ cho lòng người rung cảm. Trên con đường quanh vắng thưa bóng người, qua khỏi một khu rừng hoang vắng bỗng gặp một ngọn đồi có hoa sim nở tím, nhất là trong khoảng thời gian về chiều thì những kỷ niệm xưa lại tràn về theo gió. Màu tím hoa sim trong bài thơ của Hữu Loan là màu tím của “chiều hoang biên biệt“, của môi tình tan vỡ, của nao nức kiếp người. Tuy nhiên vẫn có thi nhân nhìn màu tím hoa sim trong niềm trong sáng, trong tình tươi sáng sau cơn mưa, trong một khung trời xa vắng nhưng niềm tin vui vẫn tràn đầy:

*Mưa xừng rừng thêm vắng
Mong tìm một bóng chim
Gió rung cành rụng nắng
Bừng sáng cánh hoa sim.
(Cánh Hoa Sim – Quách Tấn)*

Nơi thôn dã, màu tím hoa sim ít làm cho lòng người thôn quê bồi hồi xúc động mà chỉ làm đẹp cho cuộc sống lao động. Nhìn hoa để thư giãn tâm hồn, để cảm nhận được là khắp đó đây vẫn luôn luôn tồn tại màu hoa, sắc lá. Đặc biệt cành hoa sim tím chưa bao giờ được người dân quê cắm trên bàn thờ, chung nơi phòng khách, và nhất là lấy hoa cài lên mái tóc để trang điểm cho cô dâu hoặc cắm hoa trong ngày vui, ngày hội. Có lẽ ngoài cái màu tím thi vị kia ra không còn một nét đẹp nào chứa đựng trong cánh hoa sim. Cánh hoa thì mỏng và chóng héo tàn. Nhụy hoa thì thưa thớt không có màu vàng như hoa mai mà chỉ là một màu xám đen. Hoa sim vừa không có hương vừa chóng tàn. Hoa sim chỉ xinh đẹp khi đang nở trên cành. Một khi hái xuống thì lẻ loi cô độc và úa tàn rất mau. Cho nên hoa sim chỉ đẹp khi ở nguyên trạng thái trên cây, có mặt cùng nhau và nhất là chỉ đẹp khi là một lùm cây trên đồi vắng, bên cạnh nương nước trong ve chen lẫn với các bụi lau, bụi

dứa. Hoa sim không đẹp khi được cắm vào độc bình có lẽ một phần vì lá sim không được mịn màng xanh tươi mà lại có nhiều lông măng sờ đến nhám tay.

Tuy nhiên hoa sim lại đẹp và duyên dáng khi hoa ở vào trong trạng thái hòa hợp với thiên nhiên. Qua khoảng đồng ruộng xanh rì sắc lúa bông nhìn thấy khóm hoa sim nở tím cả bờ nương, nước trong leo lẻo, lơ thơ mấy khóm dứa dại đong đưa lá, chắc chắn du khách sẽ dừng chân thưởng thức vẻ đẹp của hoa với màu tím đơn thuần của đồng quê mộc mạc. Du khách đi qua một truông vắng không một hơi gió thổi, lòng lộng trên đầu một nắng gay gắt, bỗng nhiên gặp một dãy đồi thoáng gió, mọc đầy các bụi sim nở đầy hoa tím. Thiên nhiên tươi đẹp trong cảnh vật đa tình. Trên cảnh hoa sim, những cánh hoa hiu hiu rung động trong cơn gió nhẹ nhàng đưa. Hoa như cười trong ánh nắng, hoa đang nhẹ nhàng phô sắc, dịu dàng rung động trong yên tĩnh của núi đồi. Cho nên muốn thưởng thức cái đẹp của hoa sim, du khách cần phải đến nơi không gian của hoa sông, đến đúng lúc con người cần đến loài hoa tím đẹp này. Một buổi sáng tinh mơ, một buổi chiều tắt nắng, một buổi tạnh mưa trong nắng trưa.. Hoa sim sẽ làm bừng nở hương vị trong tâm hồn ta khi ta bất chợt gặp gỡ, khi ta không chờ mong mà gặp gỡ, khi ta đang khô héo mảnh lòng.

Ước mong của nhà sư là sau này khi trên đồi có nước có cây cỏ sinh sống thì trên lối mòn của chùa có đồi lùm sim dại, đồi nhánh hoa bìm bìm để bốn mùa có hoa, có trái gợi nhớ đến đồng quê, đơn sơ mộc mạc.

Hình bóng quê hương không hề phai nhạt trong lòng vị sư. Quê hương của nhà sư cũng khô cằn như ngọn đồi này song lại tràn đầy kỷ niệm thân thương. Tự nhiên nhà sư mỉm cười sung sướng vì đi đâu mình cũng mang trong lòng hình ảnh làng quê, vẫn thương vẫn nhớ về quá khứ. Trên đỉnh đồi khô cằn này mình vẫn ước vọng lập một quê hương bé nhỏ mà mình đã từng sống trong những tháng ngày thơ ấu. Nụ cười trên môi nhà sư nở tự nhiên. Một nụ cười vô ngại. Vô ngại vì tự nó chợt đến và chợt đi trong khi trí không có thời gian suy nghĩ phê phán. Hòn sỏi nằm bên sườn dốc trông giống hệt như hòn sỏi trên sườn đồi chùa Đá Trắng. Nó nằm yên lành giữa cỏ cây, không bơ vơ lạc lõng và như đã từng vượt qua ngàn dặm để theo thầy đến đây. Lòng nhà sư xao động như vừa gặp lại cố tri. Mọi đất đá, cỏ cây trên Hòn Đỏ dường như là một phần của tạo vật trên chùa Bửu Sơn nơi làng cũ đem phân chia cho nơi này. Cúi xuống nắm lấy một ít đất, lòng nhà sư cảm thấy ấm áp vô cùng. Nhà sư thầm nhủ: ta không xa lạ và đơn chiếc nơi này. Đất đá nơi này cũng là đất đá nơi quê hương chùa cũ, nơi ta đã qui

y đầu tiên. Đất đá nơi này đã chờ đợi ta từ lâu. Cuộc gặp gỡ ngày hôm nay chỉ là cuộc trùng phùng sau nhiều tháng ngày xa cách.

Một nguồn cảm khái nhẹ nhàng theo gió biển từ bể xa đưa vào len trong tâm trí. Nhà sư đứng lên, lần theo triền dốc lên đỉnh đồi tiếp tục công việc hằng ngày.

---o0o---

Đào giếng trên Đảo

Từ lúc lên khai phá Hòn Đỏ năm 1960, nhà sư chùa Từ Tôn đã phải gánh nước từ bến đò lên đỉnh đồi rờn rã suốt sáu năm trường. Công việc gánh nước đã thành một thói quen thường trực của cuộc sống trên đảo. Con đường quanh co khúc khuỷu từ bến nước lên đến đỉnh đồi nay đã trở thành một lối mòn dễ đi. Ngôi chùa đã hình thành tuy đơn sơ nhưng đầm ấm.

Thỉnh thoảng cũng có một vài du khách ghé thăm và có những đệ tử từ các thôn xóm gần Hòn Đỏ lên chùa thắp hương và đàm đạo cùng vị sư thầy. Càng ngày càng nhiều thiện nam tín nữ lên chùa.

Một hôm có hai bà cháu đến viếng chùa. Bà đã già trên 70 tuổi và cháu chỉ khoảng mười hai. Sau khi lễ chùa, hai bà cháu bước ra sân đến ngồi dưới bóng cây xoài bên hiên chùa, ngắm cảnh. Dưới chân gốc xoài, nhà chùa có đặt một vò nước trong mát. Người cháu đến múc nước đổ vào bát rồi bung đến mời bà. Bà cụp bát nước uống một hơi ngon lành. Nước còn lại trong bát được người cháu bung uống tiếp một cách trân trọng. Nhìn thấy cảnh bà cháu uống chắt chiu từng hớp nước, sư trụ trì lòng bỗng thoáng băng khuâng. Cảnh tuy đơn sơ, mà tâm lại dao động. Những kỷ niệm ở quê hương bỗng ào ạt tràn về.

Ở quê hương thôn dã, người dân bao giờ cũng thoải mái dùng nước cho việc sinh hoạt. Nhà nào cũng có một giếng nước, khách qua đường khi đi ngang qua thường được tự do sử dụng để uống hoặc rửa tay chân, mặt mũi. Nhất là những ngôi nhà ở cạnh đường ven chân núi. Đó là nơi tạm dừng chân nghỉ ngơi khi những người đi chặt củi ở trong núi ra khỏi rừng. Tự nhiên như người nhà họ dùng gàu múc nước vừa uống vừa xối mát chân tay. Bên cạnh giếng, dưới gốc cây có bóng mát chủ nhà luôn luôn để sẵn một vò nước tràn đầy, bên cạnh một cành cây hoặc một trụ nhỏ móc sẵn một cái gáo bằng sọ dừa khô. Bao giờ chiếc gáo cũng gọn gàng xinh xắn. Đó là một chiếc sọ dừa

khô có màu đen bóng hoặc vàng đậm, tay cầm là một cái cán dài thường làm bằng tre. Có đôi nơi cán làm bằng cây chà rang nhỏ bằng ngón tay giữa, gỗ chà rang vừa thẳng tắp vừa có màu vàng óng rất đẹp.

Thêm một đặc điểm nữa là khi gần nước, gỗ không đổi màu và nhất là không chóng mục nát dưới sự tàn phá của nước. Cán gáo chà rang và sọ dừa càng dùng lâu, màu sẽ trở nên bóng loáng. Thân gáo không bao giờ đóng rong rêu và nhất là không có mùi hôi khi dùng lâu với nhiều năm tháng. Còn vò dùng để đựng nước thì thường dùng các loại vò đất nung còn sống, thường để nước thấm qua thành thân vò. Vò lại được đặt dưới bóng mát và nơi có gió thổi. Như vậy nước mau chóng bay hơi và gây nên sự hạ nhiệt làm cho nước trong vò luôn luôn mát lạnh. Khách dùng nước uống xong đều dùng nước dư để rửa mặt, chân tay. Đó là hình ảnh quen thuộc nơi thôn dã. Nước mát nơi lòng giếng hoặc trong vò nước là vật thể hiện lòng hiếu khách của người dân thôn dã. Khi uống nước họ tự do uống thỏa thích, không dè dặt, không tham lam dành riêng phần cho mình hoặc lấy một ít làm phần của mình để đem về nhà. Chưa bao giờ có cảnh uống nước chắt chiu từng hớp. Chưa bao giờ có cảnh tranh nhau, có cảnh ganh nhau vì uống nước giếng. Họ luôn luôn bình đẳng và tự do trong việc sử dụng nước giếng dù không phải là giếng riêng của mình.

Vì quen với nề nếp và cách sống như vậy nên khi nhìn thấy hai bà cháu dùng dè dặt từng hớp nước một, sư Viên Mãn bỗng nhiên thấy lòng trĩu nặng vì nhận thấy nhà chùa đã thiếu đi một sự thỏa mãn cho nhu cầu bình thường nhất là thiếu nước uống. Vẫn biết là không bao giờ nhà chùa hạn chế nước uống song sự dè sẻn dùng nước nơi này vốn do lòng thông cảm và tự nguyện của khách thập phương. Từ sự trực ngộ này nhà sư chùa Từ Tôn lòng tự nguyện lòng là dốc tâm đào cho được một cái giếng trên hoang đảo này. Trước đây một lần nhân đến thăm chùa Thiên Đức cát trên ngọn đồi thôn Bình Tây xã Ninh Hải trong khu vực Hòn Khói huyện Ninh Hòa, nhà sư đã được nghe chuyện Hòa thượng Liễu Đức, vị sư đã khai sơn ra chùa. Chùa cát năm Minh Mạng nguyên niên (1820) Ngài Liễu Đức, pháp hiệu là Huệ Giáo, người đương thời thường gọi ngài là Hòa thượng Đò. Gọi như vậy là vị công của ngài đã bắt cầu cho dân chúng được qua lại thuận tiện. Nhân vùng Bình Tây gần biển và là vùng ruộng muối nên nước uống có vị mặn, nhà sư cố công đào giếng trên núi đầy đá tảng. Sau nhiều năm cần cù và kiên nhẫn một giếng nước tuy sâu thăm thẳm song nước rất ngọt như nước cam tuyền, lênh láng bốn mùa, giúp cho nhân dân quanh vùng đến lấy về dùng quanh năm. Giếng được thành danh là giếng Thảo.

Theo gương của Hòa thượng Liễu Đức, sư trụ trì chùa Từ Tôn quyết tâm đào giếng trên Hòn Đỏ. Ban đầu sư tự đào một mình song trải qua nhiều tháng gặp quá nhiều trắc trở như thiếu dụng cụ đục đá và nhất là quá nhiều đá tảng lo lớn. Giếng chỉ có thể đào rộng ra chớ không thể nào đào sâu xuống dưới được. Nhà sư đem sự việc trở ngại kể lại với mẹ và bà cụ thuận cấp cho một số tiền để dành lâu nay, thuê mướn thợ chuyên môn. Một nhóm thợ làm đá ở vùng chùa Hang được nhà sư đến tận nơi mời tham dự. Công việc khởi sự vào dịp đầu xuân. Nhà sư chỉ còn lo công việc chuyển nước từ đất liền ra hoang đảo để phục vụ cho toán thợ đào giếng. Toán thợ làm việc cần cù siêng năng. Lốp đá ban đầu vị nằm phía trên nên dễ dàng được nạy lên và lăn đi. Song càng xuống sâu thì đá càng to lớn và miệng giếng vị hẹp nên công việc tiến triển khá chậm. Cuối cùng vị khối lượng đá quá lớn nên thợ đào giếng đành phải dùng đến mìn để đục đá. Tuy nhiên càng xuống sâu việc bắn đá cũng không thể nào giúp cho công việc tiến triển khả quan. Sáu tháng trôi qua tuy giếng đã có độ sâu khoảng 5 mét song vẫn không thấy hiện tượng có nước mạch chảy ra. Công việc đào giếng phải tạm ngừng vì mùa mưa đã đến.

Năm ấy mùa mưa đến sớm hơn mọi năm. Có nhiều trận mưa kéo dài đến nhiều ngày. Nước mưa trên đảo chảy tụ hội vào lòng giếng chẳng mấy hôm thì giếng đầy nước. Lòng nhà sư Viên Mãn vô cùng vui sướng. Mỗi sáng sau buổi kinh mai, sư đều ra thăm giếng nước. Nhìn mực nước có độ cạn rất chậm sư trụ trì có rất nhiều hi vọng là giếng đã có thể giữ và chứa nước mưa lâu như một hồ nước cho hải đảo Hòn Đỏ. Trong thời gian còn mưa thì giếng nước này tích tụ nước và sau những cơn mưa thì nhà chùa có thể dùng tạm trong một thời gian khá lâu. Quả như lòng ước mong, nhờ thành giếng toàn đá nên mực nước vẫn luôn luôn tràn đầy. Những buổi trưa, sư trụ trì ra ngồi bên bờ giếng, nhìn chăm chăm vào lòng giếng, nhìn mặt nước lặng yên thăm thẳm, lòng cầu mong đây sẽ là một giếng nước thật sự. Sư mơ màng nghĩ đến mạch nước của chùa Thiên Đức, mạch nước cam lồ nơi giếng Thảo của nhà sư Liễu Đức và lòng cầu nguyện cho công việc đào giếng được thành công.

Nhưng rồi trời cũng hết mưa và toán thợ lại tiếp tục đào giếng. Nhưng càng ngày công việc càng khó khăn và cuối cùng toán thợ đành thú nhận sự bất lực của mình. Giếng đá được đào dở dang nay chỉ còn lại một hố sâu kỷ niệm bao công khổ nhọc của những con người bất lực trước thiên nhiên.

Du khách đến thăm chùa, cúi nhìn lòng giếng thăm sâu, nhấp nhô đá nhọn càng cảm động nhớ đến công lao khổ cực của vị sư trụ trì có tấm lòng đôn

hậu muốn chia sẻ hạnh phúc tâm thường cho tất cả mọi người lên viếng đảo.. Riêng khách đa tình trong làng thơ văn, lòng bồi hồi nhớ đến nguồn nước mưa chứa trong lòng giếng và tưởng đến sự cảm nhận được âm thanh thánh thót của những giọt nước từ trong các khe đá nhỏ giọt xuống lòng giếng. Các mạch nguồn của những dòng nước sau những cơn mưa sẽ thấm sâu vào lòng đất để tháng ngày sau đó cùng nhỏ những giọt nước trong vắt và ngọt lịm vào lòng giếng sâu thẳm như nhỏ vào tâm linh của một ước vọng vị tha và bác ái. Một dòng thơ đã chảy ra và rơi đọng vào trang thơ trong bài thơ Cây cảnh bằng lăng của nhà giáo Phong Hương khiến lòng du khách cảm thấy nao nao:

“Giếng đá nhớ mưa nguồn”

Giếng đá nhớ mưa nguồn vị giếng đá kia có sự liên quan mật thiết đến mưa nguồn. Các giếng nước trên khắp cõi đời này đều có mạch ngầm và lòng giếng bao giờ cũng đầy ăm ắp nước. Riêng giếng nước trên Hòn Đổ, phải chờ đợi đến mùa mưa nguồn, phải có mưa nguồn, lòng giếng mới đầy nước. Sau những cơn mưa nguồn, khách thập phương mới nghe được âm thanh tí tách của những giọt nước từ trong khe đá nhỏ thánh thót vào lòng giếng. Trong những ngày nắng hanh, mây trắng vẫn bay trên bầu trời trong xanh, sóng biển vẫn chập chờn quanh đảo, gió vẫn rì rào trên cành lá xoài xanh nhưng ngồi trên bờ giếng, sự trụ trì nghe như mơ hồ tiếng tí tách của giọt nước thánh thót rơi vào lòng giếng như những giọt nhớ nhung rơi vào tim mình. Trong âm thanh mơ hồ sự nghe như tiếng âm ỉ của những cơn mưa nguồn về tuôn nước trên thành giếng. Con người có thể quên đi kỷ niệm quá khứ song lòng của sự trụ trì vẫn thương mến cái giếng đá này, những tháng ngày hì hục đào đục gian lao. Lâu ngày thành ra thói quen, mỗi khi có một cơn mưa nào tuôn xuống, vị sư lại ra đứng bên bờ giếng nhìn xuống lòng giếng chờ mong nước ngập đầy như để chờ mong người bạn cố tri.

---o0o---

Mẹ

Hôm nay là ngày mười ba tháng tư âm lịch. Chỉ còn hai ngày nữa là đến ngày Phật đản.

Sáng nay, sư Viên Mãn ngồi dưới bóng xoài, nhìn những chùm xoài đong đưa trước gió, chùm xoài tượng đầu mùa thay đổi màu da và hình dáng theo từng ngày. Mới hôm nào chùm trái xanh màu lá chuối non, thân bé bỏng

đong đưa theo làn gió ban mai mà bây giờ trái đã nõn nà, da xanh màu ngọc bích, trĩu nặng dưới các cọng xoài thanh thanh. Trong nắng biển, màu da xoài xanh mơn mà hơn. Bụi phấn mỏng sớm phai dần theo sắc nắng. Nhà sư lòng bỗng nhiên nhớ đến mẹ già. Mùa xoài sắp đến. Sau lễ dâng hương Phật, sư định trong lòng sẽ về dâng mẹ trái chín đầu mùa. Gió biển thổi về hiu hiu. Nắng vàng thắm đượm khắp nơi trên Hòn Đỏ. Thốt nhiên, nhà sư nghe như có tiếng đá sỏi lăn nơi sườn dốc trên đường đi xuống bến đò. Bóng lá xoài chập chờn như vẩy chào đón. Nơi đầu dốc bóng mẹ già hiện ra nhòa mờ trong ánh nắng. Gương mặt mẹ khắc rõ nét trên nền trời. Những nét nhăn trên trán, trên đôi gò má và nhất là cái miệng móm mém đang vừa nhai trầu vừa như mỉm cười với trời đất. Những giọt mồ hôi chảy dài theo các lần nhăn trên má trên trán. Và trong hơi gió tiếng mẹ như thâm thì:

- Ở đây nhiều nắng quá. May lại cũng có nhiều gió. Mẹ ra thăm con và đem cho con một trái mít chín cây mẹ vừa mới hái.

Nhà sư nhìn mẹ cảm động. Chưa kịp nói với mẹ một câu nào thì bóng mẹ đã nhòa đi trong ánh nắng. Bóng mẹ đến thật nhanh và biến đi cũng thật nhanh. Bỗng nhiên không khí trên đảo thơm lừng mùi mít chín. Mùi thơm ngọt ngào, có sắc vàng óng như màu nắng. Một giấc mơ chợt thoáng như có như không.

Sóng biển như ngừng lại, mặt biển im lìm trải rộng. Màu xanh của biển lẫn với sắc xanh của trời. Tâm nhà sư tự nhiên xao động và sư chấp tay ngồi thiền định để người đi lòng xao xuyên băng khuâng.

Chiều hôm đó bé Xí con anh Sáu Sài Gòn ra đảo tin cho sư Viên Mãn biết tin cụ bà bị té nặng và hiện đang nằm nơi chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa tại núi Sinh Trung. Không thể chờ đợi có đò đưa, nhà sư đã cởi áo quần lột biển vào đất liền lên Sinh Trung thăm mẹ.

Trong một gian phòng nhỏ, sư Viên Mãn ngồi lắng nghe tiếng mẹ kể bên tai:

Buổi sáng khi công phu xong mẹ ra sân quét lá. Chợt mẹ thoáng người thấy mùi mít chín. Ngẩng đầu nhìn lên cây mít nơi đầu dốc mẹ thấy một trái mít có màu da vàng thắm. Trái mít lớn chỉ khoảng bằng đầu một bé con song có vẻ già như một trái mít đẹt. Mẹ đến gần thì người thấy mùi thơm. Khi đưa tay vỗ nhẹ lên trái mít thì có tiếng bịch bịch của trái mít chín vang lên. Đúng là trái mít đã chín. Mẹ đưa tay với hái. Bỗng nhiên mắt mẹ như có một lần chớp hoa lên rồi mẹ chơi với ngã ngồi xuống đất. Cả bầu trời bỗng tối sầm và mẹ té nằm xoài ra đất. Vừa may con bé Xí trông thấy bèn chạy vào chùa

kêu máy bà đang làm công quả ra khiêng mẹ vào. Nhà sư cũng kể lại cho mẹ nghe câu chuyện trông thấy mẹ khi sáng này. Hai mẹ con chỉ còn biết nắm tay nhau trong im lặng.

Biết rằng mình không thể nào qua khỏi, mẹ nhà sư báo cho con biết số vàng mà bà đã dành dụm suốt cả cuộc đời chôn nơi góc sân sau chùa. Số vàng này không nhiều song đã giúp cho nhà sư tu bổ và xây dựng ngôi chùa Từ Tôn ngày một khang trang.

Trong nơi thanh vắng ở một hải đảo khô cằn, sư Viên Mãn thấm thía nhận ra được sự cần thiết tình mẹ thiêng liêng. Và người đã thầm tự nguyện:

Mẹ tôi mất đi, tôi quyết tâm trụ lại chùa Từ Tôn vĩnh viễn vì khi còn mẹ, tôi vẫn thường đi đi về về với chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa.

Kể từ 1981 tôi đã đăng ký hộ tịch thường trú tại chùa Từ Tôn Hòn Đỏ.

Cuộc đời con người dù là thế thường hay tu hành, lòng nhớ thương cha mẹ vẫn canh cánh bên lòng. Cuộc đời của tôi luôn luôn gắn liền với biển đảo và tình mẫu tử thiêng liêng.

Có nhiều đêm tôi ra ngồi một mình đối diện với biển Đông (sống trên đảo nhiều năm tôi ít khi ngồi trước biển) để suy tư về cuộc đời.

Đêm nay, sau buổi kinh tối, tôi ra ngồi nơi gành đá hướng Đông. Biển chìm lảng trong màn đêm thanh thoát trong suốt như pha lê. Lòng tôi bỗng nhiên nhớ mẹ tôi tha thiết. Không biết là vì nhớ đến mẹ mà tôi ra ngồi nhìn biển đêm hay là vì ngồi nhìn biển đêm mà tôi nhớ đến mẹ tôi.. Trước biển rộng mênh mông lòng tôi lại thiết tha nhớ mẹ. Trong lòng tôi chợt vang lên câu hát mà từ lâu tôi đã được nghe: “Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình”. Bài hát này tôi chỉ thích duy nhất có câu này.

Đêm đen trên biển không thăm thẳm mà lại có màu đen trong ngần, có lẽ nhờ ánh sáng của bầu trời có các vị sao. Lòng nhớ mẹ thật mênh mông. Bây giờ mẹ không còn nữa tôi mới biết được những giây phút gần mẹ là những giây phút hạnh phúc nhất. Dù trước đây những tháng ngày bên mẹ là những tháng ngày cơ cực nhất, nhưng bây giờ nhớ lại chính là những giây phút hạnh phúc nhất của cuộc đời. Chỉ có mẹ tôi là nguồn vui, niềm an ủi cho suốt cuộc đời thơ ấu của tôi. Và mãi mãi cho đến tuổi đời khôn lớn. Tôi đã sống dưới bóng mát của mẹ, hồn nhiên như thở khí trời, thụ hưởng ánh sáng và cảnh vật chung quanh. Đến khi mẹ mất, nỗi quặn đau tưởng đến đứt ruột,

rồi niềm đau cũng qua đi nhưng nỗi buồn chợt đến chợt về để tâm hồn như xót như xa. Nhờ lao động, nhờ tu niệm mà niềm thương nhớ mẹ của tôi như tan lẫn vào không gian, vào khí trời quanh tôi. Hằng ngày tôi đã nhìn thấy những khuôn mặt nhăn nheo, dáng đi khòm khòm trên chiếc lưng còng còng với đôi mắt lem nhem với cái miệng móm mém của các cụ bà theo con cháu lên thăm chùa. Tôi đã thanh thản trong lòng vị tôi như đã gặp lại dáng xưa của mẹ tôi.

Hôm nay ngồi trước biển lòng tôi bỗng nhiên nhớ đến mẹ tôi vô cùng. Mẹ ơi! suốt khoảng đời ấu thơ của con, mẹ đã lao động cực nhọc để nuôi con. Và đến khi con khôn lớn, mẹ vẫn còn lao động để giúp đỡ con miếng cơm manh áo để khai hoang hòn đảo khô cằn này theo ước vọng của con. Những tháng ngày gò lưng trên hải đảo trong nắng, trước gió, bao giờ con cũng có mẹ đứng sau lưng, an ủi, động viên và giúp đỡ lương thực để con có thể khắc phục được gian khổ lập nên một mái chùa, đem màu xanh trùm lên hòn đảo đầy gai, đầy đá này.

Giờ đây, chùa đang thành lập, đất vừa mới hết gai, cây xanh đã phủ kín lối đi, con đã có nơi tu tập thì mẹ không còn nữa. Lẽ vô thường vốn đã có sẵn trong trần gian nhưng tình thương nhớ, lòng biết ơn mẹ vẫn không bao giờ vơi trong lòng con trẻ. Cũng như biển kia, nước khi vơi khi đầy, nhưng lòng biển vẫn bao la, tình biển vẫn mặn nồng. Và lòng nhớ thương mẹ tuy khi đậm khi lợt song vẫn đời đời thiết tha, sâu thẳm.

Có ngồi trước biển đông mới thấy lòng mình rộng mở. Có nhìn thấy trời biển bao la mới hiểu được tấm lòng của mẹ. Trước biển trời bao la, mới biết được con người cần có một nơi để nương tựa cõi lòng. Đó chính là tấm lòng của mẹ. Tiếng sóng vỗ thềm thì vào vách đá như tiếng lòng của mẹ đang nói khẽ với tôi lời thân yêu triu mến. Có lẽ đã lâu rồi tôi không còn được nghe lời mẹ vỗ về âu yếm cũng như bao nhiêu người đã xa biển cả, không còn giờ phút ngồi nghe sóng vỗ rì rào nhưng tiếng thì thầm ngàn năm kia vẫn đêm đêm không ngớt đồng vọng ngân dài trong cõi lòng chúng ta. Ta không nghe tiếng sóng vỗ hằng đêm, không phải vì không còn sóng vỗ mà chỉ vì ta không có được một không gian, một thời gian, một dịp nào để ngồi nghe sóng vỗ. Trong giây phút ấy ta sẽ gặp lại những kỷ niệm xưa, những kỷ niệm về mẹ với tình yêu của mẹ, tiếng dịu dàng ấm êm của mẹ trong tấm lòng bao la của mẹ.

Tôi đã sống nhiều năm trên đảo giữa trời biển bao la mà mãi đến hôm nay tôi mới nghe được tiếng thì thầm mến yêu của mẹ trong tiếng sóng vỗ vào

bờ đá. Thì ra mẹ đã ở bên cạnh tôi mà tôi chưa hề có phút giây gặp gỡ. Lâu nay tôi đã hờ hững với tình yêu của mẹ, tôi đã mịt mờ giữa cái mất, cái còn của cuộc đời. Biển cả vẫn hàm chứa cái hữu thường và cái vô thường của cuộc đời. Song tình yêu của mẹ vẫn chứa chan trong cái hữu thường và cái vô thường ấy.

Trong cái không còn, linh hồn mẹ vẫn còn, tình thương của mẹ vẫn còn mãi trong nỗi nhớ thương của người con. Nhờ có biển cả, đêm nay tôi mới thấy rõ được tình thương về mẹ. Biển cả mênh mông, sao trời rục rỡ, sóng vỗ bành bồng như hòa đồng lòng nhớ mẹ của tôi vào cái rộng lớn mênh mông này. Tôi cảm nhận được cái tôi như hòa đồng vào vũ trụ. Trong khoảnh khắc lòng tôi trở nên thanh thản, thân tôi nhẹ nhàng, trí tôi phiêu diêu và tôi cảm nhận được Hòn Đỏ như đang chìm dần vào lòng đại dương, như lòng tôi đã hòa tan vào lòng thương mênh mông của mẹ. Thuở nhỏ không nhận biết được tình yêu của mẹ, lớn lên theo thầy tu hành tôi lại phải xa tình yêu của mẹ, nhưng hôm nay trước biển cả bao la, trước bầu trời đầy sao tôi mới thấu nhận được lòng mẹ bao giờ cũng bao la như biển mà lòng con chưa có được những khoảnh khắc cảm nhận.

---o0o---

Lễ Vu Lan trên Đảo

Hằng năm cứ vào mùa Vu lan thì các đệ tử chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa trên núi Sinh Trung đều tề tựu đông đủ tham dự ngày đại lễ Vu lan. Sư Viên Mãn cũng từ Hòn Đỏ về Sinh Trung chiều ngày mười ba tháng bảy. Sau đại lễ, sư mới quay về chùa Từ Tôn. Năm nay sư về Hòn Đỏ hơi muộn hơn mọi năm. Trăng mười bốn đã thấp sáng bầu trời. Biển Nha Trang mênh mông. Sóng gợn lặn tẩn. Hòn Đỏ lẳng mình trong yên tĩnh. Lòng nhớ mẹ lại rạt rào tha thiết. Trong buổi kinh chiều, sư đã nguyện khấn tạ ơn người. Tuy nhiên khi trực nhìn biển bao la dưới ánh trăng huyền diệu, lòng nhớ thương mẹ lại xao xuyên tâm hồn. Tiếng sóng vỗ vào bờ đá nghe rạt rào tha thiết hơn mọi hôm, ánh trăng như trong hơn và biển nồng nàn mùi muối mặn.

Đến đảo, sư không lên chùa mà lẳng mình ngồi trên bãi đá, nhìn về ánh đèn nhật phía Nha Trang. Bóng núi Sinh Trung in hằn lên bầu trời trong sáng. Hình bóng mẹ già chợt hiện ra giữa bầu trời cao rộng. Bỗng nhiên một ý tưởng chợt hiện ra trong tâm tưởng: “Tại sao ta lại không thấp sáng một

ngọn nến thả trôi trên mặt biển để đón mẹ ta về với ta trên hải đảo cô đơn và vắng vẻ này.”

Thực hiện ngay ý tưởng thương nhớ, sư Viên Mãn lần mò lên ngôi chùa nhỏ và dưới ánh trăng sáng tỏ, nhà sư ngồi cặm cụi làm một chiếc đèn hoa sen. Đế đèn là một tấm xốp cắt ra từ một nắp thùng xốp đựng vật dụng điện tử mà nhà sư đã nhặt được ở dọc đường về. Đóa sen hồng là tờ giấy bìa hồng đỏ dùng để viết các tờ sớ trong những dịp cúng kính cho các môn đồ tín ngưỡng dâng lời cảm tạ mẹ cha và thân tộc. Tờ giấy hồng được cắt ra thành từng cánh hồng lớn và được ghép lại bằng những chiếc gai đại mộc trên hoang đảo. Gắn vào đóa sen hồng đơn giản một ngọn nến hồng bằng ngón tay cái và nhà sư đem chiếc đèn sen hồng xuống tận bờ đá về hướng Đông.

Gió trên biển vẫn hiu hiu, trăng vẫn long lanh trên muôn ngàn ngọn sóng nhỏ lăn tăn trên mặt biển. Trời và biển mênh mông. Chọn một khoảng đá bằng, sư thấp lên ngọn nến và quỳ xuống đọc kinh cầu nguyện. Đọc xong lời khẩn nguyện, sư từ từ lội xuống nước và đẩy chiếc đèn sen hồng ra xa bờ đá. Đại dương mở rộng lòng. Ngọn gió hiu hiu thổi nhẹ chiếc đèn hoa sen hồng ra xa bờ hải đảo. Ánh nến bập bùng, chập chờn trong bóng trăng sáng dịu mông lung. Lòng thương nhớ mẹ cứ theo chiếc đèn hoa và ngọn nến trôi xa, xa mãi.

Nhìn cánh đèn hoa sen lung linh, sư Viên Mãn lòng thốt ra lời nguyện:

“Nếu sau này có dịp thì hằng năm hãy đến mùa Vu lan con sẽ tổ chức một đêm phóng hoa đăng trong đêm mười bốn để các đệ tử con Phật đến tham dự và mỗi người con Phật sẽ thả xuống lòng biển này một chiếc đèn có hình dáng một đóa sen hồng với một ngọn nến cháy lung linh như lời nguyện cầu nhớ ơn cha mẹ.”

Lời nguyện vừa dứt bỗng nhiên trước mắt nhà sư bừng sáng lên khung cảnh các thuyền hoa chở đầy Phật tử bồng bênh trên vịnh Hòn Đỏ và cảnh thả hoa đăng tung bừng mở hội. Các Phật tử lớp ở trên thuyền, lớp lội dưới nước chung quanh Hòn Đỏ ân cần thả nổi trên biển những chiếc đèn hình hoa sen có cắm ngọn đèn sáp cháy sáng. Gió hiu hiu thổi các đóa sen hồng trôi trên sóng nước, tỏa rộng bồng bênh khắp nơi trên mặt biển. Trên bờ nơi hải đảo, các bà mẹ già không thể lội nước thả sen hồng thì cầm nến, lấy thân che gió để giữ lấy môi lửa cho con cháu. Cảnh đèn hoa bị gió thổi tắt và được vớt lên đi vội vàng đến nơi các bà mẹ đứng che gió để môi lại ngọn đèn. Đó là hình ảnh cảm động của các bà cụ ngồi ôm lấy ngọn nến để giữ lửa cho đám

trẻ đang thả hoa đèn chuyển tấm lòng báo hiếu vào biển đông thấp sáng những tấm lòng thương nhớ mẹ cha. Những người con hôm nay mới có dịp trở về gởi vào đại dương lòng thương nhớ kính yêu của mình. Công ơn cha mẹ như trời biển. Một chiếc hoa đăng chở nặng tâm tình trôi trên biển như là chở tình yêu của con về với tấm lòng bao la của mẹ cha.

Đột nhiên sư Viên Mãn giật mình trở về với thực tế. Chiếc đèn sen hồng chở ngọn nến hắt hiu trên biển rộng đã ra tít tận ngoài khơi chỉ còn là một điểm hồng dưới ánh trăng rằm. Trong gợn gió hiu hiu nhà sư đang gởi lời thì thầm của mình đến với mẹ:

Ngày trước, khi con ra hải đảo này, mẹ đã từng khuyến khích con, mẹ đã từng nuôi nấng con, giúp đỡ con trong những ngày cơ cực thiếu thốn. Mẹ đã từng chắt chiu mua cho con, lọ chao, chai tương, mớ rau và nhất là gạo hẩm (gạo loại hai). Hôm nay con đã có một mái chùa, một khoảnh đất để trồng tía nuôi sống thân con. Và mẹ đã không còn nữa. Mẹ đã không đến chia vui cùng con trên đất Phật này. Vẫn biết rằng mẹ đã về lại cõi vĩnh hằng, mẹ đã gặp lại mọi người thân yêu, nhất là cha. Nhưng con vẫn hằng nhớ đến mẹ. Nhất là trong đêm Vu Lan này. Là người con đã xuất gia nhưng tấm lòng thương yêu kính mến mẹ con vẫn hằng gìn giữ trong tâm. Trên hải đảo cô đơn này mẹ vẫn luôn luôn có mặt trong tim con.

Ánh đèn sáng trong chiếc hoa đăng đang thấp sáng lòng con đang hướng về với mẹ. Trong ánh lửa cô đơn kia chắc mẹ sẽ hiểu thấu tấm lòng con và cầu xin mẹ giúp cho con chóng thành toại nguyện để hằng năm vào dịp lễ Vu Lan không phải một mình con thả hoa đăng để thương nhớ mẹ mà hàng trăm, hàng nghìn đệ tử cũng như những người con hiếu có dịp ra đảo Hòn Đỏ này thấp sáng lên ngọn nến gởi tấm lòng vào đóa hoa sen hồng thả hoa trôi ra biển khơi để nhớ thương và biết đến công ơn của mẹ. Trên thế gian này có hàng triệu tấm lòng của những người con chí hiếu vẫn hằng mong muốn có dịp thể hiện sự biết ơn và tưởng nhớ cha mẹ trong dịp Vu Lan.

Xin mẹ giúp cho con tròn ước nguyện tạo ra một dịp phóng hoa đăng để nhớ đến công cha mẹ trên hải đảo Hòn Đỏ này. Bóng mẹ sẽ hiện về lấp lánh trong những chiếc đèn hình hoa sen đỏ trôi bồng bồng trên sóng nước trùng dương dưới ánh trăng vàng rực rỡ.

Sáng hôm sau khi tỉnh giấc sư Viên Mãn nhật được nơi hộc đá khi hôm mình ngồi thả hoa đăng nhớ mẹ, hai bài thơ không đề tên tác giả:

Bài số 1:

Thả một đóa sen hồng

*Con thả đóa sen hồng
Trên mặt biển mênh mông
Giữa màu xanh của biển
Như màu xanh của lòng*

*Ngọn nến trôi bập bênh
Ánh trăng vàng mông mênh
Đóa hoa trôi theo gió
Đưa lòng con lênh đèn*

*Theo con sóng lang thang
Ánh nến rung nhịp nhàng
Ru con từng bước nhẹ
Biển trời đêm Vu Lan*

*Nhớ ngày mẹ ra đi
Ánh mắt mẹ từ bi
Lòng con như mặt biển
Lao xao muôn sóng quỳ.*

*Thả một đóa sen hồng
Đưa ngọn nến mông lung
Ơn cao dày của mẹ
Hòa cùng ánh trăng trong.*

*Mùa Vu Lan nhớ mẹ
Xao xuyên tấm lòng con
Như trăm nghìn ngọn nến
Trôi trên biển chấp chờn*

*Ngàn giọt trăng long lanh
Một ánh đèn hiu hắt
Sóng Vu Lan dịu dặt
Biển trời xanh trong xanh.*

*Đêm phóng nghìn hoa đăng
Dịu dàng trong ánh trăng
Mẹ đi trên sóng nhẹ
Mênh mông cõi vĩnh hằng*

Vu Lan mùa Vu Lan
Trời thẳm xanh ngút ngàn
Như biển nơi Hòn Đỏ
Sen hồng trôi trong gió
Mẹ đã về trong ta
Lòng trời biển bao la.

Bài số 2:

Đêm phóng hoa đăng

Con thả một đóa sen hồng
Trên mặt sóng mênh mông
Màu xanh của biển
Như màu xanh của lòng.
Ngọn nến bập bênh
Dưới ánh trăng trong.
Đêm Vu Lan
Nghìn đóa hoa lòng trôi trong gió
Giữa những làn sóng nhỏ
Gợn dưới bước chân mẹ đi
Mẹ về với đời
Ánh mắt từ bi
Sao xuyên lòng con như mặt biển
Mênh mông hôn con như ánh trăng vàng.

Thả một đóa sen hồng
Với ngọn nến hắt hiu
Mùa Vu Lan lòng thương nhớ trăm chiều
Công ơn cao dày của mẹ.
Một giọt trăng long lanh trên sóng bé
Một ánh đèn hiu hắt giữa trùng dương
Mẹ yêu thương
Con gửi cả thế gian này
Để nhớ về công ơn của mẹ
Trăng mùa Vu Lan
Lấp lánh ánh đèn hiu hắt
Trên nghìn đóa sen hồng
Trôi bênh bồng
Dưới ánh trăng trong

*Trên đại dương nhẹ sóng
Mẹ đã về giữa trời biển bao la
Sóng Hòn Đỏ thao thức mãi lòng ta
Mùa Vu Lan mùa nhớ thương về mẹ.*

---o0o---

Khóm mai

Mãi đến chiều mười sáu tháng tư sư Viên Giác mới được phép bốn sư Thích Phước Ninh ra thăm chùa Từ Tôn nơi Hòn Đỏ. Gọi là chùa song hiện chỉ là một túp lều tranh đơn sơ giống như một lều chần vịt nơi thôn dã. Đêm hôm ấy vành trăng mười sáu cùng trời mây cao rộng trên Hòn Đỏ chứng kiến một lễ cúng đơn sơ nhưng vô cùng chân thiết. Tiếng tụng kinh hòa cùng tiếng mõ đều đều của nhà sư làm ấm lại bầu không khí cô quạnh trên một hải đảo đìu hiu. Mặt nước biển như xanh đặc quánh lại, lóng lánh sóng nước. Đôi tiếng chim mơ hồ vọng lại dưới trời trăng. Sau châu kính, nhà sư lững thững đi một vòng trên sườn núi. Đến bờ phía Tây gần con đường chạy quanh co xuống chân đảo nơi có bến đò tạm. Dưới bóng trăng sáng vằng vặc nhà sư sững sờ nhìn thấy nơi khóm mai độc nhất trên đảo, nở hoa vàng ánh dưới trăng. Hoa trên cành nở vàng rực rỡ. Bóng hoa vàng tươi sáng, ánh trăng vàng lung linh trên khóm mai. Gió biển hiu hiu thổi về nhẹ nhẹ. Cành mai xao động, hoa lá rung rinh. Lặng lẽ đứng nhìn khóm mai nở thạnh, nhà sư đắm mình trong thế giới mơ huyền. Màu vàng của hoa cùng với sắc trắng trong của ánh trăng phủ kín cả khóm mai khiến cho nhà sư ngỡ là khóm mai đang được khoác một chiếc áo cà sa vàng quý báu của đức Phật ban cho nhà sư Huyền Trang khi đến được Tây phương Phật thỉnh kinh về Trung thổ.



Khi khai hoang hòn đảo sư Viên Mãn đã trông thấy khóm mai này. Khóm mai không biết mọc từ năm nào song nhìn cội mai đã cằn và nhánh mai đã cỗi thì sư biết là mai mọc ở đây đã từ lâu. Thân và cành có màu xanh đen mướt. Mới thoạt nhìn cứ ngỡ là một khóm cây hoang dại song khi nhìn kỹ thì mới biết là một khóm mai. Thân mai giống như loài mai núi nhưng cành mai thì suôn sẻ như giống mai biển. Cành dài mà không khẳng khiu. Lá dày

không mỏng như mai vườn. Thân lá ngắn, xa trông giống như chè xanh lá lớn. Sắc xanh đậm đà, mới nhìn qua không thể phân biệt được là mai hay chè. Tuy không biết chắc là khóm hoa mai nhưng sư Viên Mãn vẫn để nguyên không phá đi vì đó là một cây xanh mọc giữa đám gai góc trên đảo. Một màu xanh tuy nhỏ nhoi song sẽ làm dịu mắt nhìn trong ánh sáng chói lòa trên hoang đảo.

Mùa xuân khóm mai này không nở hoa khiến cho nhà sư ngạc nhiên và tưởng đó chỉ là một khóm cây có vóc dáng giống như là mai. Tuy nhiên cây cũng được thường xuyên tưới nước và khóm cây cứ theo năm tháng mà nảy nở. Sư Viên Mãn rất ít khi ở luôn trên đảo mà chỉ lên một vài hôm rồi trở về chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa trên núi Sinh Trung. Hôm nay tình cờ nhà sư đi dạo dưới trăng trên Hòn Đỏ rồi thỉnh linh bắt gặp được cảnh mai nở vàng trong dịp lễ Phật Đản. Thật là hi hữu, thật là kỳ lạ.

Khi còn theo học nơi trường Phật học Hải Đức tại đồi Trại Thủy, sư Viên Mãn, một hôm tình cờ được nghe nhà thơ Quách Tấn ngồi đàm đạo cùng Thượng tọa Thích Trí Thủ về rừng mai trên đồi Trại Thủy:

Khi xưa mai trên đồi Trại Thủy mọc đầy kín như một khu rừng. Mùa xuân đến mai nở vàng cả núi cho nên núi có tên là Hoàng Mai Sơn. Khi mai nở, hương mai hòa lẫn vào không gian khiến lòng người quanh vùng an tịnh và hứng khởi đón hương xuân. Sau đó cuộc chiến giữa nhà Nguyễn Tây Sơn và nhà Nguyễn Gia Miêu xảy ra trong vùng khiến cho rừng mai hao hụt khá nhiều. Đến khi phong trào Cần vương nổi lên chống Pháp thì Bình Tây Đại tướng quân Trịnh Phong đóng quân trên hòn Trại Thủy và trong một trận chiến oai hùng, hòn Trại Thủy bị đốt phá và giống mai mọc trên núi lại thêm một phen bị tàn phá. Giờ đây núi không còn mai mọc. Giống mai mọc trên núi là một giống mai pha lẫn giống mai núi và mai biển. Mai biển cành suôn sẻ, hoa to cánh song lại mỏng và thưa. Còn mai rừng thì cành khẳng khiu, hoa nhiều cánh nhiều tầng song lại nhỏ hoa hơn mai biển. Mai trên đồi Trại Thủy là loại mai vừa có hoa lớn như hoa mai biển và cánh nhiều, tầng nhiều như mai rừng.

Đứng lắng nghe một nhà thơ ngồi đàm đạo với một vị chân tu, sư Viên Mãn thấy được sự hợp hòa giữa thơ và đạo. Nếu có sự hòa hợp thì không có một xa cách gì đối với đời và đạo. Ý thơ và lòng đạo hoà nhập với nhau khi hai người bạn ngồi nói chuyện tâm đắc như hai triết nhân tri kỷ.

Nhớ đến buổi bàn thơ trên đồi Trại Thủy giữa nhà thơ Quách Tấn với Thượng tọa Thích Trí Thủ, nhà sư chăm chú quan sát khóm mai già. Có lẽ đây là loại mai đã mọc trên đồi Trại Thủy ngày xưa, nay còn sót lại nơi hải đảo cô đơn này. Như vậy khóm mai này có thể là giống mai đã từng sống trên núi Hoàng Mai Sơn.

Hương mai càng về khuya càng nồng đượm. Ngồi xếp bằng dưới gốc mai, sư Viên Mãn lắng nghe tiếng cánh hoa rơi rụng chung quanh mình cùng với ánh trăng long lanh trên phiến lá. Ánh trăng khuya nơi hải đảo thật trong sáng. Ngắm cảnh trăng trên biển, lòng cảm thấy thanh thoi hơn nhìn trăng trong thành phố. Khi lòng thanh tịnh, tâm sẽ thâm dần chân vị, chân hương của thiên nhiên. Lòng du khách sẽ nhập vào thiên nhiên để chan hòa cùng thiên nhiên. Nhìn xa thì biển cả mênh mông. Nhìn gần thì ánh trăng chập chờn cùng cây cỏ. Trong gió có hương, dưới trăng có cảnh. Cảnh trăng là tướng. Ánh trăng là tánh. Tánh bất biến, tướng tùy duyên. Cho nên nhiều khi ta chỉ nhìn ánh trăng lung linh trên một giọt sương mà cảm nhận thấy được trăng mênh mông trên biển rộng.

Dưới ánh trăng, bên cụm mai già, nhà sư đã thấu hiểu được mọi biến hóa của qui luật vô thường. Đồng thời nhà sư cũng đã hiểu được câu chuyện mà nhà thơ Quách Tấn đã kể lại cho Thượng tọa Thích Trí Thủ nghe khi cùng bàn đến các điển tích của cổ nhân có liên hệ đến hoa mai.

Đó là câu chuyện về nhà thơ Triệu Sư Hùng:

Triệu Sư Hùng đời Hán, khi đi ngang qua núi La Phù thì trời sắp tối nên ghé vào nhà trạm bên đường để nghỉ chân. Một giai nhân y trang toàn trắng ra đón tiếp. Đêm xuống dần dần, tuyết cũng đang rơi rơi. Trong nhà trạm, một mùi hương thanh thanh dần lan tỏa. Mùi hương bay lan khắp vùng. Đêm mỗi lúc một lạnh. Giai nhân bèn mời Sư Hùng sang quán rượu bên cạnh. Một thị nữ áo xanh bung rượu ra đãi khách. Dâng cho Sư Hùng một chén, dâng cho mỹ nhân một chén. Vừa dâng rượu vừa múa vừa ca.. Sư Hùng ca hứng uống say lúc nào không hay. Say quá gục lên bàn mà ngủ. Đến khi thức giấc thì tuyết đã ngừng rơi. Đưa mắt nhìn khắp nơi thì quán không thấy mà trạm cũng không. Giai nhân cũng không thấy mà chỉ thấy dưới bóng trăng sáng vàng vạc, một mình nằm tựa gốc mai già hoa đang nở thạnh. Trên cành có con chim xanh đang chuyền cành, miệng hót líu lo. Do đó, có nên câu chuyện người thơ gặp tiên trong rừng mai nở thạnh vào đầu xuân.

Câu chuyện con chim xanh hót trên cành, xuất xứ từ một bài thơ tứ tuyệt đời Nguyễn có tên là Ước Mai.

*Thieu thieu xuân tín cách Giang Nam
Tịch tịch phương tâm phụ tuế hàn
Thanh điệu bất lai tiên mộng điệu
Nguyệt minh không tự ý lan can.
Cỏ nghĩa là*

*Tin xuân vời vợi cách Giang Nam
Quạnh quẽ lòng hương phụ tuế hàn
Vắng bóng chim xanh xa bóng mộng
Lạnh lòng trăng sáng tựa lan can
(Thơ dịch của Quách Tấn)*

Cũng cùng ngồi dưới bóng trăng bên cạnh khóm mai mà tâm trạng của mỗi người một khác. Thế mới biết vô thường vốn nằm trong vạn vật.

Cũng tại nơi gốc mai này nhà sư Viên Mãn đã nhặt được một bộ đồ đá gồm một lưỡi búa và một lưỡi rìu bằng đá có màu xám đậm được bào mòn trơn láng. Bộ đồ đá này được nhà sư coi như là một vật quý, tàng trữ tại chùa Từ Tôn nơi Hòn Đỏ.

---o0o---

Thích nữ Nhất Chi Mai

Mãi đến sáng ngày rằm tháng tư năm Đinh Mùi tức ngày 23 tháng 5 năm 1967, nhân đi vào xóm Cù Lao lấy nước sư Viên Mãn mới biết rõ được ngọn ngành cái chết của nữ Phật tử Nhất Chi Mai.

Trong một gian nhà nhỏ, năm người tuổi trẻ đang ngồi quanh một bàn gỗ tre cùng đọc chung một cuốn sách có nhan đề: “ *Chết Mới Được Ra Lời* “. Đây là cuốn sách ghi lại những bức thư của người nữ Phật tử đã tự thiêu mình lúc 7 giờ 20 sáng ngày 8 tháng tư năm Đinh Mùi tức ngày Phật Đản thứ 2511. Chị tên là Phan Thị Mai, sinh viên trường đại học Văn khoa Sài Gòn và đại học Vạn Hạnh, đã tự thiêu tại chùa Từ Nghiêm.

Chị Nhất Chi Mai đã viết lời cuối cùng:

*Tôi viết tất cả 10 bức thư để lại.
Ngày mai tôi sẽ lo lắng một mình tôi, buổi lễ tự thiêu.
Tôi cho các nhà báo, nhiếp ảnh hay và một ít bạn thân đến nơi tôi dự định
mà không cho họ biết trước chuyện gì sẽ xảy ra.
Tôi mua 10 lít xăng.
Địa điểm tôi chọn lựa là chùa Từ Nghiêm. Tôi có ý đến nhà thờ Đức Bà
hay một nơi công cộng có tính cách lịch sử một chút, mà thôi !
Phía trước mặt tôi, tôi đặt hai bức tượng :
Đức Maria với hai bàn tay đưa ra.
Đức Quán Thế Âm với đôi mắt dịu hiền.
Cả hai nhìn tôi và ban ơn cho tôi tròn ước nguyện.
Trước mặt và sau lưng tôi có hai biểu ngữ tôi viết :
Con chấp tay quỳ xuống
Xin Đức Mẹ Maria
Đức Quán Âm Phổ Hiền
Cho con tròn ước nguyện
Và
Xin đem thân làm đuốc
Xin soi sáng u minh
Xin tình người thức tỉnh
Xin Việt Nam hòa bình
Cầu xin cho tôi can đảm, bình tĩnh mà ngồi yên trong lửa đỏ.
Tôi sẽ quỳ xuống chấp tay niệm Phật và thầm gọi Việt Nam.
Người tự thiêu cầu hòa bình.
Thích Nữ Nhất Chi Mai tự Nhất Chi, pháp danh Diệu Huỳnh.
Sinh viên đại học Văn Khoa Sài Gòn.
Sinh viên đại học Vạn Hạnh.*

Đây là bức thư ở cuối trong cuốn “lưu bút” dày 23 trang viết một mặt của Phan Nhất Chi Mai. Nghe đọc xong lời tự thuật sau cùng của Nhất Chi Mai, sư Viên Mãn vô cùng xúc động. Trước đây khi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu vào ngày 20 tháng 4 năm Quý Mão (tức 11/6/1963) để cúng dường Phật pháp và thúc đẩy chính quyền Ngô Đình Diệm bình đẳng trong việc đối xử với Phật giáo, thì lòng của nhà sư tràn đầy niềm hân hoan cảm phục một vị bồ tát đã hiến thân cho chánh pháp. Khi nghe tin Nhất Chi Mai tự thiêu cho hòa bình và trên báo chí chỉ đăng những khoảng trắng lớn với cái tên Nhất Chi Mai, lòng sư Viên Mãn tự nhiên xôn xao cảm động. Cho nên khi nghe đọc đoạn văn trên nhà sư có ngay một tâm nguyện: phải ghi, phải thuộc tất cả những bức thư tuyệt mệnh của Nhất Chi Mai. Nhà sư đã

tạm hoãn việc lấy nước lên cho đảo và đã chăm chỉ ngồi chép lại các tư liệu về Nhất Chi Mai. Có hai bài thơ mà sau khi chép xong thì nhà sư đã thuộc .

Bài thứ 1 :

Lời trăng trời của người yêu Việt Nam



*Việt Nam, Việt Nam ơi
Nghe chẳng lời trăng trời
Của người yêu Việt Nam*

*Yêu tiền nhân cách mạng
Yêu lứa tuổi hai mươi
Yêu cô nhi, quả phụ
Yêu thương nhất tù đày
Yêu khắp dãy non sông
Yêu từng giọt máu hồng
Cả người hiền kẻ dữ
Việt Nam, Việt Nam ơi
Sao cứ mãi thù hằn?
Sao bắn giết mà vui?
Nhưng rồi ai thua đó?
Vinh nhục này ai mong
Bỏ danh từ nhãn hiệu
Chúng mình người Việt Nam
Chân thành tay mình nắm
Quên mình lo nước non
Việt Nam , Việt Nam ơi!*

*Thích nữ Nhất Chi Mai tự Nhất Chi di chúc
Sài Gòn 25.4.1967*

Bài thứ 2:

*Chấp tay tôi quỳ xuống
Sao người Mỹ tự thiêu?*

*Sao thế giới biểu tình?
Sao Việt Nam im tiếng
Không dám nói hòa bình.*

*Tôi thấy mình hèn yếu
Tôi nghe lòng đắng cay
Sống mình không thể nói
Chết mới được ra lời.*

*Hòa bình là có tội!
Hòa bình là Cộng sản!
Tôi vị lòng nhân bản
Mà muốn nói hòa bình!
Chấp tay tôi quỳ xuống
Chịu đau đớn thân này
Mong thoát lời thống thiết!
Dừng tay lại người ơi!*

*Dừng tay lại người ơi!
Hai mươi năm nay rồi
Nhiều máu xương đã đổ
Dừng diệt chủng dân tôi!
Chấp tay tôi quỳ xuống.*

*Thích nữ Nhất Chi Mai tự Nhất Chi
Kính cáo.*

Trước đây vào lúc 14 giờ 30 ngày 26 tháng 1 năm 1965 (tức 24 tháng chạp năm Giáp Thìn) tại vườn hoa trước tòa Hành chánh tỉnh Khánh Hòa cô Đào Thị Yến Phi con của ông Đào Trọng Bình và bà Lê Thị Vượng ngụ tại số nhà 20/30 hẻm Lê Thánh Tôn đã tự thiêu trước hàng ngàn người tụ hội tại đây để phản đối chính quyền Nguyễn Văn Hương. Đào Thị Yến Phi sinh ngày 6 tháng giêng năm Mậu Tý (tức ngày 15 tháng 2 năm 1948) quê làng Đan Phượng tỉnh Hà Đông. Cô là Phật tử có pháp danh Nguyên Thường tự Diệu Mai. Cuộc tự thiêu của cô do tình nguyện và không được một đoàn thể nào tổ chức. Cô có để lại những bức tâm thư song không được phổ biến rộng rãi trong nhân dân.

Ngồi ngắm nhìn biên cả nhà sư liên tưởng đến sự hy sinh của hai nữ Phật tử. Cả hai đều là hai vị nữ bồ tát, công đức như nhau. Mỗi vị tùy duyên mà thành sự nghiệp. Bề cả mệnh mông có trăm nghìn con sóng, tùy gió to biển

động mà tạo thành, tuy nhiên sóng bao giờ cũng vẫn là sóng, tất cả vẫn thuộc về với biển xanh.

---oOo---

Đêm ba mươi Tết

Chiều ba mươi Tết, sư Viên Mãn đã có mặt trên núi Sinh Trung. Theo thông lệ tuy đã có chùa riêng để tiện việc tu tập song các vị sư vốn xuất thân từ chùa Kỳ Viên Sinh Trung đều hội tụ về chùa chính. Mỗi tháng đều có mặt hai lần: ngày mùng một và ngày rằm. Cuối năm thường hiện diện trong các ngày trước Tết để chăm lo Phật sự. Chiều ba mươi Tết sau khi chùa hành lễ xong, các vị sư mới trở về chùa riêng. Năm nay sân chùa Kỳ Viên thiện nam tín nữ tập trung đông hơn mọi năm. Buổi lễ diễn ra rất trật tự và trang nghiêm. Khi mọi người ra về, sư chú Viên Mãn lên vấn an sư trụ trì và xin phép được về lại chùa Từ Tôn Hòn Đỏ.

Cu Hùng (con anh Sáu Sài Gòn) vẫn ngồi trên chiếc thuyền thúng đợi nhà sư. Buổi chiều ba mươi trên bến Hòn Đỏ dường như vắng lặng hơn. Gió hiu hiu thổi bóng chiều trên sóng nước. Màu trời xanh thắm hòa cùng màu nước biếc của trùng dương. Hòn Đảo cô đơn càng thêm xa vắng. Thuyền qua mau và trở về đất liền cũng mau. Thời gian chiều cuối năm như vội vàng thu ngắn lại. Sư Viên Mãn vẫn âm thầm nhẹ bước trên dốc mòn quanh co. Dáng đi thong thả trong bóng chiều đậm nhạt, bên tiếng sóng thâm thì. Chiều cuối năm trên hải đảo Hòn Đỏ vẫn quanh hiu như những chiều thường nhật. Và buổi lễ cúng tất niên cũng đơn sơ và trôi mau trong dáng chiều tan dần trên sóng biếc. Lễ tất niên để đón giao thừa đã được chuẩn bị sẵn sàng, nhà sư ra ngồi nơi gành đá đăm chiêu nhìn về thành phố Nha Trang.

Tuy chưa đến giờ giao thừa song một đôi nơi trong thành phố đã có đôt pháo mừng xuân. Có lẽ đó là tiếng pháo tiễn đưa năm cũ của những gia đình làm lưng cực nhọc cho đến ngày cuối năm mới được rảnh rang đưa tiễn ông bà.

Chiều nay biển khơi lặng sóng. Dáng núi Hòn Tre in đậm lên bầu trời và mặt biển có màu xanh thắm. Trong tiếng sóng vỗ chung quanh Hòn Đỏ có tiếng reo vui, như sóng nước đang đón mừng năm mới sắp về. Mùa xuân rộng trải dáng xuân trên mặt biển bao la. Ngồi trong nhà chúng ta chỉ thấy mùa xuân phảng phất trên bàn thờ tổ tiên, trong khói trầm nghi ngút. Ngồi trên hải đảo Hòn Đỏ ta mới nhìn thấy mùa xuân ôm trùm lấy quê hương trong sự dịu dàng đằm thắm. Màu xanh của trời biển là màu xanh của mùa xuân, không

riêng cho một ai, không dành cho một ai. Mọi người đều đón nhận, mọi người đều chung vui và là của chung tràn ngập cho tất cả mọi người.

Trong hương nồng biển cả thoang thoang mùi hương trầm từ núi Chúa thoang về. Nơi đỉnh Hòn Đỏ khói hương trầm từ Tháp Bà Thiên Y A Na thoang đến, khi có khi không. Lòng sư Viên Mãn tràn ngập niềm vui, tràn ngập hạnh phúc của đất trời đem đến. Đêm đến trên hải đảo tự bao giờ. Màn đêm lặng lẽ bao trùm, các ánh sao trời đua nhau bùng nổ. Trời trong và biển cũng trong xanh. Hương xuân mặn mà trong gió biển, âm thanh mùa xuân như thì thầm trong sóng biển và lòng người như bao la cùng đại dương. Có ngòi trên Hòn Đỏ đón xuân, mới thấu hiểu được niềm vui lớn của con người trước vũ trụ bao la, mới thấu hiểu được sự yên lặng đón chào mùa xuân của các vị thiên sư khi nhập định: xuân có mặt khắp nơi, trong từng khoảnh khắc thời gian, khắp vũ trụ. Xuân có trong 4 mùa, có trong từng sát na bên cạnh chúng ta.

Năm nay tuy chưa đến giờ giao thừa mà tiếng pháo đón mừng xuân mới đã rộn ràng, nổ rang rang. Bỗng nhiên khắp nơi đều vang lên tiếng pháo. Xen lẫn có đôi tràng súng nổ. Xuân đã về. Xuân đã về.

Từ Hòn Đỏ, nhìn về đất liền ngoài những ánh chớp của pháo còn có những lần đạn đạo màu đỏ vạch chằng chịt lên bầu trời. Về hướng đồi Sinh Trưng thì hướng đạn đi từ trên xuống. Từ đồi Trại Thủy hướng đạn lại từ dưới lên trên và cũng có hướng từ trên xuống dưới. Chen trong tiếng pháo lại có tiếng súng nổ rõ mồn một. Người dân Nha Trang ngỡ rằng năm nay nhân dân đón mừng năm mới cùng với quân đội trú đóng nơi phố phường. Mùi thơm của hương pháo lẫn với mùi khét của khói đạn.

Người xuất hành du xuân đã xuất hiện trên các ngã đường đi về hướng Tháp Bà hoặc chùa Long Sơn hay mọi ngã đường ra biển Nha Trang. Từng đoàn xe gắn máy chạy nối đuôi theo nhau khắp ngã đường. Phần nhiều phía sau xe có kéo theo những chiếc lon sữa bò, những chiếc lon coca cola hoặc những lon bia trống lòng. Tại các khu quân sự có nhiều bóng người lặng lẽ như đang đứng chờ xuân đến, trong bóng đêm, trong tiếng pháo rộn ràng.

Đúng 23 giờ 30 đêm giao thừa 29 Tết tại sân bay Nha Trang có tiếng súng dòn dã và kho đạn tại sân bay bốc cháy. Bầu trời phía Tây Nha Trang nơi vùng khu sân bay rực sáng do pháo sáng của đèn dù từ máy bay C47. Lệnh báo động được ban hành song rất ít người chú ý và cuộc đốt pháo đón xuân vẫn náo nức tiếp diễn. Xe cộ chở người đi hái lộc trên đường phố vẫn

rộn ràng. Phối hợp với tình hình này, quân giải phóng tiến công vào các đồn bót đóng tại Nha Trang theo ba cánh quân:

Cánh quân A là cánh quân chủ yếu có nhiệm vụ đánh vào 3 mục tiêu quan trọng: Tỉnh đường, Tiểu khu và Bộ Chỉ huy Tiếp vận 5. Sau hơn 10 phút các mục tiêu bị chiếm lĩnh.

Cánh B tiến chiếm đài phát thanh song vì lạc đường nên mãi đến 2 giờ sáng mới chiếm được căn cứ trên đồi Trại Thủy và tấn công chiếm đài phát thanh, song không thành.

Cánh C có nhiệm vụ tiến chiếm tiểu đoàn 65 truyền tin, tiểu đoàn vận tải và đại đội công binh cầu nổi. Trận chiến xảy ra ác liệt. Một trung đội công binh có nhiệm vụ phá cầu Xóm Bóng bị phát hiện và có sự chống cự kịch liệt nên cầu không thể phá được. Tình hình chiến sự mãi đến sáng mùng hai mới tạm thời lắng dịu.

Hằng năm, chùa Từ Tôn nơi Hòn Đỏ sáng mùng một, các bôn môn đệ tử cùng khách du lịch hành hương đã tấp nập qua đò lên núi, thăm chùa. Đây là một cuộc hành hương trong dịp đầu xuân giữa trời mây biển cả. Du khách đi từng toán nhỏ, dạo quanh chùa, ngắm biển cả và nhất là để thắp nhang đầu xuân. Ngôi chùa nhỏ nhắn nhưng tĩnh lặng trong hương khói uy nghiêm. Tiếng du khách nói thì thầm với nhau như hòa cùng tiếng sóng vỗ nhẹ dưới chân đảo.

Năm nay (năm Mậu Thân) mãi đến ngày mùng năm mới có một vài đò hữu qua đò lên đồi thắp hương. Trên thực tế đêm mùng một chùa đã có ba vị khách đặc biệt đến xông đất nhà chùa. Đó là ba chiến sĩ quân giải phóng thuộc trung đội công binh có nhiệm vụ phá cầu Xóm Bóng để chặn quân từ trường Hạ sĩ quan Đồng Đế sang tiếp viện cho thành phố Nha Trang. Lực lượng giải phóng từ Núi Sạn tiến qua Ngọc Thảo, khi gần tiếp cận với cầu thì bị phát giác. Sau khi giao tranh và nhận thấy hỏa lực địch quá mạnh nên trung đội công binh buộc lòng phải rút lui về núi Sạn. Trong cuộc chiến có ba chiến sĩ bị lạc đồng đội và nương tạm vào nơi Xóm Bóng. Nhân thấy có một chiếc thuyền thúng cột neo dưới nhà sàn nơi mé sông, ba chiến sĩ đặc công liền dùng làm phương tiện nhẹ nhàng chèo qua Hòn Đỏ. Giấu thuyền nơi một hốc đá khuất lấp, ba chiến sĩ leo được lên đến chùa Từ Tôn. Sư Viên Mãn đã tiếp đón ba chiến sĩ rất ân cần và tiếp tế thức ăn (chỉ có mì chay lá vị trai). Tối hôm sau ba chiến sĩ xuống thuyền thúng rời hải đảo Hòn Đỏ trở về đơn vị.

Sau này khi kể lại câu chuyện, nhà sư đã tâm sự:

Ban đầu khi gặp ba vị quân giải phóng, tôi rất ngạc nhiên. Ngạc nhiên vị nơi hải đảo hẻo lánh và xa xôi này rất có ít khách tham quan thì làm sao các anh bộ đội ở tận nơi chiến khu xa thăm biết được nơi này có chùa, có người trú ngụ mà ghé đến nương nhờ khi hoạn nạn. Sau khi trò chuyện, sư mới biết đây chỉ là một sự tình cờ. Ban đầu các anh chỉ định tạm trú trong hang đá để tối hôm sau lên về đất liền đi tìm đồng đội. Nhưng mờ sáng hôm đó nghe được tiếng chuông tiếng mõ và tiếng tụng kinh vắng từ trên chùa xuống nên ba chiến sĩ quyết định lên xin chùa giúp đỡ vị đói và khát.

Gặp sư Viên Mãn các anh không giấu giếm thân phận mình và đã được nhà chùa giúp đỡ. Được biết rằng chùa này chỉ có một mình sư Viên Mãn trụ trì và với tình hình hiện tại thì sẽ không có ai ra đảo cho nên ba chiến sĩ giải phóng yên tâm nằm đợi đến tối vào bờ trở về đơn vị.

Gần 40 năm trôi qua, sư Viên Mãn không gặp lại ba chiến sĩ năm xưa nhưng kỷ niệm cuộc gặp gỡ ba người vẫn còn in đậm như sóng nước quanh hải đảo Hòn Đỏ.

---o0o---

Nương chân trên Đảo

Con trăng thượng tuần nghiêng nghiêng về phía Tây. Màu trời trong xanh như thẫm lại. Cuối phương trời một ánh sao rực rỡ. Biển đông trầm lặng giữa đêm khuya. Dưới chân Hòn Đỏ tiếng sóng vỗ vào vách đá nhịp nhàng êm ả. Cảnh vật trên đảo hoàn toàn yên lặng. Vừa xong buổi kinh khuya, sư Viên Mãn lặng lẽ ra đứng dưới tàn xoài nhìn mảnh trăng khuya nương mình sau lưng pho tượng kim thân Phật tổ trên ngọn đồi Trại Thủy. Ánh trăng mờ nhạt bao phủ khắp trời. Biển khơi yên lặng triền miên dưới ánh trăng mờ nhạt. Bỗng nhiên trong không gian yên lặng nổi lên một loạt súng và tiếng la ói từ hướng đất liền. Tiếp theo là tiếng máy thuyền nổ lớn và từ Hòn Chông có bóng hai chiếc thuyền máy lướt sóng chạy ra khơi. Chiếc trước chiếc sau như đang đuổi bắt nhau. Thoáng một lát sau, tiếng động cơ như chìm hẳn vào lòng biển cả. Không gian lại trở nên yên lặng, nhà sư chậm rãi về căn lều nằm kề bên hiên chùa.

Tờ mờ sáng hôm sau, đang nằm yên lặng trong cơn gió ban mai hiu hiu mát, sư định trở dậy để tụng kinh sáng thì bỗng nghe như có tiếng động sau hiên

chùa. Trong không gian tĩnh lặng tiếng động tuy nhẹ nhàng song không thể nào lẫn lộn với hơi gió sáng. Trăng đã khuất từ lâu và tuy đã gần mờ sáng song màn đêm vẫn còn bao phủ lấy không gian hải đảo. Tháp vôi ngọn đèn dầu leo lét, sư trụ trì lần bước ra sân. Trên sân chùa có một thầy người đang nằm sóng sượt. Áo quần ướt đẫm, đầu tóc rối bời. Vôi vàng bụng đèn đến soi tận mặt nhà sư biết được là một người con gái còn đang thoi thóp. Dù nạn nhân vào chùa và lo phần cứu chữa. May mắn thay nạn nhân chỉ ngất đi vị quá mệt.

Sáng hôm sau khi tỉnh dậy nạn nhân cho biết mình là một kẻ theo gia đình vượt biên, bị phát hiện và lên thuyền chạy trốn. Khi đến vùng biển khu vực Hòn Đỏ thấy ghe không thể nào chạy thoát, đương sự đã khẽ lén chuỗi mình xuống biển và bơi vào bờ. Vào đến bờ, nương theo đợt sóng, bám được vào đá, đương sự chui mình vào ẩn giữa một khe đá. Tuy đã mệt mỏi song vì lý do sinh tồn nên đương sự đã cố gắng bò dần lên đến sân chùa và đã ngất đi.

Sau đây là lời kể lại của nạn nhân:

- Thưa thầy, con tên là Liên. Gia đình con sống tại thành phố Hồ Chí Minh, gốc của gia đình tại tỉnh Long An. Cha con đi lính cho chính quyền miền Nam. Mẹ con là giáo viên dạy cấp một được nhà nước lưu dụng song phải đi phục vụ tại vùng kinh tế mới Minh Xuân. Gia đình con gồm 4 người, con là con gái lớn duy nhất. Để giúp đỡ gia đình con tự thôi học năm lớp bảy, ở nhà theo bà con lồi xóm đi buôn. Con từ Long An ra Nha Trang mua lưới câu, nhợ câu. Mỗi tuần đi một chuyến. Tiền lời kiếm được cũng đủ nuôi sống gia đình. Đi buôn được vài chuyến thì con quen biết với gia đình ông chủ tiệm buôn, ông hứa giúp con vượt biên cùng với gia đình. Thấy gia đình chủ hiệu thật lòng thương mến, nên con đã về thưa với mẹ và tuy không muốn cho con ra đi tìm sinh kế nơi đất khách quê người song tình cảnh gia đình hiện tại đang lâm vào cơn nguy biến không có lối thoát nên mẹ con chấp thuận cho sự ra đi này. Gia đình ân nhân của con chỉ còn có hai vợ chồng. Các người con đều đã ra nước ngoài bằng đường biển hoặc bằng đường bộ qua ngõ Campuchia. Con ra Nha Trang ở được một ngày một đêm. Đêm hôm qua con theo một đoàn người ra nhà một khách hàng ở cạnh Hòn Chông. Chiều đó chúng con lên thăm Tháp Bà và ăn cơm chiều nơi một quán ăn nhỏ trong khu gần đường cái quan rẽ vào Hòn Chông. Chúng con lặng lẽ đi từng người một ra đến mé biển Hòn Chông. Chúng con ngồi trong những hốc đá, trong các lùm cây, yên lặng, hồi hộp.

Gần khuya thì có tiếng ghe máy ghé vào bờ. Khi rời khỏi nơi ẩn nấp con mới trông thấy còn có một số người đồng loạt xuất hiện. Chúng con lên hai chiếc ghe máy. Mỗi ghe chứa hơn 10 người. Khi ghe nổ máy chạy ra khơi thì trong bờ có tiếng người hò la kêu réo gọi ghe quay trở lại. Đồng thời có nhiều loạt súng bắn lên trời. Sau đó có tiếng động cơ của ghe máy nổ giòn giã xông thẳng về hướng ghe của chúng con. Chiếc ghe của bọn con chạy trước nhưng khi vượt qua mỏm Hòn Chông thì động cơ bị trục trặc. Chiếc ghe thứ hai vượt qua mặt và cứ thẳng tiến về hướng biển khơi. Chiếc ghe của con lại nổ được máy song chạy được vài mươi mét thì máy lại đứng. Phía sau, ghe biên phòng đuổi gần kịp. Bỗng nhiên toàn thể mọi người trên thuyền đều đồng loạt thốt lên tiếng khóc.

Trong không gian tĩnh lặng của biển cả về khuya, tiếng khóc vang lên đầy não nùng và đau khổ. Kính thưa thầy, khi con nghe trảng tiếng khóc bi ai này thì lòng con chợt nhớ đến cha mẹ và các em con. Con cảm thấy trong tiếng khóc bi thương có tiếng khóc của gia đình con. Lòng thương yêu cha mẹ và gia đình lên đến tột cùng. Rồi bỗng nhiên con lao mình vào lòng nước. Mọi người trên thuyền đang sống trong tâm trạng lo sợ nên chắc đã tưởng rằng con bị ngã xuống biển trong cơn hoảng loạn. Thật tình con đã vì nghĩ đến gia đình nên đành tìm cách thoát thân bằng cách liêu mình với biển cả, mong thoát được cảnh bị bắt khi vượt biên. Nhà con vốn ở gần bên bờ sông rạch nên từ nhỏ con đã quen với việc bơi lội. Tuy chưa từng bơi ở biển song con vẫn tin tưởng rằng nếu xuống được dưới nước thì con sẽ sống sót. Cho nên khi con lặn lẽ tuột xuống mạn thuyền mà không một ai để ý đến và khi đến mặt nước thì con âm thầm lặn ra xa chiếc thuyền đang bập bênh trong tiếng khóc tuyệt vọng của hơn 10 con người chỉ toàn là đàn bà con nít.

May mắn cho con là màn đêm còn giăng kín mặt biển và nhất là bóng núi của Hòn Đỏ vẫn in hằn lên bầu trời thưa thớt ánh sao khuya. Tiếng khóc la bỗng nhiên im bật khi tiếng máy của động cơ thuyền biên phòng đến sát mạn thuyền vượt biên. Và thuyền được kéo vào bờ. Con lặn lẽ bơi đứng một chỗ chờ cho thuyền chạy đi xa mới nhắm hướng Hòn Đỏ bơi vào. Lúc này còn một mình trong vùng đen của biển con mới thấy hoảng sợ và cô đơn. Tuy nhiên nhờ nơi lòng thương mẹ cha và gia đình nên con cố gắng lội cho đến khi chạm vào mảng đá đầu tiên trên Hòn Đỏ. Tuy mình đầy các vết xước vị hầu, vị đá nhọn song con vẫn tin rằng con đã được Trời Phật hộ trì nên bơi được đến đảo. Nhờ ở ý chí muốn sống mà con đã có đủ sức mạnh để nương theo những con sóng, trườn nhẹ lên bờ đá. Nhờ vào những khe đá đầy hầu nhọn mà con bám được để nhồi mình lên khỏi mặt nước. Lăn mò con đã đến được hòn đá lớn đứng sừng sững bên mé nước. Dưới chân đá có bãi cát, con

biết rằng mình đã thoát chết và đã đến được chân đảo. Yên tâm là mình được thoát nạn con nằm ngửa mặt nhìn bầu trời cao rộng. Rồi con thiếp đi lúc nào không hay.

Khi con thức giấc thì biển nơi phương đông đã hừng sáng. Một vài ngôi sao sáng rực trên vòm trời. Biết trời đã rạng đông và mình đã được sống sót song cần phải cố gắng tìm cách lánh thân. Con vội vàng nhô dậy và nương ánh sao trời tìm hướng lên trên đồi. Trước đây con đã từng ra thăm Hòn Chông và mắt con đã nhìn thấy Hòn Đỏ chập chờn trên sóng nước và trên đỉnh đảo có một ngôi chùa. Con hy vọng là nếu lên được đến chùa thì cuộc đời con sẽ thoát khỏi sự bất bớ vì vượt biên và sẽ an toàn trở về quê cũ. Hơn một giờ lặn mò đi trong ánh sao mờ mờ con đến được sân chùa. Con vừa quỳ xuống để tạ ơn đức Quán Thế Âm Bồ tát thì bỗng nhiên con thấy trời đất chao đảo và con ngã xuống ngất đi.

Sau một tuần tịnh dưỡng Liên đã rời chùa trở về Long An.

---o0o---

Về thăm chốn cũ

Buổi trưa hôm đó nằm dưới bóng cây xoài bên hiên chùa, nhà sư Viên Mãn đang trầm lặng nhìn bóng lá xoài lao xao trước gió. Bỗng nhiên nơi hiên chùa một bóng người hiện ra đứng yên lặng trên đầu chiếc ghế nằm của nhà sư.

- Bạch thầy, có lẽ thầy không còn nhớ con, nhưng con vẫn nhớ đến thầy suốt gần bốn mươi năm qua. Con xin tự giới thiệu, con là một trong ba người lính miền Bắc đã được thầy cứu giúp trong những ngày tổng công kích Tết Mậu Thân. Anh em chúng con sống với sự che chở của thầy trong hai ngày đêm và mãi đến hôm nay con mới có dịp trở lại nơi hòn đảo này để cảm ơn thầy.

Nhà sư vui mừng ngời nhô dậy, cầm lấy tay người khách phương xa.

Qua câu chuyện hàn huyên nhà sư đã biết được rằng xưa kia có ba người nay chỉ còn có một. Trên con đường chinh chiến họ không được ở gần nhau và hai người kia đã anh dũng hi sinh nơi tiền tuyến.

- Bạch thầy, khi tổ quốc thống nhất con được phục viên và mãi chăm lo sinh kế nên con không có dịp vào Nam thăm lại những người cũ, nhất là những ân nhân đã giúp đỡ con trong những phút giây nguy biến. Hai người bạn năm xưa nay không còn nữa. Con vì mãi lo sinh kế cho gia đình nên mặc dù rất nhớ miền Nam song khó có dịp vào thăm. Nay con đã đầy đủ về mặt tài chánh nên con nhất định vào Nha Trang thăm lại cảnh cũ cách đây gần bốn mươi năm.

Nhà sư yên lặng lắng nghe những nỗi niềm của chàng trai năm xưa. Sự gặp gỡ đột nhiên này đã gây không ít cảm động trong lòng vị sư già. Kỷ niệm gần bốn mươi năm xưa, mặc dù thời gian đã xóa đi nhiều chi tiết song khi người xưa trở về đột ngột thì hình ảnh xưa lại vụt trở về một cách bất ngờ. Tình cảm này giống như tình cảm ruột thịt của những người thân thương lâu ngày xa nhau. Tuy gặp gỡ một thời gian ngắn song tình cảm thiêng liêng vì từ bi, vì nghĩa vụ cho nên tình cảm này đã trở thành tình cảm thân thương vô cùng sâu sắc. Người khách phương xa đã kể lại những tháng ngày chiến đấu trên khắp các chiến trường, những chiến công, những mất mát trong cuộc đời quân ngũ. Và nhất là sự thành công khi tìm đúng hướng đi trong việc mưu sinh.

- Được giải ngũ về lập gia đình và cả nhà đã vui lòng đi lập nghiệp trên vùng núi rừng Tây Bắc. Ban đầu có những thất bại vì không có kinh nghiệm và nhất là không có cơ sở kinh tế và tài chánh nên gia đình nhiều năm đã lâm vào cơ cực. Mãi đến sau này gia đình mới thành công trong việc khai khẩn đất hoang, trồng cây ăn quả, nuôi cá và chăn nuôi súc vật. Con cái bây giờ đã vào đại học. Thu hoạch đã tạm ổn định. Cho nên con đã quyết định gởi nhà cho vợ và vào Nam một chuyến dài ngày.

Từ đất liền, người phương xa đứng ngắm hình bóng hòn đảo tuy đến có một lần song vô cùng thân thương. Những hình ảnh ngày xưa tị nạn bỗng chốc hiện về khiến lòng nao nao như sóng vỗ quanh đảo. Ân tình tuy không lớn lao, song niềm thương mến đã khắc sâu vào tâm khảm. Tình nghĩa quân với dân, đồng bào với bộ đội trong những tháng ngày chiến đấu, nhất là những ngày biến động Tết Mậu Thân. Một gói mì chay, một bát cháo trắng và nhất là một tấm lòng an lành trìu mến của nhà sư. Không nói nhiều, chỉ chăm sóc trong thâm lặng, trong khả năng của một nhà tu hành nơi hẻo lánh đơn sơ. Lặng lẽ như một chiếc bóng, nhà sư vừa làm Phật sự vừa lo lắng cho sức khỏe từng người.

Gần bốn mươi năm qua mà như mới ngày nào khi người khách viễn phương gặp mặt lại nhà sư. Vẫn khổ người nhỏ nhoi ốm yếu, tuy thời gian đã để lại nhiều nếp nhăn trên gương mặt, sự chậm chạp trong dáng đi. Nhưng trí nhớ của nhà sư lại bền vững với thời gian. Vừa gặp nhau nhà sư đã nhận ra và đã kể lại những gì đã xảy ra đêm hôm đó. Nghẹn ngào vì cảm xúc, người khách phương xa cầm lấy tay sư cụ không thốt được nên lời. Bỗng nhiên như không cảm lòng được, vị khách viễn phương ôm chầm lấy sư cụ, miệng thốt nên lời: “Con không bao giờ quên được sư cụ. Rất nhớ đến công ơn của sư cụ”. Rồi nghẹn ngào không nói được gì thêm.

Niềm thân thương khi gặp lại người ân nhân cũ vẫn trong khung cảnh xưa, vẫn là con người xưa không có chút gì thay đổi. Ngọn đảo này vẫn sóng và nắng bao quanh. Bóng mát chòm cây, ngôi chùa nhỏ nhoi vẫn không có gì thay đổi. Lòng người khách viễn phương nao nao như được trở lại mái nhà xưa. Vị sư già và khách cùng nhau đi chung quanh đảo như hai người bạn cố tri. Trong lòng người khách có chút gì xao xuyến khi nhìn thấy những con sóng vỗ chập chờn lên dãy đá có màu đỏ đặc biệt bao quanh hải đảo. Gần bốn mươi năm rồi mà những con sóng này vẫn không có gì thay đổi, những dãy đá nằm phơi mình dưới nắng vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, sư cụ có già đi song tấm chân tình vẫn còn làm con tim người khách viễn phương tràn đầy triu mến.

Trưa hôm đó hai người cùng nhau ngồi ăn dưới bóng cây xoài bên hiên chùa. Thức ăn vô cùng đạm bạc: một đĩa đậu khuôn, một chút nước tương và một lưng cơm trắng. Cả hai ăn trong niềm vui tương ngộ, trong niềm vui bất ngờ có được của một kỷ niệm đã qua, tình cờ đến và cũng tình cờ thoáng qua như bóng mây trôi trên hải đảo. Khi ba người lính giải phóng đến cũng như đi, không hò, không hẹn và lòng của sư cụ không còn vương bận sự có không. Hôm nay chỉ còn có một người trở lại, hạnh phúc đoàn viên không được vẹn toàn song có vẫn hơn không, tấm lòng cố tri vẫn tràn đầy như biển cả.

Không ở chơi lâu được với sư cụ, người khách viễn phương từ giã lên đường. Đảo Hòn Đỏ vẫn cô đơn trên sóng biển.

Trở lại thăm chốn ân tình

Một buổi ban mai nắng hồng vừa nhuộm thắm hòn Đỏ Từ Tôn thì sư cụ được một thiếu phụ đến thăm. Trông hình dáng bên ngoài thì có vẻ một du khách nước ngoài. Màu da trắng đỏ, đi đứng gọn gàng và nhất là cách ăn nói nhiều văn phong lễ độ. Vừa trông thấy sư ông người thiếu phụ vội sụp xuống lạy. Cảnh tượng lạy thầy thường xảy ra song hôm nay lòng sư ông bỗng nhiên có một cảm nhận khác lạ. Người thiếu phụ lạ này gợi trong lòng sư ông một hình dáng quen thuộc. Lạy xong người thiếu phụ bật lên tiếng khóc nức nở và rồi ôm chầm lấy sư ông. Sự cảm nhận bỗng chợt đến. Nhà sư thốt lên:

- Có phải con là Liên đó không?

Ngưng ngay tiếng khóc, người thiếu phụ tên Liên sung sướng:

- Thưa ôn, chính con là Liên đây. Con là đứa con gái mà ôn đã cứu vớt và cứu mạng khi con từ cõi chết trở về.

Hai ôn cháu cùng ngồi dưới hiên chùa chuyện trò thân mật. Thì ra sau khi từ biệt chùa Từ Tôn, Liên về lại quê nhà ở Long An và sống lại cuộc đời lao động. Hai năm sau Liên tình cờ gặp lại gia đình người chủ cũ đã mãn hạn tù vị tồ chức vượt biên. Họ lại tìm cách ra đi và lại đem theo Liên. Cả ba đều được định cư tại Hoa kỳ. Rồi Liên có gia đình và có công việc làm ăn cố định. Lòng bao giờ cũng muốn về thăm quê hương song cảnh nhà của Liên ở Long An, cha mẹ không còn nữa và bà con cũng đã phân tán đi nơi xa. Bận bề thân quyến không có tin tức gì. Đó là nguyên nhân làm cho Liên tuy đã trên 30 năm xa đất nước mà không có dịp trở về. Năm nay nhân có người con vừa tốt nghiệp đại học và để chuẩn bị trước khi đi làm nên người con bèn đưa mẹ về thăm lại quê hương. Quê hương Long An không còn ai là thân thuộc cho nên mẹ con cốt ý ra Nha Trang để thăm lại vị sư và ngôi chùa trên hải đảo nơi mà mình được cứu sống và cứu mạng trong những ngày lâm nạn.

Cảnh trí trên hải đảo xanh tươi hơn lúc trước song mái chùa xưa vẫn như ngày nào. Liên đã hứa cùng sư ông khi nào chùa đại trùng tu thì Liên sẽ về đóng góp một ít nhiều công của. Rồi Liên từ giã sư ông trở về đất liền.

Người thứ ba trở lại

Mùa Vu Lan năm Phất lịch 2550 đảo Hòn Đỏ (Tù Tôn) người người đến viếng thăm đông đảo. Một phần đi lễ chùa, một phần đi viếng cảnh.

Nhà sư Viên Mãn tuổi tuy đã già song vẫn còn ngồi tiếp chuyện với các đệ tử viếng thăm. Trong số quan khách có một người ngồi đăm chiêu nhìn ra trùng dương bát ngát xanh thẳm. Sư Viên Mãn chợt nhận ra và sau khi tiễn đưa khách, nhà sư đã đi đến ngồi bên cạnh vị khách .

- Bây giờ tôi mới nhận ra ông là ông Phương. Ông đến chùa đã hơn hai mươi năm rồi. Ngày đó còn thưa khách nên được nói chuyện với ông, có rất nhiều thích thú.

Sư cụ cùng với Phương ra ngồi nơi ghé đá dưới cội bồ đề phía đông Hòn Đỏ. Sau đây là câu chuyện của hai người tri kỷ về Hòn Đỏ và chùa Từ Tôn (thật ra là chỉ có ý kiến riêng của vị khách mà thôi)

- Thưa sư cụ, hai mươi năm trước con lần đầu tiên bước chân lên Hòn Đỏ, lòng con rất an nhiên và hạnh phúc vì con đã cảm nhận được nơi này là một cảnh đẹp tự nhiên nhờ có công thầy mà nên dáng một thắng cảnh của quê hương Khánh Hòa. Bên cạnh đó ngôi chùa Từ Tôn đơn sơ nhưng đậm ấm. Giữa cảnh hoang vu và khô héo này có được một ngôi chùa, một vị sư lấy sức lao động bản thân để xây dựng. Là một kỳ tích, là một minh chứng cho cõi đời đầy phức tạp này có một công trình khiêm nhường nhưng rất đáng kính phục.

Hôm nay con trở lại nơi này, cảnh vật đã khác xưa nhưng con có một vài ý nghĩ cá biệt. Bạch sư cụ, cảm nghĩ đầu tiên của con là cảnh chùa hôm nay đẹp đẽ và tươi nhuận hơn mấy năm trước. Ở khắp nơi trên Hòn Đỏ đều có hình tượng bóng dáng của các chư vị Phật. Hòn Đỏ hôm nay có đầy đủ uy thế của một danh lam. Tuy nhiên con không khỏi nao lòng khi nhìn cảnh tượng khắp đó đây đều lưu quá nhiều bút tích, tượng Phật trên bãi đá, vách đá, hốc đá. Đã biết rằng nơi nào cũng là đất Phật, hiện thân của đáng từ bi hằng luôn có trong mọi nơi, mọi chốn. Song lòng con không thể nào ngăn được ý nghĩ là chúng ta đã thế tục hóa Hòn Đỏ. Trước đây con có một ý nghĩ rằng Hòn Đỏ là một thắng cảnh để du khách đến chiêm ngưỡng cảnh trời mây biển nước và lắng lòng đón nhận hương vị thiền khi từ thế giới thiên nhiên bước chân vào chốn thiền viện. Con vẫn hằng ao ước rằng chùa Từ Tôn luôn luôn là một thiền viện, một ngôi chùa khiêm nhường chào đón du

khách sau khi đã ngắm no đủ cảnh sắc thiên nhiên, để bước vào tĩnh lặng của tâm hồn.

Con đã hằng ao ước chung quanh đảo, chung quanh chùa có những hàng cây được trồng quy mô có ích cho chùa và cho cảnh quan, những bãi đá để môn đồ ngồi tĩnh lặng tham thiền, để du khách có đôi phút giây ngồi trút bỏ những bận rộn của thế gian trước trời mây biển cả.

Con vô cùng buồn bã khi con nhìn thấy nơi bãi đá trước kim thân Quán Thế Âm Bồ Tát, nơi chòm cây, ghé đá, nơi có thể coi như là đẹp nhất của đảo, đã có từng nhóm người ngồi ôm nhau, mùi cá thối nướng xông bay nồng nặc lẫn với những tiếng cười đùa phàm tục nghe đến buồn nôn. Con biết đây là một nỗi buồn của nhà chùa, một bất lực không thể nào giải quyết, một thảm trạng của sự sa sút tâm linh của một số thanh niên hiện đại.

Theo con, ngày trước con đã đi trong tĩnh lặng để nhìn ngắm cảnh trí trên đảo, lòng đã gặp thiên nhiên, hồn đã gặp được nét u trầm của chùa. Bóng chùa đã để lại trong hồn con một cảnh tượng xa xưa đã từng có trên chùa Linh Phong (còn gọi là chùa ông Núi ở Phù Cát, Bình Định.) Trong danh thắng có danh lam. Trong bóng mát của rừng có bóng ẩn hiện của mái chùa. Còn bây giờ thì dường như Hòn Đỏ đã bị thế tục hóa đi ít nhiều.

Vẫn nhìn ra ngoài biển cả mênh mông, sư Viên Mãn chậm rãi nói trong suy tư:

- Tất cả đều là giả tạm. Cảnh con đang thấy trước mắt cũng là giả tạm. Nay đang có thì ngày mai có thể không còn nữa. Tất cả những điều con trông thấy là sự thật. Nhưng sự thật trong một giai đoạn nhất thời. Con nên biết: tất cả đều là vô thường. Những tượng Phật trên bãi đá, trong hốc đá, dưới bóng cây, trước đây bốn mươi năm không hề có. Rồi một mai cũng sẽ mất đi và chỉ còn biển và đá, trời và mây. Tất cả đều là giả tạm. Cái còn lại, chỉ còn trong tâm của con mà thôi. Để tâm hồn được yên tịnh, con nên suy ngẫm và chiêm nghiệm hai câu thơ này:

*Nước mây hằng tự tại
Vàng đá chẳng vô tri*

Hãy tìm hiểu cho thật thâm sâu, con sẽ nhận thức được những ảo diệu của câu thơ. Và thông suốt tư duy về cõi đời này.

---o0o---

Thay lời kết

Nơi vườn chùa, ngoài hoa cỏ tốt tươi còn có một cây cảnh bằng lăng được trồng trong một chiếc thuyền thúng. Chiếc thuyền này đã từng đưa nhà sư Viên Mãn qua lại từ đất liền đến Hòn Đỏ, nhất là trong công việc chuyên tải nước, đất trồng trọt trong những tháng ngày mới khai phá và xây dựng hoang đảo. Kỷ niệm ghi dấu ban đầu còn có cây bằng lăng mọc cô đơn trên đảo. Sau này chiếc thuyền thúng theo thời gian mà tàn tạ, nhà sư Viên Mãn mới dùng làm chậu hoa trồng cây bằng lăng để làm vật lưu niệm những tháng ngày đội nắng trên Hòn Đỏ.

Nhà giáo Phong Hương đã có đôi dòng xúc cảm:

Cây cảnh bằng lăng

*Cây bằng lăng xưa
Khăng khiu
Trong chiếc thuyền thúng
Nằm đơn độc
Bên cạnh vườn hoa
Chưa xóa nhòa
Cảnh nắng trưa
Nhà sư trần lưng gánh nước
Bước từng bước
Từ chân dốc lên đồi
Ôi! những giọt mồ hôi
Chảy dài trên lưng Bô tát.
Nắng chói chang
Lòng vẫn luôn rào rạt
Ước mong xanh mát bóng chùa...
Từ Tôn, Hòn Đỏ hương đưa
Cây bằng lăng vẫn dáng xưa một lòng.*

Trần Phong Hương

Nha Trang ngày 9 tháng 9 năm 2006
Quách Giao

---o0o---

Phụ bản: Hòn Đỏ

(Trích từ cuốn *Hướng Về Tháp Bà Thiên Y* của Quách Giao, nxb Hội Nhà Văn năm 2005)



Từ đỉnh Sinh Trung phóng mắt nhìn về Đông Bắc, dưới chân dãy núi Cù Lao, nằm cách chân núi vào khoảng 500 m có hòn đảo nhỏ chập chờn trên sóng nước. Đảo vắng người vắng lai vì chung quanh chân đảo đá dựng chập chùng. Màu sắc của đá, dáng hình của đá có hình thái khác mọi nơi. Đá trên đảo và ven chân đảo phần nhiều đều có sắc đỏ. Nhiều nơi có từng mảng lớn màu đỏ như sơn tàu. Có lẽ do trong đá có nhiều chất sắt bị ôxy hóa lâu ngày mà thành. Những ngư dân từ biển cả bao la khi quay thuyền về bến cá Cù Lao trong ánh nắng bình minh đã nhìn thấy hòn hải đảo nhỏ xinh này đỏ rực đón ánh chiếu dương. Lấy sắc đá, nhìn cảnh đẹp lúc bình minh trên hải đảo, người dân chài đã gọi tên hải đảo này là Hòn Đỏ. Được mang tên đơn giản như các đảo đàn anh Hòn Mun, Hòn Rùa, Hòn Chồng, Hòn Én v.v.. Người dân địa phương đã đặt tên các hòn đảo theo hình dáng, theo sản vật có trên đảo. Một đôi khi lại có tên rất văn học, như đảo Trí Nguyên, đảo Bích Đàm v.v..

Hòn Đỏ cũng được những người dân sống trên bờ gần đảo nhìn thấy hoàng hôn xuống, phía trời Tây hừng đỏ ráng chiều chiếu trên những tảng đá lớn đứng nơi bên đò làm cho đảo càng thêm đỏ thắm. Khi phương trời Tây sắc hồng đã phai và sắc tím hoàng hôn ngự trị trên bầu trời thì màu đỏ của đá lại càng thêm đậm đặc. Sắc đá không phai theo sắc trời, sắc biển mà dường như chứa đọng lại sắc ráng chiều và như ráng chiều đã xuống nằm ngủ nơi vách đá. Nhân dân địa phương đã nhìn cảnh mà đặt tên cho hải đảo: Hòn Đỏ. Khách văn chương lại đặt tên cho đảo là Hòn Ráng Chiều. Khách phương xa đến viếng đảo đã gọi lại những vần thơ kỷ niệm:

Một áng Đường thi :

Hòn Đỏ Từ Tôn

*Hòn Đỏ nằm bên cạnh Đá Chồng
Một bên liền đất một bên không
Thắm tươi sắc đỏ nên danh hiệu
Nhuần đượm màu xanh kết dải đồng
Phương Bắc gió về xua nắng bức
Gành Đông hương thoảng đón trăng lồng
Trông vờ mây nước đâu xa cách
Mà chỉ gần nhau một tác lòng.
Vương Kiều Thu*

Hai vắn Ngũ ngôn của Lê Triều Phương :

*Triền miên, triền miên sóng
Nền đá nhẵn hồng tươi
Hòn Đỏ tên người gọi
Lòng son tự muôn đời*

*Nghênh ngang gió lồng lộng
Rung cây cành ngả nghiêng
Vòm xanh nằm ẩn bóng
Mái Từ Tôn tịnh yên*

Thời tiền chiến nhà thơ Đường Quách Tấn cùng các bạn Chế Lan Viên, Yên Lan v.v.. thường đi ghe nhỏ ra viếng Hòn Chồng. Sau khi ghé thăm Hòn Chử nằm giữa sông Cù cận Tháp Bà, thuyền lại vượt qua cửa biển Đại Cù Huân. Đường đi trên sông nước, tuy rất ít người đi song cũng được nhà thơ giới thiệu với khách du lịch:

*Hỡi ai viếng cảnh Nha Trang
Muốn tìm dấu cũ thì sang Tháp Bà
Muốn trông trời bể bao la
Con thuyền nhỏ nhỏ bơi ra Hòn Chồng...
(Xứ Trâm Hương)*

Vượt qua cửa sông (cửa Đại Cù Huân) thì du khách thấy ngay Hòn Đỏ trước khi đến Hòn Chồng. Bơi thuyền một vòng quanh Hòn Đỏ cảnh trí của Hòn Đỏ từ dưới biển trông lên vô cùng ngoạn mục. Tuy cảnh đẹp, tình muốn lên song vách đá dưới chân đảo lập nên dãy “vạn lý trường thành” nên khách du quan đành rẽ nước thẳng đến Hòn Chồng. Phần đông khách du lịch đều đến

Hòn Chồng bằng đường bộ nên ít người được biết mặt Hòn Đỏ vì khi ấy chưa có con đường thuận tiện đi ngang qua bờ bên kia đảo.

Hòn Đỏ nằm song song với Hòn Chồng cách xa không đầy một cây số. Hòn Chồng thì thuận tiện đường đi, nằm nối với đất liền nên được khách du quan thường xuyên lui tới, và trở nên nổi danh là một thắng cảnh của Nha Trang.

Trước đây khách đến Hòn Chồng với tấm lòng băng khuâng man mác trước trời biển bao la để ngắm nhìn dãy đá nằm nghiêng mình trên sóng nước. Khách đến với Hòn Chồng từng đôi, từng nhóm, với một tâm hồn thanh thản, một niềm vui hồn nhiên để tâm hồn rộng mở trước cảnh trời nước bao la. Từng tảng đá, từng hang đá đều mang một câu chuyện huyền thoại một nguồn vui, gợi lại trong lòng ta, một thời kỳ hồng hoang khi mà con người còn cùng với thiên nhiên quần quít thân tình. Thuở mà còn những bóng dáng học sinh cùng đến với trời mây để cho lòng nhẹ nhàng cùng sóng nước. Thuở mà đôi lứa cùng đến để ngồi bên nhau nghe sóng vỗ rì rầm, để cùng nhau đo xem bàn tay ông Khổng lồ lớn đến mấy gang tay. Việc viết tên kỷ niệm trên đá hay vút bùa bãi rác bần hay các lon nước ngọt, lon bia xuống các khe đá không bao giờ xảy ra. Khách đến viếng còn để lại cho hậu thế những vần thơ đầy cảm mến :

*Đất nắn trời nung khéo định đôi
Hòn Chồng đực cái phối hai ngôi.
Ông xây nên móng cây trời mọc
Bà đúc ra chuông đá mọc chồi.
Mây núi rũ giăng màn tịnh túc
Nước khe hâu rót chén giao bôi.
Non thề giai lão tro tro đó
Gió chẳng lung lay sóng chẳng dôi
Chí sĩ Trần Cao Vân*

Và :

*Trời mây biển nước cảnh mênh mông
Chân núi giô ra đá máy chồng.
Khẳng khít thót em nương thót chị
Vững vàng hòn cháu đỡ hòn ông.
Sóng xô đẩy mãi bên gan sắt
Rêu buộc ràng thêm chặt dải đồng.
Gặp gỡ đá đây ta hỏi đá*

*Và trời bao thuở mới nên công.
Quách Tấn*

Hòn Đỏ đẹp hơn Hòn Chồng song vị đường đến đảo khó khăn nên đảo được sống một thời gian dài tĩnh lặng. Hằng ngày, vào lúc trời chiều khi thủy triều rút xuống, các rặng đá và san hô chung quanh đảo nhô cao thì người có thể lội bộ mà ra đến đảo. Những lúc nước dâng cao thì phải có đò đưa sang.



Diện tích đảo Hòn Đỏ rộng hơn 4000 mét vuông. Đảo có hình một củ khoai tây. Chiều dài từ Đông đến Tây độ 500 m, từ Bắc đến Nam dài độ 400 m. Trên đảo đá nhiều hơn đất, cây con cần cỗi, cây cỏ thụ chỉ lưa thưa. Cảnh quan trên đảo đầy vẻ hoang sơ, nhưng thơ mộng. Tuy chỉ cách đất liền không quá 500 m mà khi du khách đến viếng thăm đều có cái cảm giác như đang đặt chân lên một hải đảo xa xôi cách đất liền hàng vạn dặm vì trước mắt ta chỉ toàn là trời biển bao la. Trước kia vị không có đường đi rộng rãi từ đất liền ra đến bờ bên kia đảo, nên vắng tiếng động cơ máy móc, tiếng ồn ào của phồn hoa không bao giờ vọng đến. Cảnh đã tịnh mà âm thanh lại càng xa vắng như có như không. Cho nên trước năm 1960 đảo dường như hoàn toàn vắng bóng khách viễn du. Đến Hòn Đỏ ta chỉ nghe tiếng gió thì thầm cùng tiếng sóng vỗ dịu dàng lên vách đá và đôi tiếng chim thưa thớt thoảng trong nắng ban trưa. Trước trời biển bao la, hải đảo Hòn Đỏ trở nên nhỏ nhoi xinh xắn. Sắc đá, màu cây trang trí cho đảo thêm phần diễm lệ.

Hướng Đông của đảo, trời nước bao la, màu xanh của biển hòa lẫn với sắc biếc của trời. Cận tầm mắt là hải đảo Hòn Mun nằm oai vệ giữa biển khơi trông như một áng bình phong nằm chắn gió cho Hòn Đỏ. Hòn Mun là nơi ghé lại của tầm nhìn từ Hòn Đỏ ra bể khơi. Trước biển Đông, Hòn Đỏ không cô đơn vị chung quanh còn có nhiều hòn đảo khác to lớn hơn, kỳ vĩ hơn. Giữa bầu trời mênh mông với màu xanh của biển, của trời chen lẫn với màu trắng của mây, của muôn ngàn con sóng trùng dương chập chờn tung bọt hoa trắng xóa, Hòn Đỏ vẫn không thấy lẻ loi vì phía sau đảo còn có dãy núi Cù Lao, có Tháp Bà và xa hơn nữa còn có Hòn Bà đang uy nghiêm dõi nhìn về bể Đông.

Buổi bình minh ở Hòn Đỏ, đẹp nhất là về hướng Đông. Thiên nhiên đã tạo cho hòn đảo có một quang cảnh vô cùng diễm tuyệt. Bờ đá ở phía Đông không cao mà lại dài, nằm trải rộng im lìm để mặc cho sóng nước vỗ về xoa nắn. Mặt biển nhiều khi phẳng lặng như một mặt hồ mộng mên. Màu xanh của đại dương như trong suốt hòa với màu trời có sắc xanh thẫm lác đác những vị sao tắt muộn. Tuy mặt trời chưa rựng mọc song cái cảnh trong sáng của một bầu trời sắp rạng đông đã mang lại cho biển một màu sáng mờ mờ để phân biệt được giữa ngày và đêm.

Nhà thơ Lê Triều Phương sau một chuyến thăm Hòn Đỏ đã viết nên một bài thơ :

Bình minh trên Hòn Đỏ

*Dạo chơi trên Hòn Đỏ
Cận kề bên biển Đông
Giữa lòng trời mênh mông
Màu xanh chen sắc trắng
Cánh buồm mây phẳng lặng
Ngắm hoa biển chập chờn
Thuyền xa về cô đơn
Sóng vỗ quanh đảo nhỏ.
Bước chân lên Hòn Đỏ
Gặp vách đá ngàn xưa
An lành cùng nắng mưa.
Bờ phía Đông ửng nắng
Lòng biển xanh phẳng lặng
Tình biển cả bao la.
Mặt trời tự phương xa
Ứng hồng chân mây thắm.
Ngôi trên hòn đá phẳng
Chờ đợi ánh triêu dương
Đây là mảnh thiên đường
Buổi mai hồng dăng tặng .
Mây hồng phơn phớt trắng
Xanh biển xanh mặn mà
Vang vọng muôn lời ca
Đàn chim âu giăng cánh
Mặt nước hồng sóng sánh*

*Nâng ánh mặt trời lên
Hòn Đỏ bóng bông bành
Cùng bình minh thức giấc.*

Cần phải có một đêm sống trên đảo Hòn Đỏ, du khách mới cảm nhận được cái đẹp lúc bình minh, cái trong trẻo của ban mai và cái cảm giác của con người trước vũ trụ sau một đêm đen dày đặc. Được sống, được cảm nhận, được đọc thơ, lòng du khách mới cảm nhận được đầy vui khi ngồi trên bờ đá nơi hướng Đông Hòn Đỏ trong bầu trời bình minh.

Có ngồi đón bình minh nơi Hòn Đỏ, du khách mới tận hưởng được màu sắc của đá để phân biệt được màu hồng của trời lẫn vào màu hồng của đá như thấp thoáng màu hồng của da thịt con người, da thịt của một bé thơ vừa mới tắm. Ngồi lắng lòng, mắt lim dim, du khách chắc chắn sẽ cảm nhận được, sẽ nhìn thấu suốt được sắc hồng tươi tắn của thiên nhiên với một cảm nhận rung động nhẹ nhàng giữa bình minh nguyên thủy trên hải đảo Hòn Đỏ Từ Tôn.

Trong thời gian từ lúc mặt trời lên cho đến khi đứng bóng, du khách có thể men theo đường mòn, theo bờ cỏ dại, vượt qua những chòm đá nằm rải rác im lìm dưới nắng để ngắm nhìn cảnh quan chung quanh đảo. Đến đâu cũng nhìn thấy mặt bê bao la, bầu trời xanh ngắt. Nhiều nơi cận kề sát mé biển du khách có thể trông thấy bờ vách đá nơi chân núi với sóng nhẹ vỗ lên bờ đá, với hoa sóng tung tóe trên vách hồng của đá. Trước quang cảnh này du khách có cảm tưởng là mình đã rời xa chốn bụi trần để hoàn toàn sống cùng với trời mây biển cả.

Về phía Bắc đảo, du khách bắt gặp nhiều cảnh khác biệt. Nhìn gần thì thấy bờ đá khẳng khiu có dáng khắc khổ hơn mọi nơi trên đảo. Vách đá dựng đứng dưới nước, nhiều mũi đá nhọn nhô cao như một rừng chông bảo vệ cho đảo. Trên đảo thì cỏ cây khô héo lúc hạ sang và đợi đến đông về mới xanh tươi trở lại. Mùa đông những cơn gió bắc hợp với sóng biển vỗ mạnh vào đá khiến cho đá phải lồi lõm, cây cỏ phải điêu tàn. Chỉ đợi đến mùa hạ đến thì mặt Bắc của đảo mới hưởng được cơn gió nồm đem cái hiu hắt, cái cơn mát dịu dàng đến ấp iu cùng hải đảo.

Nhìn xa xa du khách bắt gặp Hòn Chồng nằm trải dài từ bờ ra đến biển. Nhấp nhô trên đá bóng những du khách dạo chơi ngắm cảnh đá nước Hòn Chồng. Và xa hơn nữa là chập chùng núi biếc.

Về hướng Nam của đảo, thật ra là hướng Tây Nam, thành phố Nha Trang nằm phơi mình trong nắng biển. Nắng biển không chói chang nên thành phố nằm êm đềm trong tĩnh lặng. Thành phố Nha Trang không cần đến những chung cư, cao ốc vươn lên như chọc trời để khách du quan có thể từ hải đảo Hòn Đỏ ngắm nhìn pho tượng Kim thân Phật tổ ngự trên đỉnh đồi Trại Thủy in hình trên nền trời xanh thắp thoáng bóng mây trắng lững lờ bay quanh. Cùng lúc, chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa thắm đỏ trên ngọn núi Sinh Trung ngân đưa hồi chuông triệu mộ. Ngọn núi Sinh Trung hôm nay không còn soi mình trên mặt nước đầm Xương Huân, lặng lẽ nhìn bên nước Hà Ra lao xao trong nắng. Nhưng vẫn hiện diện cùng với trời mây trên thành phố Nha Trang.

Từ Hòn Đỏ ban đêm nhìn về thành phố Nha Trang ta thấy thân mến hơn, gần gũi hơn và nhất là rục rờ hơn. Ánh đèn giăng mắc dọc theo bờ biển từ Chụt gần đến Bãi Tiên. Chiếc cầu vòng hoa đăng Trần Phú như một dải đăng ten kết bằng sao trời lộng lẫy vắt ngang qua cửa sông Cù. Ban đêm từ hải đảo Hòn Đỏ nhìn thành phố Nha Trang tuy không to lớn rục rờ bằng Hà Nội, Sài Gòn mà là một thành phố đủ thương đủ nhớ cho những du khách ghé lại một thời.

Trưa đến, khí nóng hừng hừng trên vách đá. Không thể phơi mình ngoài nắng nóng du khách đành nương bóng mát của các cây me, cây đa phủ bóng lên trên dãy đá.

Dưới bóng hai cành đa soãi mình trên lưng đá nơi hướng Tây Đông, chiếc võng đong đưa nâng hồn du khách vào thế giới bồng lai. Gió từ biển xa thổi về nhẹ nhẹ. Nằm nghiêng mình trên chiếc võng nhìn xuống vũng nằm giữa đảo và đất liền du khách ngắm nhìn những con thuyền đánh cá neo đậu đang chập chờn trên sóng nước.

Thuyền đậu không nhiều nhưng chứa đầy thơ mộng. Nó gợi cho ta một bến nước xa xưa chỉ có một vài chiếc thuyền neo đậu nghỉ trưa nơi hải đảo xa xôi. Khi nào lòng ta chán chê trước cảnh chen chúc đậu bờ bãi của các ghe thuyền khi vào bến ở Cù Lao, Cồn Giũra, Cửa Bé v.v.. thì ta mới nhận ra rằng thấy một vài chiếc thuyền neo đậu nghỉ trưa nơi bến Hòn Đỏ, trí ta liền nghĩ đến cảnh một bến Tiêu Tương nào đấy hay một nơi bãi vắng của một hải đảo xa xôi, vắng vẻ khách phàm trần.

Qua khe lá ta bắt gặp được buổi trưa hè yên lành, buổi trưa của thời trẻ dại, ta được nằm dưới vòm lá hiu hiu gió mát, từ cánh đồng lúa mạ non thổi về.

Ta sẽ nằm thiu thiu mà không ngủ để nghe chất mặn của bề khơi lẫn trong hơi mát tự trùng dương thổi đến để lòng đón nhận cái mênh mông của đất trời tỏa trên hải đảo. Tự nhiên lòng lại nhớ đến bài thơ của phu nhân nhà thơ Lê Triều Phương đã cùng chồng đến du lãm Hòn Đỏ Từ Tôn:

Hòn Đỏ ban trưa

*Trên cành đa vững chắc
Chiếc võng nhẹ đu đưa
Mơn man gió mát đưa
Hương nồng từ biển cả
Hòa cùng hơi mát đá
Nâng giấc nồng lên khơi
Mây trắng bay dạo chơi
Giữa trời xanh sắc biển
Muôn ngàn con sóng lượn
Quanh đảo nhỏ chập chờn
Niềm vui nào vui hơn
Buổi trưa nằm nghe sóng
Dưới biển sắc trời động
Trong gió lá thì ào
Cánh én vút trời cao
Đoàn ghe nằm trong vũng
Theo nhịp trưa xao động
Hiu hiu giấc trưa nồng
Hòn hòa cùng mênh mông
Một tiếng chim vừa hót
Như pha lê nhỏ giọt
Trên phím đàn trời xanh
Buổi trưa vàng yên lành
Hòn Đỏ đầy thơ mộng.
Đoàn Thị Gái*

Trên chiếc võng đu đưa ta sẽ thiếp dần vào giấc ngủ cùng với nắng vàng trên Hòn Đỏ đầy thơ, đầy mộng. Và khi tỉnh giấc hồn ta cảm thấy sáng khoái, lòng ta cảm thấy vui vui để lắng nghe những câu chuyện hoang đường, những huyền thoại vô cùng thích thú.

Trước tiên là của các hòn đá. Nơi hướng Đông có một hòn đá có tên là Hòn Chị Em. Hòn Em to lớn hơn Hòn Chị lại nằm ở phía dưới trông như đang nâng đỡ chị để cùng nhìn ra biển Đông.

Nơi phía Hòn Chồng có Hòn Chồng Cái gồm hai pho đá đứng song song với nhau xứng với câu thơ của nhà thơ Quách Tấn:

“Khẳng khít thót em nương thót chị”

còn ở đây thì tương hợp với câu :

“Khẳng khít thót em nâng thót chị “

Vị ở gần nhau nên cùng chung hưởng một tình thơ.

Kể đến là hòn đá to lớn hình khối có tên gọi là Hòn Đá Tráp. Gọi là tráp vì nó giống hình một cái tráp đựng sách của các nhà nho xưa. Đó là cái tráp đựng các tập thơ của một vị tiên thường hay đến hải đảo Hòn Đỏ ngắm trăng làm thơ. Kế bên Hòn Đá Tráp là Hòn Đá Bàn cờ. Từ Hòn Đá Bàn Cờ này sinh ra câu chuyện Ông Không Lò đánh cờ với tiên và thắng được Hòn Đỏ. Câu chuyện như sau :

Nguyên xưa kia nơi đây, đảo được nối liền với dãy núi Cù Lao nhô ra tận biển Đông. Cảnh đây thơ mộng, có nhiều cây cỏ thụ sống ngàn năm cùng với suối tuôn màu thúy bạch và hoa cỏ thơm lừng. Cho nên các vị tiên mới cùng nhau tụ hội để ngâm thơ ngắm trăng giữa trời nước mênh mông và đánh cờ trong những ngày nhàn rỗi. Cai quản hòn đảo này là một vị tiên đầy tánh tình của vị cờ tiên Đế Thích. Vị tiên thích đánh cờ đến nỗi gặp ai cũng gạ đánh với mình, thua được không bận tâm, chỉ cốt sao có người cùng ngồi đối diện trước bàn cờ.

Một hôm đang ngồi buồn trên hải đảo Hòn Đỏ, vị tiên chợt trông thấy ông Không lò ngồi câu cá nơi Hòn Chồng. Thèm muốn có người cùng đánh cờ nên vị tiên ông bèn bay đến Hòn Chồng, gạ ông Không lò đánh cờ cùng mình. Tánh ông Không lò lại không giống vị tiên ông. Ông Không lò chỉ thích câu cá. Một bên thích lao động trí óc còn một bên lại thích lao động chân tay. Ông Không lò từ chối một cách dứt khoát .Mời không được, vị tiên ông bèn dụ dỗ. Biết được thú vui duy nhất của ông Không lò là câu cá nên vị tiên mời ông Không lò đến đảo Hòn Đỏ để câu cá. Nghe vị tiên ông tả cảnh cây cối rậm rạp tươi mát của Hòn Đỏ cùng với đàn cá dày đặc nơi bờ đá, ông Không lò vui vẻ dời chỗ ngồi câu sang bên Hòn Đỏ.

Trong lúc ông Khổng lồ ngồi câu cá thì vị tiên ông làm thơ và uống rượu. Nghĩ được câu thơ hay, làm được một vần thơ ưng ý vị tiên ông lại đọc cho ông Khổng lồ nghe. Tuy không thích thơ phú song ông Khổng lồ vị sợ mất lòng vị tiên có tâm tốt cho mình ngồi câu nơi cảnh đẹp, cá nhiều này nên ông Khổng lồ chú ý lắng nghe những vần thơ đắc ý của vị tiên ông. Nhiều lúc mãi theo dõi chiếc phao chập chờn trên mặt sóng ông Khổng lồ quên đáp ứng với lời thơ nên nhiều lúc làm vị tiên ông mất hứng thú đọc thơ của mình cho bạn nghe. Mặc dù đã thành tiên song vị tiên trên đảo vẫn còn lưu giữ cái tật của khách làm thơ là luôn luôn muốn đọc thơ của mình cho người khác nghe và muốn nhận nơi người nghe, lời khen tặng nồng nhiệt. Cho nên khi không thấy ông Khổng lồ khen tặng lời khen tương xứng nữa thì vị tiên đâm ra ngán ngẩm cho vị thơ của mình và bỗng nhiên thêm đánh một ván cờ.

Sự đam mê nồng cháy đến độ giá lúc ấy có người chịu cùng đánh cờ với nhau thì vị tiên ông có thể tặng cả thế gian này cho người chơi cờ. Biết không thể nào nài nỉ ông Khổng lồ được nên vị tiên ông bèn nghĩ ra được một mưu kế. Thấy ông Khổng lồ câu được nhiều cá và tỏ ý thích thú nơi này, vị tiên bèn đề nghị đánh cờ ăn cuộc: Nếu ông Khổng lồ thắng thì ông Khổng lồ sẽ nhận được quyền sở hữu hải đảo Hòn Đỏ này. Còn nếu ông Khổng lồ thua thì ông sẽ được đến đây câu cá thường xuyên. Nghe như vậy ông Khổng lồ thích quá vị được thua gì mình vẫn có lợi. Cái chính là câu cá. Thế thì tại sao ta lại không đánh cờ kia chứ. Ông Khổng lồ nghĩ vậy và chấp nhận vào cuộc. Bàn cờ được bày ra vị tiên ông vừa uống rượu vừa ngâm thơ còn ông Khổng lồ vẫn an nhiên ngồi câu cá, tâm không lưu ý đến bàn cờ.

Ván cờ vừa đi được ba nước thì có một con cá vượt tung mình lên không trung ông Khổng lồ mắt luyến tiếc ngó theo tay hờ hững cầm lấy con cờ chủ tướng. Rồi ông xuất tướng. Thoáng cau mày nhưng vị tiên lòng an nhiên trầm tư suy nghĩ. Bóng chiều đã ngã về Tây. Hải đảo đỏ au lên trong ráng chiều. Vị tiên ông ngồi yên lặng suy tư trong bóng hoàng hôn. Ông Khổng lồ gác cần câu nằm gối đầu trên đá ngáy ầm ầm như cùng hòa âm với sóng chiều đang vỗ mạnh vào vách đá.

Một đêm dài trôi qua. Ông Khổng lồ đã thức dậy từ lúc hừng đông và tiếp tục câu cá. Vị tiên suốt đêm dài không ngủ, ngồi suy nghĩ đến nước thứ 1000 mới gỡ được thế cờ xuất tướng của ông Khổng lồ. Cuộc cờ lại tiếp tục. Khoan khoái vị vừa câu được một con cá đuối lớn bằng chiếc chiếu trải đình, ông Khổng lồ đem xe vượt sông, thí xe đôi lấy chốt đầu. Vị tiên ông lại phải rờng rã ba đêm ngày suy nghĩ để hiểu nước cờ này và tìm ra cách phá.

Với những nước cờ tự nhiên không tính toán của ông Khổng Lồ, với sự đắn đo suy tính của vị tiên ông, ván cờ kéo dài đến khi râu tóc của vị tiên dài ra trắng xóa bay phơ phớt trên bầu trời trong vịnh Nha Trang. Cuối cùng vị tiên ông đành chịu thua ông Khổng lồ, tuy ván cờ chưa tàn cuộc. Vô tâm đã thắng hữu tâm, Hòn Đỏ từ đây thuộc về ông Khổng lồ. Khi rời đảo vị tiên ông đã để lại cho ông Khổng lồ tất cả những vật chất cùng với tinh ba của trời đất đọng chứa nơi hải đảo. Trên Hòn Đỏ, Hòn Đá Chì Em, Hòn Trấp, Hòn Bàn Cờ vẫn mang tên, mang hương vị của hòn xưa, còn Hòn Ấn nằm bên Hòn Bàn Cờ lại còn mang thêm vết tích của dấu xưa. Đó là dấu in ngón tay cái của vị tiên ông đã ấn vào Hòn Ấn để làm bằng chứng nhường hải đảo Hòn Đỏ lại cho ông Khổng lồ. Tại nơi Hòn Chồng còn vết bàn tay của ông Khổng lồ in sâu vào đá và nơi hải đảo này còn lưu vết ngón cái của thần tiên.

Ngồi nghe câu chuyện thần tiên du khách lòng lại băng khuâng nhớ lời thơ của Cô Bàn Nhân :

*Chuyện đời tuy có mà không
Tuy không mà có chuyện ông Khổng lồ.
(Nước Non Bình Định)*

Kể thêm một câu chuyện nữa về ông Khổng lồ cho vui. Có người hỏi ông Khổng lồ rằng ông có tu đạo hay không? Ông Khổng lồ đã trả lời: Khi được sinh ra, lòng ông vốn đã có đạo rồi. Sở dĩ con người cần phải có đạo vì đạo vốn có trong lòng song con người lại quên đi và như vậy phải cần tu theo đạo. Lại hỏi thêm rằng sao ông Khổng lồ đã có đạo trong lòng rồi mà còn bắt cá mà ăn trong khi đó trên đảo có rất nhiều cây cỏ. Ông Khổng lồ cười mà rằng :

Tất cả cỏ cây, đất đá cũng đều là chúng sinh. Chúng cũng được sinh ra và lớn lên. Mỗi chúng sinh đều có một cuộc sống, một hòa đồng cùng chung với nhau, một sự liên hệ mật thiết nhưng vì vô minh nên chúng ta chưa hiểu nhau mà thôi. Như vậy tránh không ăn vật này để ăn vật khác thì cũng không tránh được sát sinh. Ta ăn cá vì ta thích câu cá và cá ta câu được bỏ đi cũng uổng nên ta ăn đó thôi. Nếu ta ăn cỏ cây trên đảo thì còn đâu bóng mát cho ta ngồi, màu xanh cho ta ngắm. Ta chỉ ăn khi cần và ăn theo tự nhiên, sẵn có gì thì ăn cái ấy không kén lựa, không thích thú vì miếng ăn.

Nghe quan niệm coi cỏ cây như một sinh vật, biết thương yêu, biết quyên luyến với con người, tôi bỗng nhớ đến một câu chuyện có thật đã được nhà thơ Quách Tấn ghi trong tập Hồi ký Bóng Ngày Qua:

Khóm mận già

Đứng giữa sân trước phòng khách ngay ngõ bước vào. Ba gốc đứng sát nhau. Tôi gọi là Khóm Mận Ba Nhà.

Khóm mận này do ông thân sinh người chủ cũ của ngôi nhà số 21 đường Bến Chợ trồng lúc người này còn nhỏ. Mà người chủ cũ lớn hơn tôi đến 25, 27 tuổi, thì cây mận sanh trước tôi ít ra cũng hai mươi năm. Tôi mua ngôi nhà năm 1937, lúc ấy tôi đã 28 tuổi, thì cây mận ít ra cũng 48 tuổi rồi. Cho nên lúc tôi dọn đến, thì gốc mận đã bị bông ruột, cành chỉ còn lơ thơ. Nhiều người bảo tôi đốn đi để trồng cây khác. Nhưng tôi không nỡ, cứ để đó, chùng nào gốc thật mục, cành thật khô sẽ hay.

Tôi nhớ một chuyện xưa :

“Quan Thái Thú đất Giang Tây toan hạ một cỗ thợ trước dinh. Một hành nhân thấy thợ đang sắp sửa ra tay, liền đề nơi gốc cây một tuyệt:

*Diêu tri thử khí đồng lương tài
Vô phục thanh âm phú lục đài
Chỉ khủng nguyệt minh thu dạ lãnh
Ngộ tha thiên tuế hạc qui lai*

Nghĩa là :

*Một đi nên cột nên rường
Không còn bóng cả lộ đường rêu xanh
Chỉ e thu lạnh lòng canh
Tuổi già nương bóng trăng thanh hạc về.*

Quan Thái Thú xem thơ, cảm động, bèn sai thợ dừng búa.”

Nhớ đến bài thơ tôi càng thương quý khóm mận. Những buổi mai buổi chiều đẹp trời, những đêm trăng sáng, tôi cùng vợ con bè bạn, thường bắc ghế, kê giường nằm ngồi dưới gốc cây chung vui. Mấy tháng sau, những nhánh còn sống sót tự nhiên đâm chồi nảy lộc và to lớn lần lần. Gốc sanh một lớp vỏ mới mỗi ngày mỗi dày thêm. Và không đầy một năm, cành lá đã xum xuê,

che mát cả sân thêm, mới trông qua ai cũng ngỡ là một khóm mận to chịu thủy thổ.

Thiên hạ trầm trồ. Kẻ thì bảo rằng: "Vật chờ chủ". Người có óc phán đoán lại nói " Cây mận nhờ có người canh coi chăm sóc, lũ trẻ không bứt lá bẻ cành, nên phát trở lại". Người bạn Ấn Độ của tôi là Kicha Nassamy lại giải thích:

Đó là nhờ sức nhân điện của anh và gia đình anh mà cây mận hồi xuân.

Không biết lời nào đúng, tôi chỉ biết mừng được một cô thụ xanh tốt ở trong vườn.

Khi cành lá đã sung, hoa bắt đầu trổ. Hoa trổ kỳ nhất vào tháng mười âm lịch. Đến Tết trái chín.

Khi trái kỳ nhất đã kết, thì hoa ra kỳ nhì vào tháng 11 và trái chín vào tháng 2 hoặc tháng 3. Nhiều năm hoa thêm một kỳ thứ 3 nữa vào tháng giêng.

Hoa mận cánh trắng nhụy trắng. Mọi thứ hoa, hoa nào cũng đẹp nhờ cánh. Hoa mận lại đẹp nhờ nhụy. Nhụy dài và thanh. Chũ gọi là ba tu, tục gọi là râu mận. Khi hoa nở thì cánh bị râu che lấp hết trông vào như một chùm ngân tuyến có mùi hương.

Những ngày hoa nở sắc trắng của hoa át hẳn màu xanh của lá. Nhìn lên tàn mận, giống y mái đầu bà lão bảy mươi cúp bum bê. Nhụy hoa cánh hoa rụng phơi phơi như mưa tuyết. Mùi hoa ngòn ngọt như mùi hoa xoài. Một buổi sáng thức dậy, nhìn ra sân tôi có cảm giác đang ngồi nơi tiểu đình trên Phú Sĩ Sơn ở Nhật hay Mont Blanc ở Pháp.

Thật là thú. Nhưng lắm lúc man mác buồn vì có ý nghĩ "Không có gì vĩnh viễn", nhất là khi người nhà lo quét dọn sân hè. Để hứng vị không pha lẫn cay chua, tôi bèn dẫn con em trong nhà đợi tôi đi làm hoặc đi chơi rồi mới quét râu mận. Tôi có mấy câu ngẫu thành, gởi gắm ít nhiều tâm sự :

*Tuyết phủ đầy sân hoa rụng đây
Hương sâu theo gió chập chờn bay
Em ơi! đừng quét.. Em đừng quét
Anh chỉ yêu hoa những phút này.*

Ở Nha Trang mùa đông ít lạnh và ít mưa to gió lớn như các tỉnh bạn. Tuy vậy trăm hoa, cả hoa giấy chắc gan đều “lánh mặt” chỉ riêng hoa mạn là “đua cười gió đông”. Cho nên tôi gọi hoa mạn là hoa Tuế Hàn thay cho Bạch Mai của cổ nhân mà Nha Trang không có.

Mùa đông ít hoa nên ong bướm cũng ít. Bởi vậy kỳ mạn tháng 10 tháng 11 ít khi bị quấy rầy vì loài có cánh. Nhưng đến kỳ hoa tháng giêng thì lớp ong lớp bướm, kéo nhau đến từng bầy. Ong phần nhiều là ong ruồi. Ong bầu cũng có song chỉ năm bảy con mà thôi. Tôi không hiểu tại sao, khi mai nở chúng lại kéo đến đông, còn lúc mạn nở chúng chỉ “cử đại biểu” đến. Và đôi với mai chúng rất tàn nhẫn, còn đôi với mạn chúng lại có vẻ “biết điều”? Có người bảo rằng vì hoa mạn lớn, chúng nằm vào lòng hoa mà hút mật, mật lại nhiều nên không cần phải dụng sức dụng công. Còn hoa mai nhỏ bị chúng ôm gọn vào lòng để hút mật, vì mật ít nên phải vét cho “ráo máng cạn tàu” mới đủ no. Có người lại nói rằng trên tàn mạn ngoài ong bầu còn có ong ruồi. Ong bầu sợ ong ruồi nên không dám “làm tàng” với hoa. Thuyết trước e đúng hơn.

Còn bướm thì “không thể chê” nhiều giống nhiều màu sắc. Con thì vàng ánh như huỳnh kim. Con thì trắng phau phau như bông gòn. Con thì đen nhánh như răng hạt huyền. Con thì nâu như lông cánh bìm bịp. Con thì cánh trắng viền đỏ. Con thì cánh vàng sắc hỏa hoàng điểm những hạt cườm đen hoặc cườm trắng. Con thì rần rịt, con thì vá quàng v.v.. Trông giấp giời như một rừng phong lan.

Bướm bướm là giống phong nhã. Chúng đối với hoa lịch sự như những chàng thanh niên có giáo dục đối với tình nhân, lúc nào cũng dịu dàng, cũng nhẹ nhàng, ung dung, tự tin. Đậu vào hoa chỉ đậu phơn phớt, đưa vòi vào nhụy hoa chỉ đưa một cách thưng thưng. Nhiều con chỉ bay lượn chung quanh hoa dường như chỉ để hứng lấy hương chứ không màng đến mật. Lại có con bám theo râu hoa rơi từ cành xuống đất, rồi chớp cánh bay trở lên cành. Rơi xuống một cách nhẹ nhàng mà bay lên cũng một cách nhẹ nhàng như mảnh giấy bay theo gió. Đứng trước cảnh đó tôi chợt nhớ đến bài thơ Haikai của Nhật mà Pháp dịch :

Illusion

Fleur tombée

Retournant à la branche?...

Oh ! c'était un papillon!

Con tôi (Quách Giao) đã phỏng dịch thêm một lần nữa để tôi ngâm trong lúc cùng cảnh chung vui:

Áo ảnh

Hoa rơi vạt trở lại cành

Ồ ! Con bướm bướm nặng tình với hoa.

Khi hoa đã thành quả thì ong và bướm bay đi hết, se sẽ lại kéo đến đông đầy. Tiếng kêu chích chích không bao giờ ngớt.

Bảo rằng se sẽ kéo đến không đúng. Mùa đông chúng sợ mưa gió chui núp nơi trần nhà, ở dưới mái hiên. Lúc tạnh bay ra tìm môi thì bay lẻ tẻ và lặng lẽ như chiếc bóng qua ngang. Nếu không để ý thì tưởng chúng đã bay đi nơi khác hết. Nhưng đến lúc xuân sang, nắng ấm, chúng rủ nhau bay ra từng tốp, lớp bay lớp đậu, rộn rã tung bồng. Chúng đông nhưng không phá phách. Luôn qua lá mạn, song không bao giờ đụng vào trái lúc chín cũng như lúc còn xanh.

Bướm bướm là tài tử giai nhân, se sẽ là tao nhân mặc khách, đem tình xuân trang điểm cho ngày xuân của khóm mạn thêm xuân.

Cho nên trong mùa hoa nở, mùa trái chín, bạn bè thường họp nhau dưới bóng mạn. Và những lúc vắng người, tôi thường nằm nơi vũng cột trước hiên, nhìn cây mạn để ôn lại chuyện xưa hay tìm hưởng thú mới.

Vị thế mà hình ảnh cây mạn in sâu vào tâm khảm và tình mạn thường len vào tứ thơ, nhất là từ năm 1940 trở đi sau khi đã gặp Liên Tâm và thường cùng Chế Lan Viên, Yến Lan, Quách Tào chung bóng dưới trời trưa mùa hè.

Khóm mạn đối với tôi cũng rất có tình.

Năm 1943, tôi ra Đà Nẵng và Huế chơi hơn nửa tháng. Lúc ấy đã gần cuối đông, hoa mạn đã kết quả. Khi tôi về trên cành chỉ toàn lá. Tôi hỏi người nhà:

- Sao hái mạn sớm thế? Không đợi chín để ăn Tết?

Lũ nhỏ thưa:

- Ba đi được mấy hôm, hoa quả lần lần rụng sạch. Không sót được trái nào cả!

Tôi cho là tại thời tiết.

Đến năm 1944, tôi đưa gia đình về Bình Định lánh nạn tàu bay Mỹ khủng bố quân đội Nhật. Tôi gọi nhà cho ông Ba Lò Ô ở trước ngõ. Khi tôi đi thì mận lớp ra hoa, lớp kết quả, xum oản cả cây. Nhưng một tháng sau tôi trở vào thì mận không còn một trái nhỏ. Tôi trách ông Ba:

- Ông Ba ăn trái không nhớ kẻ trồng cây.

Ông Ba cười:

- Có được ăn trái nào đâu mà bảo nhớ với không nhớ. Bởi thầy đi được ít lâu thì hoa lẫn trái già trái non rụng đầy đất!

Một ông bạn pha trò:

- Chắc cây mận sống lâu năm đã thành tinh và là tinh đàn bà nên vắng hơi anh, tương tự chớ gì!

Tôi chợt nhớ lại khi bà thân tôi mất, hai cây trầu cùng mấy cây cau bà trồng đều chết theo. Và khi bà nội của nhà tôi mất, cây cam của bà trồng đương xanh tốt liền héo rồi chết đứng và vườn chuối rủ lá rồi lụn dần! Tôi lại nhủ:

- Thường ngày mình lân la bên mận, mận quen hơi quen hám. Đến khi vắng mình, thiếu hơi hám đã quen, mận rụng trái rụng hoa; đó là việc thường đối với người biết chút ít về khoa học thực nghiệm.

Nghĩ vậy để tự cho mình có óc thực tế, có óc khoa học. Đó là trí nghĩ chớ trong thâm tâm tôi vẫn cho là “thảo mộc hữu tình”. Do đó tôi càng thương yêu khóm mận. Đi xa nhớ nhà, hình ảnh khóm mận quanh quần bên vợ con trong mơ, trong giấc.

Đến năm 1945, Nhật đảo chính Pháp tôi thôi làm việc ở tòa sứ Nha Trang. Tôi cho mượn ngôi nhà số 21 để về Bình Định cùng với vợ con. Rồi bị kẹt ở Bình Định gần 10 năm. Mãi đến ngày ký hiệp định Genève tôi mới trở lại Nha Trang cùng gia đình.

Nhà cửa hư sơ sơ. Đồ đạc mất hết. Hoa kiểng tiêu tan, khóm mận trước sân chỉ còn hai gốc, song vẫn xum xuê.

Tôi vào Nha Trang vào khoảng tháng 11 âm lịch, gặp kỳ mãn ra hoa. Nhân đó có bài thất tuyệt ký thác tâm sự:

Đời chia mưa nắng mấy năm qua
Vườn cũ thêm thương khóm mãn già
Ba nhánh tình thâm tâm sự gửi
Không vị xa cách phụ phàng hoa.

Năm ấy hoa ra nhiều, quả kết cũng nhiều. Những người chung quanh bảo nhau rằng “cây chờ chủ”. Một ông lão mắng :

- Mấy năm nay, cây không ai coi ngó, các ông các bà để trẻ con phá từ lúc hoa mới ra thì làm sao có quả được. Chớ cây cối biết gì mà đợi với chờ?

Tôi cười:

- Lời giải thích nghe có lý, song lại chứng tỏ rằng người giải thích vô tình.

Ông lão phản đối:

- Sao lại vô tình?

- Vị không rầy giùm bọn trẻ, nỡ để cho chúng làm hư hết hoa!

Ông lão cười ha hả:

- Không ngờ ông lạc hậu đến thế. Bọn trẻ bây giờ đâu còn “tôn lão kính trưởng” còn tươi tốt như cây mãn của ông à? Ông là chủ vườn đó, để rồi xem ông có rầy nổi chúng chẳng?

Nhờ lời cảnh cáo của ông lão mà tôi lo đề phòng nên cây mãn ít bị ná cao su bắn, kéo nèo giựt... Mỗi ngày tàn mỗi xum thêm, mỗi năm trái mỗi nhiều thêm... Nhưng nhìn kỹ thì gốc cây mỗi ngày mỗi mục thêm và một gốc ngã xiên xiên ra phía đàng cái. Năm nào đến mùa đông, mưa to gió lớn, lòng tôi cũng nơm nớp sợ cho thân phận của cây. Tôi nghĩ cách chống. Song lấy gì chống cho nổi? Đúc trụ bê tông cốt sắt thì không đủ tiền và cũng không đủ chỗ vị đất hẹp. Âu đành nhờ trời thương đến ngày nào hay ngày nấy...

Mười hai năm qua kể từ khi tái hợp.

Mùa đông năm Bính Ngọ (1967) khóm mận ra hoa thanh gập bội mấy năm trước. Nhánh toả ra ngoài đường. Người nhà đèn sợ cây chạm vào dây điện đem thang, rựa đến trảy bớt nhánh. Nhưng thấy bông nhiều quá không nỡ xuống tay. Rồi trời đổ mưa dầm gió bắc suốt mấy ngày đêm. Gốc mận ngã xiên, sà thêm xuống thấp, cành lá chạm hẳn vào dây điện ngoài đường.

Sáng ngày 23 tháng 11 âm lịch tức ngày 23 - 11- 1967 trời xúng mưa, gió ngừng thổi. Tôi ra sân đứng nhìn khóm mận. Thấy gốc phía ngoài đã sà nhiều quá, tôi tự nhủ:

- Nếu có một trận gió mạnh thổi đến thì nhất định ngã chớ không thể gượng nổi nữa. Vừa nói tôi vừa đến gần. Tôi ngạc nhiên hết sức: Thân cây run run và cành lá rung rinh mặc dù không có gió. Chợt một tiếng rắc thật to nổi lên và gốc mận phía ngoài đường từ từ ngã xuống, ngã xuống phía đường cái, ngọn nằm trên những dây điện đường. Coi lại thì gốc đã mục hết. Lâu nay cây đứng vững chỉ nhờ lớp vỏ ngoài và một ít giác không lấy gì làm dày lắm!

Thế là khóm mận chỉ còn một gốc, ít cành và đứng thẳng. Lòng tôi bị xúc động mạnh!

Tôi tự nghĩ :

- Có lẽ mận nuôi mình tự khi hôm. Nên thấy mặt mình rồi liền ngã.

Tôi có cảm giác mất một người bạn thân yêu ! Một nỗi buồn tràn ngập tâm hồn tôi....

(trích Hồi Ký Quách Tấn, Bóng Ngày Qua. Đòi Văn Chương tập hai)

Câu chuyện kỷ niệm về cây mận trong vườn nhà số 12 đường Bến Chợ Nha Trang của thi sĩ Quách Tấn đã làm ý vị thêm lời ông Khổng Lô nói về cây cỏ cũng có tâm hồn tình cảm như con người. Chẳng những chỉ có ở nước ta mà trên thế giới cũng có những trường hợp như vậy. Nhất là ở Á Đông. Như câu chuyện “Cây mai biết bay” của thi sĩ MYCHIZANE (844-903) bên xứ Phù Tang:

Truyền rằng thi sĩ MYCHIZANE đi xa, xuân đến không về nhà được. Nhớ khóm mai trong vườn bèn sáng tác mấy vần thơ :

*Nhấn mai vườn tôi
Ngọn nôm bay sang
Hương đưa dịu dàng
Ôi mai vườn cũ
Em dù vắng chủ
Lòng chớ quên xuân.*

Khóm mai nơi vườn cũ, cảm thông tình nhà thơ đang đem bay đến nơi thi nhân trú ngụ, mọc ngay trước sân nhà trọ. Hoa nở xum cành. Hương bay ngào ngạt.

Buổi sáng thức dậy, nhà thơ MICHIZANE bước ra sân, trông thấy khóm mai của vườn nhà, lòng thê nhiên cảm động bèn ôm lấy gốc mai mà khóc. Khóm mai cũng khóc theo. Những giọt lệ hoa nhỏ đầy trên mái tóc thi nhân. Nhà thơ bỗng nhiên trở thành một khóm mai bằng ngọc nhưng lại biết làm thơ...

Câu chuyện chấm dứt cùng với ánh nắng ban chiều. Biển đông lại ào ào muôn ngàn sóng dậy. Mặt biển cuộn cuộn muôn sóng bạc đầu. Chung quanh chân đảo Hòn Đỏ sóng theo nhau vỗ vào vách đá tung tóe bọt nước trắng phau. Về phía trời Tây mặt trời đã chìm sau dãy núi xa xăm, hắt lên bầu trời sắc hồng rực rỡ. Rồi bóng mặt trời khuất lấp và màu đỏ thay cho sắc hồng: Ráng chiều ngự trị ở phương trời Tây. Đây là giây phút đẹp nhất của ngày tàn. Và ở nơi phía Tây Hòn Đỏ dãy đá đứng ven theo mặt nước bên cạnh bên đảo, sắc màu trở nên rực rỡ, đỏ thắm rồi trở thành vàng tươi. Màu sắc cứ thay đổi nhanh chóng khiến cho người ngắm cảnh ở trong trạng thái băng khuâng không biết cảnh thực hay là mình đã thấy cảnh trong mộng.

Nhà thơ Lê Triều Phương đã ghi lại cảm xúc và tình cảm trong hai vãn thơ :

Chiều trên Hòn Đỏ



*Mây ráng trải mênh mông
Biển sóng sánh ánh hồng*

*Vòm cây chiều ử mộng
Hòn Đỏ ngắm hư không.*

Và :

*Lung linh sóng lộng hoàng hôn
Tịnh yên Hòn Đỏ Từ Tôn soi mình
Vắng ngán vách đá lặng thinh
Hồi chuông thanh thoát đượm tình cổ tri...*

Pho đá to lớn nhất tại bên đò như mặc áo hồng bào nghiêng mình đưa tiễn du khách. Những mô đá nhấp nhô chạy dài theo chân đảo như một đoàn đệ tử đứng sấp hàng ngay ngắn tiễn đưa khách du quan. Lúc bấy giờ bầu trời phía tây bỗng trở màu tím tím, ráng chiều đã bay đi, đã tan vào hư không. Vách đá vẫn còn tươi thắm như ráng chiều đã xuống đọng nơi chân đảo. Và vách đá đang mở rộng lòng, lưu giữ màu sắc huy hoàng của ngày tàn. Cỏ cây như mỉm cười đưa tiễn, lòng du khách ngất ngây khi nhìn lại sắc thắm đỏ trên hòn đá cao to đứng nghiêng mình trên bên đê chợt nhớ rằng lòng mình đã thấu hiểu tại sao khách văn chương gọi tên hòn đá này là Tịch Dương Thạch (Hòn Đá Chiều Vàng) và hải đảo Hòn Đỏ còn mang tên là Đảo Ráng Chiều.

Ghi lại cảnh chiều nơi Hòn Đỏ nhà thơ Trần thị Phong Hương đã có mấy vần :

Hòn Đỏ hoàng hôn

*Biển ào ào dậy sóng
Mặt trời lặn về tây
Sắc hồng đọng ven mây
Ráng hồng giăng rực rỡ.
Trời phía Tây bùng đỏ
Tươi thắm cảnh trời chiều.
Hòn Đỏ bóng xiêu xiêu
Vách đá màu tươi thắm
Ráng chiều vừa xuống đọng
Trên da đá hồng tươi.
Màu đỏ trên bầu trời
Phút giây liền đổi sắc
Màu tím như đậm đặc
Hòa màu xanh mênh mông.*

*Sắc đá tỏa rộng lòng
Đón ráng chiều xuống đong.
Chập chờn muôn hoa sóng
Màu đá ửng hồng tươi
Sắc đỏ như mỉm cười
Với hoàng hôn trên đảo.
Ôi ! màu hồng huyền ảo
Làm đảo có thiện duyên
Mang một tên diễm huyền
Đảo Ráng Chiều: Hòn Đỏ.*

Đến thăm đảo, có người về trong ngày và cũng có người ở lại đêm. Nhất là những đêm có trăng, vào các ngày 17,18,19 âm lịch.

Trước lúc trăng mọc du khách được thưởng thức một khoảng thời gian ngắn trong một không gian đầy thú vị trước biển Đông. Ngồi tựa mình nơi vách đá nơi hướng Đông du khách lặng lẽ nhìn dãy đèn câu giăng mắc tận phía chân trời. Khác với khi ngồi nơi bãi biển Nha Trang nhìn ánh đèn câu nơi góc biển, ở đây du khách cảm thấy ánh đèn câu dường như gần gũi hơn, đậm ấm hơn. Màu biển đen nhưng không tăm tối, biển và đảo cùng hòa chung nhịp sóng, ánh đèn câu là nhịp nối giữa đảo với chân trời. Sao trời lấp lánh như muốn chia vui cùng các con sóng chạy quanh đảo, vỗ vào vách đá rì rào. Tiếng rì rào chạy từ bờ đá này sang bờ đá khác như chúng đang trao đổi chuyện tâm tình với nhau. Tiếng sóng ban đêm dường như dịu dàng hơn tiếng sóng lúc ban chiều. Trong màn đen dịu ngọt, trùng dương như đang ngưng thở chờ đón sự đổi thay.

Bỗng nhiên nơi phía chân trời xa một vùng ửng sáng rồi lan rộng khắp trời phía đông. Ánh trăng như vừa thức giấc. Mặt biển như lặng sóng và bóng trăng ló dạng nơi phía chân trời. Trăng vừa mới mọc, hải đảo Hòn Đỏ khẽ chao mình chào đón. Mặt trăng từ từ nhô lên khỏi mặt nước. Bầu trời trong sáng. Mặt đại dương lóng lánh long lanh. Ngồi trên đảo du khách thấy dưới chân mình đại dương đang xao động, ánh trăng quyen luyến trên đầu và cỏ cây đang đùa theo nhịp gió.

Trăng từ từ nhô cao rồi dịu dàng đi dần vào lòng trời trong xanh có vẩn vương đôi làn mây trắng. Hòn Đỏ mình nhuộm đầy ánh trăng nhập vào nguồn sáng tươi mát của trời trăng. Những hòn đá nơi bờ đá như vươn cao, bờ đá như nói rộng, mình đắm ướt ánh trăng. Ánh trăng tắm ướt da đá, gội vàng lên các tàng cây và long lanh trên những viên sỏi phơi mình trên các lối

đi, trên các đường mòn trên đảo. Dưới ánh trăng, hoa dại thắm tỏa hương thơm khiến cho du khách ngỡ rằng ánh trăng nơi hải đảo Hòn Đỏ có hương thơm.

Giữa khuya tiếng chuông nơi thiền tự Từ Tôn ngân nga đả hồi. Âm thanh trong suốt như ánh trăng, êm đềm như hơi thở của hoa lá, cùng với hương khói trầm nhang lan tỏa khắp bầu trời. Trăng trên hải đảo nào cũng đẹp cũng xinh cũng tươi thắm lòng người, nhưng trăng trên hải đảo Hòn Đỏ lại càng thêm ý vị vì có tiếng chuông ngân trong niềm trong sáng của thiên nhiên khiến lòng người thêm tịnh, thêm yên vui. Đêm trăng trên Hòn Đỏ gồm tụ những đêm trăng trên bãi biển Nha Trang, trăng trên đồi Trại Thủy và trăng trên núi Sinh Trung.

Trăng trên bãi biển Nha Trang, trong ánh trăng có bóng đèn đường giăng mắc, có bóng người đi lại vui chơi cùng thiên nhiên. Trăng trên đồi Trại Thủy có âm vang của tiếng chuông chùa Hải Đức. Trăng trên núi Sinh Trung ngưng đọng hương khói từ trong chùa bay ra.

Nhà thơ Quách Tùng Phong đã viết về trăng trên Hòn Đỏ:

Trăng trên Hòn Đỏ

*Mặt biển bỗng lặng yên
Màu hồng vừa thức giấc
Chân trời trắng rưng mọc
Hòn Đỏ đón hồng tươi
Cỏ cây ửng nụ cười
Ánh trăng hôn lên đá
Gió rung rinh cành lá
Trăng sáng khắp đảo rồi
Một nguồn sáng tinh khôi
Trong veo màu diễm tuyết.
Mặt đá như đọng tuyết
Sắc hồng thắm màu tươi
Trăm vạn tình biển khơi
Tụ về trên đảo ngọc.
Tàng cây xanh xõa tóc
Lấp loáng ánh trăng ngà
Lôi mòn thơm tình hoa
Bầu trời đầy hương Phật*

*Trăng tự trời Đâu Suất
Rớt ngọc xuống trần gian
Óng ánh giọt chuông vàng
Trăng ngân trên Hòn Đỏ.*

Đây mới chỉ là thời gian và không gian trên hải đảo Hòn Đỏ. Còn cái hồn, cái tinh túy đều lắng đọng nơi thiền viện Từ Tôn. Chùa được xây trên đỉnh Hòn Đỏ. Mái ngói đơn sơ, vách gạch giản dị nhưng bên trong chùa được bố trí trang nghiêm âm cúng. Chùa mang dáng dấp một ngôi cổ tự ở thôn quê, ở thời gian xa xưa khi mà lòng con người chưa chuộng cái vẻ hoành tráng bên ngoài, cái đẹp nguy nga của những ngôi chùa trên tranh ảnh. Giữa trời cao biển rộng, ngôi chùa không hề lẻ loi cô quạnh mà đầm ấm vô ngần. Chùa và đảo có mối tình liên hệ thiêng liêng nên Hòn Đỏ được mang tên Hòn Đỏ Từ Tôn. Nhất là khi đọc xong tập lược sử hình thành chùa Từ Tôn Hòn Đỏ của sư trụ trì Thích Viên Mãn.

Suốt trên 40 năm cần cù lao động để khai phá hòn đảo đầy đá, giữa nước mây hiu quạnh, thiếu nước thiếu bóng mát cây cao, sa môn Thích Viên Mãn nhờ vào tấm lòng từ bi kiên nhẫn, sự giúp đỡ của gia đình người chài lưới nghèo khổ (anh Sáu Sài Gòn) và các tín đồ Phật giáo đã xây dựng được ngôi chùa Từ Tôn và khu đảo Hòn Đỏ. Sự xanh tươi ấm áp đã ngự trị trên hòn đảo nhỏ nhoi và cô độc này nhờ ở tấm lòng vị Đạo vị người, vì quang cảnh thiên nhiên của một nhà sư có một tâm hồn thông thoáng và yêu mến biển cả trời mây.

Có lẽ tại Nha Trang duy nhất có một ngôi chùa được xây trên một hải đảo. Một ngôi chùa nằm giữa mây nước trùng dương mà lại không mang tên có liên quan đến biển cả như Hải Đức, Giác Hải v.v.. Chùa có danh hiệu là Từ Tôn là danh hiệu của Phật Di Lặc.

Trong kinh Pháp Hoa có câu “Từ bi thị hiển Di Lặc tôn kính Phật” hay nói gọn là “TỪ BI THỊ HIỂN DI LẶC TÔN KÍNH PHẬT” và gọi tắt là TỪ TÔN.

Sau Thế Tôn là Từ Tôn. Ngài Di Lặc, tượng trưng cho sự an Lạc, cho mai sau. Nụ cười Di Lặc là nụ cười hồn nhiên, nụ cười cho mọi người, cho ngày mai. Và chùa Từ Tôn mang tên của vị Phật an lạc này với tâm nguyện theo đường lối của ngài mang đến niềm vui cho người mai hậu, an lạc cho mai sau. Một nụ cười an lành nở trên hải đảo.

Từ Tôn còn có thể gợi cho khách du quan một cảnh chùa hiền từ nhưng tôn nghiêm giữa chốn trùng dương mây nước. Từ Tôn còn mang ý nghĩ của

người dân chất phác là từ từ tôn tạo. Bốn mươi năm cù lao động sa môn Thích Viên Mãn và các đệ tử đã chứng nghiệm ý nghĩa này.

*Từ Tôn, Từ Tôn
Di Lạc, Di Lạc
Đem an lạc
Cho mai sau
Đầy nhiệm màu
Nở nụ hồng trên hải đảo
Đóa hoa sen huyền ảo
Của Từ Tôn, Từ Tôn
Của Di Lạc, Di Lạc
An lạc đầy tâm hồn.*

So với các ngôi chùa khác, chùa Từ Tôn thiếu nhiều điều kiện để trở thành một ngôi đại tự, để trở thành một danh lam. Tuy nhiên Từ Tôn đã có một lịch trình xây dựng gian lao với hình bóng một vị sư lưng trần gánh nước từ dưới bến đò lên đến đỉnh đồi trong nắng ban mai, giữa cái chói chang của trưa nóng và còn để lại cho các đệ tử một câu chuyện của vị sư gặp khổ nạn không thể nào quên.

Nguyên năm 1968 sư Viên Mãn từ đất liền ra đảo Hòn Đỏ. Không có thuyền nên người phải dùng một tấm xốp trên dựng thức ăn và nước uống. Sư Viên Mãn không biết bơi nên phải bám vào tấm xốp. Khi gần đến bờ đảo thì một cơn lốc từ đất liền thổi ra biển khơi đã cuốn theo tấm xốp và người. Lênh đênh trên biển cả suốt hai ngày đêm họ được một chiếc tàu quốc tịch Nhật Bản cứu vớt và gởi thuyền đánh cá của ngư dân Xóm Cồn đưa về đất liền. Càng gặp gian nan sư Viên Mãn càng bền chí khai hoang Hòn Đỏ và kiến tạo chùa Từ Tôn.

Cảnh gánh nước từ chiếc thuyền thúng chở nước ngọt từ trong đất liền ra đảo phải gánh nhiều lần từ dưới bến lên đến đỉnh đồi theo đường dốc quanh co khúc khuỷu. Sáng gánh mãi đến trưa mới xong. Dùng nước ngọt này ngoài việc phục vụ cho sinh hoạt ăn uống còn để tưới cho các cây lâu năm trồng trên đảo. Bây giờ có được nước ngọt bơm từ đất liền lên đảo hàng mỗi tuần để chứa trong các hồ xi măng to lớn nên khách du quan không thể tưởng tượng được cảnh thiếu nước và gánh nước cực khổ đến dường nào.

Tham quan bên cạnh vườn chùa, du khách bắt gặp ngoài các chậu hoa tươi đẹp còn có một cây kiềng bằng lãng bông gốc được trồng trong một chiếc

thuyền thúng. Hình dáng cây kiềng bằng lãng và chiếc thuyền thúng gợi nhớ đến những ngày chở nước và gánh nước lên đồi tưới cây của nhà sư Viên Mãn. Bóng một nhà sư đơn độc gánh nước in hằn lên nền trời xanh nơi hoang đảo. Cô liêu, vũng vàng như cây bằng lãng còn giữ trọn dáng người xưa.

Cây cảnh bằng lãng.

*Cây bằng lãng xưa
Khẽ khiu trong chiếc thuyền thúng
Năm đơn độc bên cạnh vườn hoa
Chưa xóa nhòa
Cảnh nắng trưa
Nhà sư trần lưng gánh nước
Bước từng bước
Từ chân dốc lên đồi
Ôi ! Những giọt mồ hôi
Chảy dài trên lưng Bồ tát.
Nắng chói chang
Lòng vẫn luôn rạo rạt
Ước mong xanh mát bóng chùa
Từ Tôn Hòn Đỏ hương đưa
Cây bằng lãng giữ dáng xưa một lòng.*

Phong Hương

Ngoài ngôi Tam Bảo Từ Tôn, giếng đá, các hồ chứa nước, vườn hoa, còn có nhiều công trình rất mỹ tú. Như tượng đức Quán Thế Âm Bồ Tát đứng nơi Nghê Phong Đài mặt ngó về phương Đông. Cũng nơi gành đá này một quần cảnh hội tụ tượng Đức Quan Âm với đồng tử có rồng nghinh bái, có đỉnh hương to lớn với tầng bậc thang xây bằng đá xuống sát mé biển đông. Nơi đây công tạo tác của người đã hòa đồng với cảnh trí thiên nhiên thật là tài ba duyên dáng.

*Chật ngát giữa sườn non
Chập chờn đá mấy hòn
Biển xanh thuyền chao sóng
Trời thẳm đảo chon von
Phật mẫu nhìn khổ hải
Đồng tử bái Quan Âm*

*Lư hương lồng mây khói
Rồng đến phục Xứ Trâm.
Tùng Phong*

Hòn Đò Từ Tôn mãi đến tận hôm nay vẫn còn giữ được những nét hoang sơ mặc dù có bàn tay con người trang trí. Mai sau ngôi thiền tự Từ Tôn dù có được xây dựng nguy nga đồ sộ như những cảnh chùa khác, tôi mong ước rằng chùa nên xây thế nào để hợp với dáng núi, với bóng hải đảo có bãi đá viền quanh. Nên lấy cảnh núi của đảo làm chủ mà cảnh chùa chỉ là viên ngọc trong miệng rồng. Hãy giữ gìn cho da của đá vẫn còn giữ được bóng đỏ rắng chiều, tránh không cho những bài thơ, những tên người ghi trên đá để làm kỷ niệm một chuyên du hành, một mối tình dang dở v. v.. Mong rằng khách tham quan không để lại vết tích của mình trên thân đá, thân cây.

Từ Tôn là Di Lạc, là an lành, là mai sau hạnh phúc, là hồn nhiên.

Những gì thiên nhiên sắp xếp hãy để yên, hãy giữ gìn trọn vẹn. Chỉ cần thêm vào những chi tiết cần thiết cho cảnh thêm tươi, thêm hợp với đời với đạo.

Muốn tham quan một cảnh chùa hoành tráng trang nghiêm thì nên đến chùa Long Sơn. Muốn ngắm nhìn sự tham dự vào thiên nhiên của bàn tay con người thì nên ra đảo Trí Nguyên hay Hòn Ngọc Việt. Đến Hòn Đò thì chỉ có Từ Tôn, một ngôi chùa, một hải đảo của an lạc của nụ cười Di Lạc hồn nhiên.

Khi giã từ Hòn Đò Từ Tôn, lòng du khách bâng khuâng thương nhớ và hẹn ngày tái ngộ. Nhớ đến chùa Từ Tôn mỗi lúc lòng đời có điều xao xuyến, khiến lòng ao ước trở lại thăm chùa xưa.

Đây 2 bài thơ tưởng nhớ:

Hòn Đò Từ Tôn

*Như một đóa sen hồng
Ngưng đọng tình biển Đông
Nở trăm nghìn cánh đá
Áp ủ chùa Từ Tôn
Màu biển xanh ngọc bích
Sắc đá đỏ rắng chiều*

Hòn Đỏ Từ Tôn đảo
Tôn kính và mến yêu
Hòn Đỏ là màu sắc
Ráng chiều không phai màu.
Từ Tôn là Di Lạc
An lành cho mai sau
Đá cúi đầu đánh lễ
Trời phảng phát hương trầm
Trăm nghìn con sóng bể
Về tưng Hải Triều Âm
Đốc cao thương lối cũ
Giếng đá nhớ mưa nguồn
Nền chùa xưa trắng đọng
Hòn Đỏ có Từ Tôn.
Cách xa ngàn vạn dặm
Lòng vẫn nhớ vẫn thương
Hòn Đỏ Từ Tôn đảo
Đẹp như đóa sen hường...
Và :

Và

Chùa Từ Tôn Hòn Đỏ

Hải đảo trời mây trái nắng mưa
Từ Tôn Hòn Đỏ dáng chùa xưa
Trắng lồng mặt biển hồi chuông vọng
Hương thoảng sườn non ngọn gió đưa.
An lạc nhẹ bông mây buổi sáng
Trần ai nặng gánh nắng ban trưa
Ra về sắc ráng hương còn đọng
Lưu luyến lòng ai lớp sóng đưa.

Quách Giao

---o0o---
Hết